

Mục Lục

KHÓA I:	Hình Thức và Hiệu Lệnh Tập Hợp	1
KHÓA II:	Văn nghệ trong GDPT; Trại Ca	4
KHÓA III:	Tinh thần trại Lộc Uyển (hàm thụ)	8
KHÓA IV:	Đức tin người Huỳnh Trưởng (hàm thụ)	11
KHÓA V:	Tư Cách và nhiệm vụ của Người Đoàn Phó (hàm thụ)	14
KHÓA VI:	Báo Chí trong GDPT	17
KHÓA VII:	Lược sử GDPTVN	25
KHÓA VIII:	Tìm hiểu về nội quy của GDPTVN	37
KHÓA IX:	Người Huỳnh Trưởng với Đạo Pháp và Dân Tộc (hàm thụ)	39
KHÓA X:	Nguyên Lý Căn Bản của Đạo Phật	42
KHÓA XI:	Ứng dụng Phật Pháp vào sinh hoạt GDPT	44
KHÓA XII:	Những Huỳnh Trưởng và Đoàn Sinh GDPT đã hy sinh cho đạo pháp và dân tộc	48
KHÓA XIII:	Tổ chức và điều khiển Trại	53
KHÓA XIV:	Pháp Nạn 1963, Tưởng nhớ ngài Thích Quảng Đức	60
Phần phụ đính		74

Trại sinh

Pháp danh

GDPT

Số ký danh

KHÓA I: Hình Thức và Hiệu Lệnh Tập Hợp

I. HÌNH THỨC TẬP HỢP

Hình thức tập hợp gồm:

1. Các thế cá nhân:

a. Thế nghiêm:

Đứng thẳng, hai tay thẳng theo mình, gót chân chạm vào nhau, hai bàn chân giang ra thành hình chữ V với góc độ 60. (Hình 1)

b. Thế nghỉ:

Chân phải đứng nguyên tại chỗ, chân trái giang ra độ khoảng 30 cm, hai tay để sau lưng (Ngành Nữ thì hai tay khoanh trước ngực) và giữ im lặng.

c. Thế nghỉ tự do:

Như thế nghỉ thường nhưng có thể nói chuyện nho nhỏ. (Hình 2)



Hình 1



Hình 2

d. Thế nghỉ có gậy:

Đứng thế nghỉ, tay phải nắm gậy đưa thẳng ra theo vai. (Hình 3)

e. Thế chào:

Đứng thẳng như thế nghiêm, tay bắt ấn kiết tường. (Hình 4)

f. Thế chào có gậy:

Đứng thẳng như thế nghiêm, tay trái đưa ngang bụng nắm lấy gậy và tay phải bắt ấn kiết tường. (Hình 5)



Hình 3



Hình 4



Hình 5



Hình 6

2. Cách xếp hàng:

Gồm hai phần:

a. **Dự lệnh:** Là lệnh ra trước để Đoàn sinh chú ý chuẩn bị

b. **Động lệnh:** Là lệnh để cho Đoàn sinh thi hành ngay một động tác.

II. HIỆU LỆNH TẬP HỢP

Hiệu lệnh cần phải dễ phân biệt và được giải thích rõ ràng cho mọi người trước khi phát lệnh.

Sau đây là các hình thức hiệu lệnh thông dụng, tuy nhiên nếu cần, các em có thể sáng tạo nhiều hình thức hiệu lệnh khác.

- a. **Còi lệnh:** Hiệu còi dùng để cho Đoàn sinh chú ý chạy đến trước khi dùng thủ lệnh trong các buổi họp đoàn, những khi cắm trại hay du ngoạn, v.v. Người phát lệnh sử dụng còi với những tính hiệu tích, tề (Morse).
- b. **Khẩu lệnh:** cũng có Dự lệnh và Động lệnh. Dự lệnh: nói trước cho Đoàn sinh biết những động tác gì sẽ phải thi hành; dự lệnh phát ra phải chậm rãi và rõ ràng. Động lệnh phát ra để Đoàn sinh thi hành ngay một động tác; động lệnh thường phát ra phải mạnh mẽ và rõ ràng.
- c. **Thủ lệnh:** Được phát ra theo khẩu lệnh hay còi lệnh gồm các động tác:

Tập hợp một hàng dọc: Người điều khiển đưa thẳng cánh tay ra đằng trước, cánh tay quá đầu một chút, bàn tay nắm lại và ngón trỏ đưa lên (hình 1).



Hình 1

Tập hợp nhiều hàng dọc: Người điều khiển đưa thẳng cánh tay ra đằng trước, cánh tay quá đầu một chút, bàn tay nắm lại và đưa hai, ba hay bốn ngón tay ra hiệu tùy thuộc số hàng mình muốn (hình 2)



Hình 3

Tập hợp hàng ngang: Người điều khiển đưa thẳng cánh tay ra phải ngang vai, bàn tay nắm lại. (hình 3)



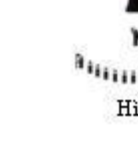
Hình 5

Tập hợp hình rẽ quạt: Người điều khiển đưa thẳng cánh tay lên phía trên thành hình chữ V góc độ 60, bàn tay nắm lại. (hình 4)



Hình 7

Tập hợp hình chữ U: Người điều khiển đưa cánh tay phải ngang vai tạo thành góc độ 90 bàn tay nắm lại. (hình 5)



Hình 8

Tập hợp hình chữ nhật: Người điều khiển đưa hai cánh tay ra ngang vai, tạo thành góc độ 90, bàn tay nắm lại. (hình 6)

Tập hợp hình bán nguyệt: Người điều khiển đưa hai cánh tay phải lên phía trên đầu, tạo dáng của một vòng cung, bàn tay nắm lại. (hình 7)



Hình 2



Hình 4



Hình 6

KHÓA II: Văn nghệ trong GDPT

I. ĐỊNH NGHĨA

Văn nghệ là văn chương và nghệ thuật, chỉ một số hình thức sinh hoạt tinh thần của con người. Những sinh hoạt tinh thần này có mục đích phô diễn tình cảm hay trình bày một tư tưởng dưới các hình thức như văn tự, âm thanh, đường nét, ngôn ngữ.

II. VĂN NGHỆ VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

1. Đối với người sáng tác:

Văn nghệ là một nguồn hoan lạc, một sự cởi mở cho tâm hồn, một phương tiện giải trí và cũng là một phương tiện giáo dục.

2. Đối với người thưởng ngoạn:

Văn nghệ, là một cơ hội giải trí, một niềm thông cảm, giúp đời sống thêm nhiều ý nghĩa.

3. Tính chất phổ cập của văn nghệ:

Ngày nay, văn nghệ phổ cập trong đại chúng là một món ăn tinh thần cần thiết cho con người.

III. CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

Gồm 2 loại chính:

1. Văn nghệ tĩnh:

- Văn xuôi, thơ
- Hội họa, điêu khắc, nhiếp ảnh.
- Báo chí.

2. Văn nghệ động:

- Âm nhạc – ca vũ.
- Hùng biện hay kể chuyện
- Kịch và điện ảnh.

IV. VĂN NGHỆ VÀ GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

1. Vị trí văn nghệ trong Gia Đình Phật Tử:

Văn nghệ đứng sau Giáo lý và đi song song với Hoạt động thanh niên, Xã hội.

- Về hình thức: Văn nghệ là một phương tiện giải trí thanh nhả cho

đoàn viên, mang lại nguồn vui, điểm thêm tươi trẻ cho Gia Đình Phật Tử.

- Về tinh thần: Văn nghệ là một lợi khí giáo dục, dẫn dắt thanh niên đến với giáo lý Phật đà, bảo vệ và củng cố đức tin, đề cao lý tưởng phong trào, đào tạo thành con người chân chính.

2. Đặc tính văn nghệ trong Gia Đình Phật Tử:

Văn nghệ trong Gia Đình Phật Tử phải nhằm đạt đến các đặc tính căn bản sau đây:

- Dựa trên nguyên tắc căn bản cố hữu của Gia Đình Phật Tử gồm:
 - + Mục đích Gia Đình Phật Tử: “Đào luyện Thanh Thiếu, Đồng niên thành Phật tử chân chính, góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần Phật giáo”.
 - + Châm ngôn Bi – Trí – Dũng: Phát huy tinh thần Bi Trí Dũng.
 - Tôn trọng và thể hiện Chân Thiện Mỹ: Loại trừ các thứ văn nghệ trữ tình, ly khai văn chương đậm uế, ủy mị, kêu gọi dục vọng, căm thù . . .
 - Phát huy dân tộc tính: Làm sống lại lễ nhạc Phật giáo và tinh thần bất khuất của dân tộc, ly khai các ca nhạc vong quốc, các loại kích động ngoại lai làm mất bản sắc dân tộc.



- *Nghiêng về hiện thực xã hội:* Cố gắng thực hiện sự thật trong cuộc sống đau khổ của cá nhân và xã hội, của dân tộc, không thoát ly ra ngoài niềm đau khổ của nhân sinh.
- *Nhắm tới cứu cánh siêu thoát:* Văn nghệ Gia Đình Phật Tử xuất phát từ thực tại nhân sinh, nhưng phải vượt khỏi cái giả ảnh, như huyền của cuộc đời mà hướng thiện, hướng thượng, theo cứu cánh giải thoát, đem vui cứu khổ.

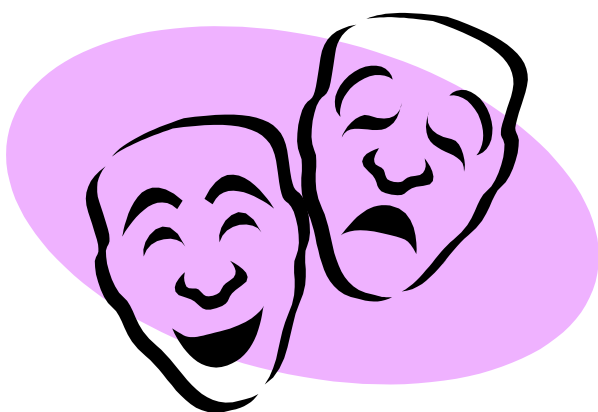


V. ĐỀ TÀI VĂN NGHỆ TRONG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

1. Rút từ giáo lý Phật đà, từ đời sống cao đẹp của chư Phật và Bồ tát, Thánh tử đạo.
2. Rút từ châm ngôn, mục đích, luật Gia Đình Phật tử, từ tình thương. Đây là địa hạt quan trọng nhất và là chính yếu.
3. Rút từ đề tài trong lịch sử dân tộc, trong cuộc sống gia đình, trường học, xã hội, trong niềm yêu thương xứ sở.

VI. KẾT LUẬN

Văn nghệ trong Gia Đình Phật Tử có một tác dụng lớn lao, một phương tiện thực hành giáo lý, một phương tiện giáo dục Đoàn sinh và đưa quần chúng hiểu biết tổ chức, cho nên chúng ta phải đặt nó đúng tầm quan trọng, đứng sau giáo lý, trợ giúp cho sự tu học Phật pháp của Đoàn sinh thêm hiệu quả. Việc thực hiện văn nghệ được kết quả hay không còn đòi hỏi ở Huỳnh trưởng nhiều thiện chí và cố gắng đạt các mục đích trên.



Arts and Literature in GDPT

I. ARTS AND LITERATURE

are mental and intellectual forms of activities. The purpose of these activities is to express emotions or ideas using literature, sounds, pictures or languages, etc.

II. ARTS AND LITERATURE IN PEOPLE'S LIVES

1. For the composers:

Arts and Literature are sources of happiness, spiritual liberation, entertainment and means of education.

2. For the audiences:

Arts and Literature are entertaining and provide some understanding to make our lives more meaningful.

3. The Popularity of Arts and Literature:

Today Arts and Literature are very popular in our society and provide much needed "intellectual" sustenance for people.

III. ARTS AND LITERATURE CATEGORIES

1. Passive Arts and Literature:

- Literature, poetry
- Painting, sculpture, photography
- Press or newspaper.

2. Active Arts and Literature:

- Music, dance
- Debate or story telling
- Plays and movies

IV. ARTS AND LITERATURE IN GDPT

1. The role of Arts and Literature in GDPT:

Arts and Literature are ranked second after Buddhist teaching and parallel with our youngsters' and social activities.

- On the outward appearance, Arts and Literature are wholesome means of entertainment for our youngsters. They bring joy, happiness as well as enriching our young members' lives.
- Intellectually, they are powerful educational tools, which bring young member closer to Dharma teaching. They reinforce our faith toward Buddhism and nurture GDPT's morality, uphold ideals, and make us better human beings.

2. The characteristic of Arts and Literature in GDPT:

There are 5 characteristics of Arts and Literature in GDPT:

- a. The first characteristic is based on the basic principles of GDPT:
 - The purpose of GDPT
 - The precepts of GDPT: Compassion, Wisdom and Courage.
- b. Respect and represent the truth, the goodness and the beauty: Do not use Arts and Literature materials containing adult contents, demeaning, hatred, depicting violence, etc...
- c. Preserve the Vietnamese tradition: revive the Buddhist songs and our National patriotism. Avoid songs that betray our heritage,

encouraging foreign influences and weakening our unique culture.

- d. Research on the society: Try to find the truth within our personal lives, our society and our Vietnamese people. All cannot escape the universal suffering of people.
- e. Aim at the ultimate liberation: Arts and Literature in GDPT should derive from the real life, but should transcend life's false illusions and aim toward being good, wholesome, charitable, bring joy, and lessen sorrows.

V. TOPICS ON ARTS AND LITERATURE

1. Extract from the Dharma, from the perfect lives of Buddha and the Bodhisattvas.
2. Extract from the rules/precepts of GDPT, from weekly activities, from compassion. This is of more

importance that we can find more materials here for the topics of Arts and Literature.

3. Extract from our Vietnamese history, from home, from school, from the society and from our love toward our motherland.

VI. CONCLUSION

Though the Arts and Literature subject should not be over-emphasized in GDPT, it does usually help us in studying our Dharma. It also helps teaching our youngsters in a fun environment. Performing the full Arts and Literature repertoire requires the utmost goodwill, care, and endurance from the leader. Then and only then, he or she may strengthen the Vietnamese heritage and preserve our Vietnamese culture.



KHÓA III: Tinh thần trại Lộc Uyển

I. KHÁI NIỆM Ý NGHĨA TÊN TRẠI:

Lộc Uyển là một vườn có nhiều cây cảnh đẹp và rợp bóng quanh năm, đặc biệt là có nhiều nai sinh sống trong khu vườn này.

Lộc Uyển cũng có tên gọi là Lộc Giả hoặc Lộc Giả Uyển. Chính nơi này Đức Phật đã thuyết pháp cho 5 anh em Kiều Trần Như bằng pháp môn Tứ Diệu Đế, và chính pháp môn Tứ Diệu Đế đã khai thị cho Kiều Trần Như, Ác Bệ, Thập Lịch Ca Diếp, Ma Ha Nam Câu Ly và Bạc Đề được ngộ đạo và chứng nhập quả vị La Hán.

NGUYÊN NHÂN ĐỨC PHẬT CHỌN VƯỜN LỘC UYỂN ĐỂ THUYẾT PHÁP ĐẦU TIÊN

1. Trong kinh Đại Phương Tiện ghi lại một tiền thân của Phật ở thời quá khứ lúc Đức Phật Tỳ Bà Thi còn tại thế ở nước Ba La Nại có Thái tử Tu Xa Đề đã lóc thịt mình cúng dường phụ hoàng và mẫu hậu trên đường chạy loạn. Trước phút qua đời Trời Đế Thích đã hiện thân làm sư tử hổ lang để oai hiếp Thái tử có thoát chuyển tâm nguyện Bồ Đề không. Nhưng đứng trước nguyện lực sắt đá của Thái tử Thiên Đế Thích quyết đoán không bao lâu Thái tử sẽ đắc chứng quả. Nên xin Thái tử khi thành Phật hãy độ cho ngài trước – Thiên Đế Thích là tiền thân của ngài A Nhã Kiều Trần Như. Nay nhớ nguyện xưa nên trở về Lộc Uyển để chuyển bánh xe Pháp thành tựu 3 ngôi Tam Bảo.
2. Sau khi rời khổ hạnh lâm đến dòng Ni Liên tắm rửa – kết cỏ làm tọa cụ, ngồi dưới gốc Bồ Đề, lập thệ **“Nếu không tìm ra đạo vô thượng chánh đẳng giác thì quyết không rời khỏi chốn này”**. Sau 49 ngày, vào đêm mùng 8 tháng Chạp Ngài chứng được đạo quả.

Khi ngài mới chứng được quả. Ngài còn ngần ngại chưa muốn đi truyền đạo ngay, vì sợ Đạo của Ngài sâu xa khó hiểu nhưng sau ngài rõ căn cơ và ứng dụng các phương tiện Ngài mới cương quyết đem Đạo Phật ra giáo hóa chúng sanh.

Trước hết Ngài đến vườn Lộc Uyển thuyết pháp Tứ Diệu Đế độ cho 5 người bạn trong nhóm Kiều Trần Như. Như đã nói ở trên, Đức Phật là người đầu tiên chứng nhập và chứng minh chơn lý Tứ Diệu Đế (Thị Chuyển, khuyến chuyển và chứng chuyển) thành kiến mê lầm tan vỡ, trí tuệ siêu thoát xuất hiện, và 5 vị ấy là người đầu tiên ngộ Đạo. Nhờ pháp Tứ Diệu Đế này chứng nhập quả vị A La Hán.

II. TINH THẦN LỘC UYỂN ĐỐI VỚI HUYNH TRƯỞNG

Như đã nói ở trên, Đức Phật chọn vườn Lộc Uyển để thuyết pháp lần đầu tiên và khai thị cho 5 anh em Kiều Trần Như đã chứng được quả vị A La Hán. Với ý niệm đó. Trại huấn luyện đầu tiên của cuộc đời Huỳnh Trưởng là Trại Sơ cấp lấy tên là Trại Lộc Uyển.

Cho nên, trước khi bước vào ngưỡng cửa của đời Huỳnh Trưởng “Vạn sự khởi đầu nan” không khác nào chúng ta xây dựng một ngôi nhà, điều cần thiết phải cấu tạo phần móng cho vững chắc. Móng có được vững thì ngôi nhà sau này mới được trường tồn. Cho nên để hoàn thành sứ mệnh thiêng liêng và cao cả đó người Huỳnh Trưởng phải có tư cách, tác phong và hiểu rõ nhiệm vụ của mình, để làm điểm tựa tiến bước trên đường tu học, phục vụ đạo Pháp, Dân tộc và lý tưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Tư cách của người Huynh Trưởng Lộc Uyển:

Tư cách và tác phong là tấm gương sáng để các em noi theo cho nên chúng ta cố gắng trau dồi tác phong, tư cách: thực hiện tốt những qui định của tổ chức để hoàn thành mọi nhiệm vụ.

a. Hình thức bên ngoài:

Giúp ta biết một người có đứng đắn hay không: “Nhìn trang phục biết tư cách ” hoặc “ Quen sợ dạ, lạ sợ áo quần ”. Thờ ỉ, râu tóc có ảnh hưởng đến tư cách, tác phong không nhỏ. Cho nên đã là một Huynh Trưởng ta không để râu tóc quá lộm thuộm.

b. Đối với nữ Huynh trưởng:

Chúng ta nên giản dị về trang sức, ăn mặc lịch sự kín đáo.

c. Đức độ bên trong:

Đức tính không phải do thiên tạo mà do chính chúng ta tập tành. Người đời thường bảo: “Đức thắng tài” nếu một người có tài mà thiếu Đức, thì tài ấy cũng không thiết thực cho xã hội. Người HTr phải luôn luôn trau dồi 5 hạnh của người Phật Tử: Tinh tấn -Thanh tịnh – Trí tuệ – Hỷ xả và Từ bi. Tước mắt, những đức tính cần thiết cho Huynh Trưởng là:

- **Tình thương:** Luôn luôn thương yêu đùm bọc các em: chỉ có tình thương màu sắc áo lam mới đậm đà và vĩnh cửu (đơn cử một số thí dụ thực tế).
- **Hy sinh:** Phục vụ đạo Pháp không cầu danh, cũng chẳng cầu lợi. Vì danh gì mà cầu. Cho nên chúng ta quên mình, quên quyền lợi trong danh vọng riêng tư để phục vụ cho các em, dù gian khổ bao nhiêu chăng nữa cũng không sờn lòng.
- **Kiên nhẫn:** Luôn luôn kiên trì nhẫn nại trong mọi công tác “Thắng không kiêu, Bại không nản”, “Trường đồ tri mã lực”.
- **Trung kiên:** Nhờ đức tính kiên nhẫn trên ta tập được tính trung kiên. Khổng tử ngày xưa cho rằng Trung là một đức tính quan trọng nhất, Thiếu Trung thì không một đoàn thể nào đứng vững được. Cho nên GĐPT đã tồn tại trên 50 năm nay là nhờ những Phật tử trung kiên, đã có công duy trì bồi đắp cho tổ chức.

Một Huynh Trưởng có tư cách đứng đắn gây được cảm tình với người, và sẽ được mọi người kính mến, yêu chuộng, uy tín của người Huynh Trưởng như vậy được tăng cường thêm lên, và sẽ đạt được thành công trong công tác điều khiển các em.

III. MỤC ĐÍCH VÀ TÍNH CHẤT TRẠI LỘC UYỂN

Trại Lộc Uyển là trại bước đầu tập sự làm Huynh trưởng, đây là trại huấn luyện Huynh trưởng nắm giữ chức vụ Đoàn phó thực thụ và giúp cho Huynh trưởng hiểu rõ tổ chức các Đoàn.

Trại huấn luyện Huynh trưởng Lộc Uyển là khóa trại căn bản của cuộc đời Huynh trưởng nên phải huấn luyện kỹ càng và chu đáo. Nếu trại sinh Lộc Uyển đã được huấn luyện đến nơi đến chốn để trại sinh có căn bản vững chắc thì các trại trên được nhẹ nhàng hơn. Chính vì thế nên trại sinh phải biết tự dặn mình: cố gắng học hỏi, tiếp thu đầy đủ những kiến thức đã được trao truyền, mạnh dạn nêu lên câu hỏi, các điều chưa nắm rõ trong phạm vi chương trình huấn luyện của trại để khi trở về đơn vị có thể ứng dụng sở học của mình giúp Đoàn trưởng trong việc quản lý điều khiển Đoàn được tốt hơn.

Mỗi trại có một chương trình riêng nên việc tổ chức, sinh hoạt đến kỷ luật của trại cũng phải theo một qui định riêng biệt khác nhau. Từ trại Lộc Uyển đến trại Vạn Hạnh có một hệ thống huấn luyện liên tục mà trại sinh không bỏ bằng một trại nào.

IV. NHỮNG QUI ĐỊNH

1. Thời gian 10 ngày: có thể chia làm 2 kỳ.
2. Điều kiện trại sinh:
 - *Độ tuổi*: mức tối thiểu là 20 cho các thanh niên do Ban đại diện Giáo Hội địa phương giới thiệu đi học, 19 tuổi cho đoàn viên GDPT.
 - *Bậc học*: đã trúng cách: Bậc Kiên
3. Điều kiện trúng cách:
 - Dự học suốt thời gian trại.
 - Trúng cách cuộc khảo sát cuối khóa
4. Thời gian cấp chứng chỉ trúng cách: 6 tháng sau khi trúng cách toàn khóa.
5. Kỷ luật và khẩu hiệu:
 - *Kỷ luật*: đúng giờ – lạnh lẽ – tư cách đúng đắn.
 - Khẩu hiệu: TIẾN





KHÓA IV: Đức tin người Huỳnh Trưởng

I. MỞ ĐẦU

Trước khi nhập diệt, Đức Phật còn độ cho ông Tu Bạt Đà La là một ông già Ba La Môn trên 120 tuổi. Đức Phật đã dạy ông này rằng: “Đừng tin ai cả, dù là lời phát ngôn của một vị giáo chủ, của truyền thống để lại hay của các người truyền giáo nói ra. Người chỉ tin sau khi nghe hiểu, suy nghĩ và thực nghiệm thấy đúng sự thật”.

Đó là lời nói hết sức cởi mở, đầy tính chất dân chủ và chính lời nói đó đã làm phương châm cho người Phật tử trong vấn đề đức tin.

II. TẠI SAO PHẢI ĐẶT VẤN ĐỀ ĐỨC TIN

Đức tin hết sức cần thiết cho con người sống vững giữa cuộc đời ô trọc khổ đau. Ví như bánh lái với chiếc thuyền, la bàn của người thủy thủ. Giữa thời đại mà quá nhiều lý thuyết nảy sinh, các lý thuyết cổ truyền, hình như bị lung lay phá đổ, các lý thuyết cạnh tranh, giành giật nhau, để chiếm phần thắng lợi, nhưng những người thi hành các lý thuyết đã không ngại thực hiện các mưu chước như thêu dệt, cám dỗ bằng mọi cách. Ngay cả trong Phật giáo cũng vàng thau lẫn lộn Đạo Phật bị xuyên tạc, bị lợi dụng.

Khi bắt đầu bước vào cuộc đời Huỳnh Trưởng mỗi chúng ta, ít nhiều cũng đặt niềm tin vào đạo Phật, vào Gia Đình Phật Tử nhưng đó chỉ mới là “niềm tin”. Qua thời gian niềm tin ấy đã được tăng trưởng, được bồi đắp để vững mạnh hơn, trở thành “Đức tin”. Nhưng đức tin của chúng ta phải như thế nào?

III. LÀ PHẬT TỬ PHẢI TIN NHƯ THẾ NÀO?

Là Phật tử, chúng ta phải hiểu tường tận và thực hành theo đúng lời đức Phật đã dạy Tu Bạt Đà La như đã nêu ở trên khi lựa chọn đức tin, có thể ta mới tránh được hai cực đoan.

Tin vội theo tình cảm, không cần suy xét sẽ đưa đến mê tín dị đoan.

Tin theo cảm tính của giác quan quá sẽ rơi vào tệ nạn, tôn thờ vật chất.

Như vậy ta phải biết phân biệt: Chánh tín và Mê tín.

Chánh tín: Đức tín được lựa chọn sau khi đã suy nghĩ, nhận định, phân tích, tìm hiểu và chứng thực trong cuộc sống.

Mê tín: tin tưởng một cách vội vàng, mù quáng, không cần suy xét, phân tích mà chỉ buông xuôi theo tình cảm, truyền thống.

Niềm tin đặt vào đạo Phật có thể bắt đầu bằng những nguyên nhân khác nhau, có người qua suy tư kiểm chứng thấy đúng nên tin. Nhưng cũng có người vì một sự rung cảm nào đó hoặc được thỏa mãn những mong cầu nào đó như trường hợp của Hoàng Tử Nan Đà, con của Kiều Đàm Di Mẫu (1). Nhưng khi xây dựng thành đức tin, chúng ta phải quán xét lại để xây dựng đức tin thành Chánh tín.

IV. NGƯỜI PHẬT TỬ TIN NHỮNG GÌ

1. Tin vào cuộc đời Đức Phật (Phật bảo):

Đức Phật không phải là một vị Thần thánh chuyên ban phúc giáng họa hay là một Thiên sứ. Ngài đã mang thân kiếp làm người như chúng ta. Là người Ngài đã bản khoăn về nỗi đau khổ của mọi người, đã thắc mắc ưu tư về cuộc sống bất bình của xã hội, cái đày đọa trong kiếp sống, cái phi lý, bất công ...

Ngài đã muốn cứu vãn cuộc đời, muốn thăng hoa cuộc đời, muốn đưa chúng sanh ra khỏi trầm luân, Ngài đã xuất gia tầm đạo. Ngài đã thực nghiệm, đã chịu đựng thử thách gian lao trước khi đắc đạo. Cuộc đời Ngài là một lịch sử chiến đấu cam go. Ngài đã thâm đạt cuộc chiến thắng vinh quang, cao cả nhất; chiến thắng Tham – Sân – Si và hoàn thành đại nguyện giải thoát và cứu khổ chúng sanh.

Những chứng tích về dòng tộc của Ngài, các nhà sử học đã tìm thấy. Những di tích lịch sử của Ngài còn để lại trên đất ẤN ĐỘ.

2. Tin vào giáo pháp của Phật (Pháp bảo):

Giáo lý của Phật là chân lý do Ngài chứng nghiệm, là kết quả tu chứng của bản thân Ngài, giáo pháp của Ngài được kết tập trong ba tạng kinh điển. Qua vài giáo pháp tối sơ như: Khổ, Vô thường, Vô ngã, Nhân quả, Luân hồi. Sau khi tìm hiểu, suy xét, suy nghiệm chúng ta vững lòng tin.

3. Tin vào chúng Tăng (Tăng bảo):

Tăng là chỉ cho những người xuất gia theo Phật, những người tự mình thoát khỏi sự ràng buộc gia đình, thê tử để nhập vào giáo đoàn của đức Phật, trở thành những người quay lưng với mong cầu của thế gian hướng đến tuệ giác cao thượng, hướng đến con đường giải thoát và cùng lập nguyện cứu độ chúng sanh. Tin vào chí nguyện của chư Tăng, Phật tử có lòng tin thật vững chắc vào sự nghiệp cao cả của Tăng đoàn, để cùng nhau phát tâm làm lợi lạc chúng sanh.

4. Tin vào năng lực của chúng ta:

Nếu tin vào Đức Phật, tin vào giáo lý của Ngài mà chỉ ỷ lại nơi Ngài thì ta đã biến Đức Phật thành một thần linh, điều mà Ngài luôn chối bỏ. Ngài đã từng dạy **“Hãy tự mình thấp xuống lên mà đi”** hay **“nơi nương tựa của người chính là người đừng nên nương tựa nơi nào khác”** lời dạy này đã chứng minh hùng hồn tính chất nhân bản tự chủ khả năng giác ngộ của con người có tin tưởng ở khả năng của mình, ta mới có thể tạo cho mình một cuộc đời tươi sáng hạnh phúc, an vui, có tin tưởng ở năng lực giác ngộ của mình chúng ta mới tinh tấn tu tập để đi đến giải thoát giác ngộ.

5. Tin ở Gia Đình Phật Tử:

Người Huỳnh trưởng còn tin ở Gia Đình Phật Tử. Đã hơn nửa thế kỷ, tổ chức Gia Đình Phật Tử vẫn vững mạnh và ngày càng phát triển, mặc dù đã trải qua nhiều cơn sóng gió là vì tổ chức này đã thực hiện được mục đích của mình **“Đào luyện Thanh Thiếu Đồng niên thành Phật tử chân chánh, góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần Phật giáo”**. Người Huỳnh trưởng luôn luôn cần cù nhẫn nại thực hiện sứ mệnh giáo dục của mình. Mấy mươi năm qua, Gia Đình Phật Tử đã đào tạo biết bao lớp Phật tử thuần thành hiểu sâu giáo pháp, trung kiên với đạo, những con người đức hạnh, về mặt công dân ắt hẳn là những công dân tốt, tận tụy với nghề nghiệp, trong lãnh vực nào cũng là những con người tích cực, làm việc hết khả năng

và lương tâm của mình để phục vụ cho xã hội. Gia Đình Phật Tử đã đem đến cho chúng ta một cuộc sống lành mạnh an vui giữa cuộc đời xô bồ, tranh chấp và lăm điên đảo, vì lẽ đó chúng ta nhận Gia Đình Phật Tử làm tổ chức tốt đẹp của mình để thực hiện lý tưởng giải thoát.

V. KẾT LUẬN

Có người cho rằng tôn giáo là bùa mê làm chết tinh thần con người, có người bảo đến với tôn giáo chẳng khác nào tự tử.

Tư tưởng này chỉ có lý khi tôn giáo chỉ xây dựng trên sự cầu xin, van vái đủ thứ mê tín dị đoan. Lúc đó con người bị phóng ngoại, vong thân. Đối với Phật giáo thì trái lại, lấy con người làm căn bản, lấy trí tuệ làm đuốc soi đường, lấy tu chứng làm phương tiện và lấy giải thoát làm cứu cánh. Cho nên đức tin của Phật tử là đức tin sáng suốt.



KHÓA V: Tư Cách và nhiệm vụ của Người Đoàn Phó

Trên ngưỡng cửa của cuộc đời làm Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử, chúng ta ai mà khỏi bồn khoăn, lo lắng, bởi vì chúng ta đang nhận lãnh một vai trò hết sức quan trọng và khó khăn. Vai trò đó đòi hỏi chúng ta có một tư cách đứng đắn, nhiệm vụ phải chu toàn là dẫn dắt, giáo dục đàn em trở thành Phật tử chân chính góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần từ bi, bình đẳng của Đức Phật.

Ở bài “Người Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử” chúng ta cũng đã thấy được cái nhân cách của người Huynh trưởng như thế nào? khi chúng ta thực sự đảm nhiệm chức vụ Đoàn phó, chúng ta lại phải càng thấy rõ; cái tư cách của mình là tối cần thiết và chúng ta cũng cần phải hiểu rõ nhiệm vụ cao cả của mình.

I. TƯ CÁCH NGƯỜI ĐOÀN PHÓ

Người Đoàn phó cũng là một người Huynh trưởng. Tư cách của người Huynh trưởng được xây dựng trên 2 yếu tố:

- Tác phong bên ngoài.
- Đức tính bên trong.

1. Tác Phong:

a. Phục sức:

Bất cứ khi nào, áo quần đứng đắn, không lòe loẹt hay luộm thuộm, tóc tai gọn gàng, thân thể sạch sẽ.

Khi mặc Đoàn phục thì giày mũ ngay ngắn, sạch sẽ, phù hiệu, cấp hiệu đầy đủ, đúng nội quy.

b. Cử chỉ, hoạt động, đi đứng, ngôn ngữ:

- Cử chỉ đứng đắn.
- Đi đứng khoan thai.
- Sống đời sống trong sạch, liêm khiết.
- Lời nói hòa nhã, kính trên nhường dưới, không hống hách, kiêu căng.



2. Đức Độ:

Lịch sử đã chứng minh chỉ có những người đức độ mới giữ được ghế tổng thống quốc gia, tạo dựng một phong trào vững mạnh.

Đức độ không phải trời sinh, mà do những chủng tử sẵn có khi mang thân kiếp con người. Nhưng chúng ta học hỏi tu tập trau dồi thì chủng tử tốt mới phát triển. Những đức tính cần cho người Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử là:

Tình thương: Thương đàn em.

Chính tình thương đó là một động lực thúc đẩy ta đến với Gia Đình Phật Tử. Vì tình thương, ta luôn lo cho các em không bao giờ bỏ các em bơ vơ. Tình thương đó là chất liệu keo sơn gắn bó giữa người Huynh trưởng với Gia Đình Phật Tử, một tình thương dịu dàng, đầm ấm, đầy đạo vị thể hiện trong mọi hoàn cảnh. Đó là điều khác biệt giữa người Huynh trưởng và mô phạm khác.

Hy Sinh: Vì tình thương ta đã

quên mình, quên quyền lợi, danh vọng để lo cho các em, dù phải nhiều gian lao, khổ nhọc. Tuyệt nhiên không thể mượn Gia Đình Phật Tử làm nấc thang danh vọng hay làm nơi tiêu khiển, giải buồn.

Kiên nhẫn: Công việc Huynh trưởng rất nặng nhọc, quá nhiều khó khăn, trở lực. Trong giờ sinh hoạt, ở nhà, ở trường, ở sở, lúc nào ta cũng là người Huynh trưởng, Hoàn cảnh không thuận tiện, đàn em ngỗ nghịch, phụ huynh khó khăn, lúc Đoàn suy yếu ..vv.. ta phải cố chịu đựng, nhẫn nại để vượt qua, siêng năng tiến tới. Chúng ta phải xem thời Đoàn mình cường thịnh cũng như lúc Đoàn mình suy yếu. Ta vui khi thấy Đoàn mình cường thịnh nhưng không buồn không nản khi thấy Đoàn mình suy yếu mà phải nhìn cho được cái trọng trách của mình trong lúc đó. Có như thế mới xứng đáng với lý tưởng cao quý của chúng ta.

Trung kiên: Nhờ đức tính kiên nhẫn ta tập được tính trung kiên. Bất cứ đoàn thể nào muốn tồn tại lâu dài cũng đòi hỏi một đường lối chính đáng và những phần tử trung kiên. Đức tính trung thành bất cứ một nền luân lý nào cũng đề cao. Gia Đình Phật Tử trải qua hơn nửa thế kỷ từ hình thành đến cũng cố, phải trải qua biết bao giai đoạn thử thách, thăng trầm, cam go mà vẫn đứng vững là nhờ những người đoàn viên trung thành với lý tưởng, thiết tha với sứ mệnh của mình. Luôn luôn kiên định lập trường của mình, không bị mua chuộc, bởi lợi danh, không quy phục bạo quyền.

Tóm lại nhờ có tư cách hoàn hảo, người Huynh trưởng mới được sự cảm mến kính nể của các em, khâm phục của mọi người xung quanh, nhất là của phụ huynh. Nhờ vậy, sự giáo dục đàn em của chúng ta mới

thành công tốt đẹp, phong trào mới lớn mạnh.

II. NHIỆM VỤ

1. Đối với đạo pháp:

Trong bài “người Huynh trưởng với Đạo pháp” chúng ta đã nhận rõ nhiệm vụ của mình đối với Đạo pháp rồi. Ở đây chúng ta cần khắc sâu: nhiệm vụ của người Huynh trưởng đối với đạo pháp là phải học hiểu thấu đáo giáo lý, áp dụng giáo lý vào đời sống hằng ngày dựa vào giáo lý để tu sửa bản thân, trau dồi đạo đức và phải xiển dương chánh pháp. Trước mắt là phải đưa giáo pháp vào tâm hồn các em qua đường lối giáo dục của Gia Đình Phật Tử.

Chúng ta phải xây dựng cho chính mình và cho đàn em một đức tin sáng suốt.

Chúng ta còn có nhiệm vụ phải đóng góp xây dựng Giáo hội vững mạnh và trang nghiêm.

2. Đối với Gia Đình Phật Tử:

Tiếp xúc với Đoàn trưởng trong mọi công tác của Đoàn, của Gia đình nhất là lúc Đoàn trưởng vắng mặt nhiệm vụ của Đoàn phó lại nặng nhọc hơn. Phải hội ý với Đoàn trưởng trong mọi trường hợp, nhất là giữ uy tín cho Đoàn trưởng, không được ý lại chống báng. Người Đoàn phó còn là sợi dây dung hòa, đầu nối giữa anh chị Đoàn trưởng và các em.

3. Đối với phụ huynh Đoàn sinh:

Phải liên lạc mật thiết với phụ huynh. Phải tỏ ra là người có tư cách, không phụ lòng tin cậy của phụ huynh khi họ gởi con em đến với Gia Đình Phật Tử chúng ta.

4. Đối với các em Đoàn sinh:

Thương yêu bằng sự dạy dỗ bằng sự trìu mến, chăm sóc che chở lúc ở Đoàn cũng như lúc ở nhà. Gần gũi tìm hiểu hoàn cảnh của các em, phải tập cho các em sống hòa hợp lễ độ, đáng mến, phát triển năng khiếu các em.

Trong việc phối trí công tác, phải biết phân chia công tác cho Đội Chúng Đàn hay cá nhân các em hợp lý, hợp tình, hợp khả năng, phương tiện, luôn luôn thay đổi công tác đã giao để đôn đốc, kiểm soát và giúp đỡ.

5. Đối với cấp lãnh đạo:

Phải kính mến cấp lãnh đạo, thành tâm cộng tác với cấp trên trong mọi công tác, nhất là các Phật sự được giao phó phải cố gắng thi hành chu đáo, hăng hái để làm gương tốt cho các em. Người HTr phải phản ánh được tinh thần kỷ luật tự giác.

Tóm lại, nhiệm vụ người Huỳnh trưởng càng nặng nề thì giá trị người Huỳnh trưởng càng cao quý. Phần thưởng xứng đáng nhất cho người Huỳnh trưởng là sứ mệnh cao cả được hoàn thành.





KHÓA VI: Báo Chí trong GDPT

I. MỞ ĐẦU

Báo chí trong Gia Đình Phật Tử có mục đích phản ánh trung thực đời sống tập thể, vừa là phương tiện giáo dục cho Đoàn sinh, phổ biến giáo lý, truyền đạt lý tưởng tốt đẹp cho nhau, vừa là phương tiện khai thác của các em. Chúng ta phân biệt hai loại báo: Báo tập và Bích báo.

1. Báo Tập:

Là báo được in thành tập. Trong báo tập chúng ta chia làm các loại khác nhau:

Tuần san, bán nguyệt san, nguyệt san: Theo định kỳ hàng tuần, hàng nửa tháng hay hàng tháng. Những tập báo in hay quay ronéo, đánh máy ra theo các định kỳ nêu trên mỗi lần được nhiều bản. Cùng loại báo như vậy, nhưng chỉ chép tay thành một hay hai tập thì gọi là "báo tay". Loại báo tay này một Đoàn hay một Đội thường dùng nhất.

Đặc San: Báo chỉ ra trong những lần đặc biệt như Chu niên, Tất niên hoặc các ngày lễ lớn (Phật Đản, Vu Lan...). Bằng nhiều phương tiện, nhiều ấn bản, báo được ra nhiều. Vì là Đặc San, nên báo phải được chọn lọc cho đúng chủ đề mà không ô nhiễm nhiều chủ đề khác nhau.

- Giai Phẩm: Đặc tính của giai-phẩm giống như một đặc san vậy, chỉ khác là giai phẩm là một công phu tuyển lựa và chọn lọc lấy những thành phần đặc sắc, tiêu biểu hơn.

2. Bích Báo:

Bích báo có nghĩa là báo dán lên tường, treo trên tường hay thực hiện ngay lên tường. Cùng loại với bích báo ta có thể kể thêm: Báo chiếu, Báo bản, Báo nia... (có nghĩa là thực hiện trên cái gì gọi tên cái đó) cũng như báo tập chép tay, gọi là báo tay. Bích báo là loại thông dụng nhất có tác dụng mạnh để thực hiện, ít tốn kém, đòi hỏi ít công phu. Một Đoàn, hay một Đội, Chúng, thực hiện được bích báo hằng tuần hoặc hằng nửa tháng, thường xuyên và đều đặn thì thật là đáng phục, bởi tuy đơn sơ, ít phương tiện nhưng công phu mới làm nổi tất cả các loại báo kể trên. Đối với Gia Đình Phật Tử, đề là nội san, nghĩa là những tờ báo chỉ phổ biến trong nội bộ, chúng ta chỉ lưu hành trong các Đoàn của Gia Đình - Phải được Bác Gia Trưởng kiểm duyệt và được Ban Hướng Dẫn cấp Miền hoặc tiểu bang kiểm duyệt.

II. ĐIỀU HÀNH MỘT TỜ BÁO

Thực hiện lưu hành và khuyến khích đọc: Ban thực hiện do một nhóm phụ trách thực hiện, hoặc tất cả các em đều chung thực hiện. Ở bích báo nên để tất cả chung lo, tuy không đẹp bằng một nhóm lo nhưng các em lại thích hơn. Tùy theo khả năng và phương tiện, Đơn Vị nên chọn một loại báo thích hợp để thực hiện đều đặn và thường xuyên. Ta cần thường xuyên, bởi đây là phương tiện giáo dục.

III. LƯU HÀNH PHỔ BIẾN

Có những Gia Đình mỗi lần in được một số báo trong dịp lễ Chu niên thường chú trọng đến việc biếu Quan Khách mà quên rằng: báo cho các em. Chúng tôi xin nhắc là

phải nghĩ đến các em mình trước, dù có dành cho Quan Khách một số báo cũng đừng để thiếu của các em. Nếu là bích báo, trong buổi sinh hoạt nên dành thì giờ cho các em đọc báo. Mới đầu bắt buộc đọc, sau dần thành thói quen cho đến khi nào không có tờ báo, các em sẽ có cảm giác như thiếu một cái gì... Ban biên tập, có thể nói mình đã thành công, tiếp tục làm như vậy. Cho nên việc khuyến khích, lưu hành là nhiệm vụ của tất cả Huỳnh Trưởng chứ không phải của nhóm chủ trương mà thôi. Đừng nghĩ rằng việc báo chí đã phân công cho anh A... hay chị B... rồi thì không lo gì nữa. Tất cả còn phải nhắc nhở cho các em viết, thu bài chuyển cho ban chủ trương đều đặn. Tờ báo chết là trách nhiệm của các Huỳnh Trưởng coi Đoàn đó.

IV. HÌNH THỨC CỦA BÍCH BÁO

Hàng tuần mỗi Đội, Chúng hay cả Gia Đình thực hiện được một tờ bích báo trên một tờ bìa có 65x100 phân là đã quá quý rồi.

Một người chép tay lên bìa và phụ trách luôn các hình họa, các chữ đầu đề. Việc này có thể chia vài Huỳnh Trưởng khác nhưng không làm một lần được. Cách này thông thường nhất, nhưng bất tiện, vì lỡ có chỗ không đẹp, phải bỏ luôn tờ bìa biên chép gần xong, lại mất thì giờ bởi người này làm xong mới đến người khác.

Dùng những tờ giấy nhỏ, cắt theo cỡ chọn lựa, giao cho các em, hoặc các Trưởng tự biên chép và trình bày. Xong tập trung dán lên một bìa lớn đã trình bày tên bài. Huỳnh Trưởng chủ biên phải biết ước định bàn thảo khi chép là bao nhiêu giấy, phân chia cho đủ trang trên bích báo, tiện ở chỗ là trang nào không đẹp thì chỉ làm lại trang đó mà thôi. Có nơi thay tờ bìa bằng một bảng gỗ trình bày tên báo sẵn, mỗi tuần dán trang báo lên cũng tiện, đỡ tốn kém nhưng việc lưu trữ lại khó khăn. Chúng ta có thể

dùng mỗi số một tờ bìa cho tiện việc lưu trữ.

Trong những dịp kỷ niệm, bích báo có thể dài hơn bình thường như GĐPT Chơn Tuệ (Quảng Ngãi) đã thực hiện bích báo Xuân trên nhiều tờ bìa nối dài 20 thước, báo Xuân của Hương Đàm dài 8 thước trong dịp Chu Niên. Giấy, vải nylon đều có thể dùng để thực hiện bích báo. Những vật liệu càng lạ, càng làm cho các em mình chú ý, thích đọc. Và chỉ có thích đọc các em mới thích viết.

V. SÁNG TÁC

Tất cả sáng tác của Trưởng phải nhớ đối tượng là các em, đừng viết cầu kỳ với những vấn đề cao xa mà các em đọc như nhìn vào một bức tranh lập thể. Mỗi đề tài đều được xử dụng, nhưng nội dung phải đi vào chủ đề, phải là chuyện của các em và tác động được tâm tình của các em. Phổ biến chủ đề trong ban Huỳnh Trưởng, các Anh, Chị này sẽ tìm đề tài hướng dẫn cho các em mình sáng tác. Ban chủ biên chỉ cần chú ý đến sáng tác của các em, bởi đó là tiếng nói trung thực nhất của tờ báo, phản ảnh đứng đắn nhất. Ở đây chỉ nói về điều hành tờ báo trong phạm vi một Đoàn hay một Gia Đình (bởi phạm vi của Huỳnh Trưởng A-Dục không nên đi xa hơn). Một nhóm chịu trách nhiệm, ở ngoài thường gọi Ban biên tập, đơn giản hơn chúng ta phân biệt như sau:

Huỳnh Trưởng Chủ Trương: Hay gọi là Chủ biên, do một Huỳnh Trưởng lo đúc kết bài vở, chịu trách nhiệm về các bài đã chọn lọc. Có thể từ một đến hai Huỳnh Trưởng (nếu là báo của Gia Đình) hay một, hai Đội/Chúng Trưởng làm phụ tá nếu là báo của Đoàn Ngành-Thiếu và Thanh, (ở Oanh-Vũ công việc chủ biên chỉ do Huỳnh Trưởng).

Ban Thực Hiện: Tùy theo khả năng nhân sự, ban thực hiện do một Huỳnh Trưởng và một số Đoàn Sinh có khả năng lo các công việc chủ biên:

Trình bày, Minh họa, Đánh máy, copy hoặc biên chép Công việc sắp, đóng tập, cắt xén là việc Đoàn Sinh nào cũng làm được.

Các cộng tác viên: Là những cây bút đóng góp. Điều quan trọng ở báo chí là làm sao cho tất cả đều đóng góp, xóa bỏ được mặc cảm: Người này là văn sĩ, người kia là thi sĩ, còn mình không viết báo được. Tất cả đều phải tập viết, và cố gắng viết cho được. Huỳnh Trưởng phải hướng dẫn bằng mọi cách, cho đề tài, hoặc có khi kể luôn từng câu chuyện nhỏ cho các em viết lại. Những cây bút cộng tác nhiều là thành công của chúng ta đó.

Phương Tiện Thực Hiện:

Tên Báo:

Ban biên tập chọn lọc, hoặc dành cho các Đoàn, cả Gia Đình đề nghị và biểu quyết. Tất cả những tờ báo đều cùng một tên, chỉ đánh số và ghi thêm chủ đề cho từng tờ.

Tên báo phải gợi cho Huỳnh Trưởng và Đoàn Sinh hình ảnh, kỷ niệm để các em yêu thương nó như là vật quý trong tầm tay. Tên báo phải nhắc nhở cho các em cùng tất cả Huỳnh Trưởng lòng hăng say, tinh tấn và ý thức phải vun vén cho nó. Tên báo như thế nào cho bất cứ một người nào ở ngoài nhìn vào cũng sinh thiện cảm ngay. Tuy là Nội San, nhưng được những người ngoài Tổ Chức của chúng ta yêu thích thì vẫn là việc làm lợi lạc chúng sanh vậy. Thông thường các Gia Đình Phật Tử

lấy tên của Gia Đình làm tên tờ báo như Cựu Kim Sơn, Long Hoa, Huyền Quang, hoặc dùng tên cũ của Gia Đình để nhắc nhở đến nguồn gốc và công ơn của những Anh Chị Trưởng đi trước như Hương Đàm (của Gia Đình Phật Tử Từ Đàm) Gia Thiện (của Gia Đình Phật Tử Thuận Hóa) hoặc dùng châm ngôn như: Dũng của Thiếu Nam, Kỳ Hoàn cũng như Ni Liên của Đoàn Thiếu Nữ Tân Hòa.

Chủ đề dưới tên báo thì có nơi ghi:

- Tiếng nói của Đoàn Thiếu Nam Lộc Uyển (cho bích báo hằng tuần)
- Dấu vết ghi lại mỗi tuần của GĐPT Trúc Lâm (cho bích báo Trúc Lâm)
- Giữ lại một mùa sinh nhật (chủ đề đã ghi tờ báo tay của Đoàn Thiếu Nữ Chánh Đạo).

VI. TIÊU CHUẨN

Ban biên tập đừng quên đối tượng của chúng ta là các em, là những người bạn của Huỳnh Trưởng cùng một hướng đi. Từng chủ đề sẽ có giới hạn cho chúng ta tuần tự trình bày, hướng dẫn chỉ bảo cho nhau, cho các em. Tiêu chuẩn được toàn thể Huỳnh Trưởng cùng xác nhận và cùng thực hiện theo mùa, không chỉ trong báo chí mà ngay ở cả sinh hoạt hàng tuần nữa, để có sự thống nhất cho các em khỏi bỡ ngỡ. Báo chí vốn là một trong những phương tiện để Huỳnh Trưởng nói với các em, hay các em nói với nhau những điều mà những giờ sinh hoạt không kịp nói ra, không nói đủ hay không tiện nói.

Sáng tác bích báo để được chú ý nhất là những bức tranh hý họa, chuyện bằng tranh. Những thể tài khác không nên quá 500 chữ, mỗi kỳ chỉ nên có 1 hoặc 2 bài ghi chữ "còn tiếp" ngoài ra trình bày vấn đề gọn gàng trong một kỳ.

Lưu ý về những minh họa có hình Đức Phật, nếu không diễn tả được những nét hoan hỷ, hiền hòa, uy nghi của Đức Phật thì tốt hơn đừng vẽ rõ diện của Ngài. Có thể tượng trưng, bằng đóa sen vươn lên có hào quang, bằng bàn tay thật đẹp, hoặc nhiều lắm là bóng hình (image) thanh thoát.

VII. KẾT LUẬN

Thực hiện được một tờ báo, công việc của Huỳnh Trưởng gửi gắm vào đó được nhiều. Với bất cứ hình thức nào, cũng đòi hỏi Huỳnh Trưởng một cố gắng, thận trọng, lưu tâm, kiên nhẫn, nhất là cho một tờ bích báo thường xuyên và định kỳ.

Tuy nhiên điều đáng lo hơn hết, là phải làm sao cho tất cả đều đọc, tất cả đều đóng góp, tham gia. Nhiệm vụ này của toàn Ban Huỳnh Trưởng, chứ không riêng của Huỳnh Trưởng Chủ Trương. Có vậy, tờ báo mới sống lâu và lợi ích.

Newspapers in GDPT

I. INTRODUCTION

A newspaper is an effective way to communicate in GDPT. It is the newspaper that reflects our activities such as our Buddha prayer every week, cross-country games etc. It also educates youngsters about Buddhism, promotes the good values and the morality of our culture, and develops our youngsters' creativity. We can simply categorize our newspapers into two kinds: the paperback-newspaper and the wall-newspaper.

1. Sheets of papers bound together make the **paperback-newspaper**.

We can have weekly, biweekly or monthly paperback newspaper. The news is written by hand or typed into the personal computer. It then got printed and photocopied. All these handmade newspapers are published regularly and circulated among our units and sub-units.

2. If the newspaper is written by hand, we call it **handnewspaper**.

This is a typical newspaper that our units or sub-units have usually adapted to. Periodicals are published for special occasions, for example, at the GDPT's anniversary celebration, New Year, or Buddhist holidays (Buddha's birthday, Vulture-Lan etc.). These periodicals are printed with hard covers. Since they are special for the occasions, the contents are selective and specific to the particular occasion.

3. **Wall-newspapers:**

They are newspapers affixed on the wall, hung on the wall or even written on the wall. There are: "Mat" newspaper, "hardwood" newspaper, etc. (the given names are based on the materials used, e.g., we call "Mat" newspaper because we write it on the mat).

Among these different types newspaper, the wall newspaper is the most commonly published. It is fairly inexpensive to print and requires less time than other types of newspaper, yet, very effective and instructional. Any units or sub-units in GDPT, who can consistently publish these wall-newspapers regularly, are praiseworthy because it requires time and patient to keep the newspaper published.

In GDPT, we only circulate these newspapers among our units or sub-units. It has to be approved by our elder group leaders and checked by our Regional Buddhist Youth Committee.

II. PUBLISHING A NEWSPAPERS

1. **Publishing:**

Troop leaders or all the youngsters in a unit/sub-unit can form an editor team. All the members are encouraged to write and decorate the wall-newspaper as teamwork. Every member will like it! Troop leaders should select a kind of newspaper to work on depending on their own resources. The main point is to be consistent.

2. **Circulation:**

Distribute the newspaper to our members first, then to our guest. Some GDPTs forget one important point: the newspaper is for our members to read. However, the newspaper is also distributed to guests for the purpose of introducing or updating of our activities.

If the newspaper is a wall newspaper, we should schedule time for our unit to read during the activity time. At first, we encourage our members to read. Gradually reading becomes their habit. We can say that we are successful when our members feel they miss our wall newspaper; hence, the regular circulation is the responsibility of all the troop leaders as well as the editor

team. We also have to encourage our members in the units/sub-units to write. We then collect the articles from them and submit to the editor team. If the newspaper can't survive, it is the responsible of the troop leader of that unit.

3. Newspapers' format:

Every week, each unit or sub-unit makes a wall newspaper on a 65 x 100-cm sheet of paper. One member will handwrite on its cover and draw all the illustrations and the headings. The responsibility of illustrating is rotated among the members of the unit or sub-unit.

Another method is to do it as a collage. Each member will write and illustrate or decorate his/her article using standard size paper. The article can be cut into certain size and shape. The editor team will collect all the articles, edit and affix them on a big sheet of paper such as poster board and put it on the wall.

Some GĐPT provides a wooden bulletin board already decorated with a heading. The members' articles are attached onto this bulletin board. An advantage of using bulletin boards for newspaper articles is that they are reusable.

For special occasions, the wall-newspaper can be as large as the members wish. For example, GĐPT Chon-Tue (Quang-Ngai City, Vietnam) had made a New Year wall-newspaper 20m long; the Spring issue of GĐPT Huong-Dam is 8m long. Paper or nylon sheet can be used as materials for wall-newspapers. A creative material invokes our youngsters' curiosity and attracts them to read. The more they read, the more they will want to write.

4. Composition:

Remember that the audiences are our young members. Do not write any topic

that is too abstract. Every topic should be covered but its contents should point directly to the main topic relating to the unit's or sub-unit's activities. Such topic will have a strong effect on our members; hence, the leaders should select the topics for our member to write about.

The chief editors should pay attention to our members' writing because it reflects the true voice of the GĐPT. Keep in mind that the articles should only reflect GĐPT issues. The editor team is responsible for publishing and this team can be organized as follows:

a. Chief editor Group:

are troop leaders of our units/sub-units, who are responsible for collecting all the paper works. They proofread all the selected papers and get them posted. One or two leaders of GĐPT can form this group if the newspaper is for the whole GĐPT. One or two leaders of the teenager's units can also form the editor team if the newspaper is for our teenager units or sub-units. In younger units (eg. Oanh-Vu), chief editors should be the troop leaders of GĐPT.

b. Publishing Group:

consists of one leader and 1 or 2 of the unit's members to perform functions such as:

- Decoration and illustration,
- Writing, typing, or copying,
- Cutting and binding

c. Associates:

include those who can contribute. Note that everyone needs to contribute. Do not have any inferior feeling that one cannot contribute, one cannot write. Do not think or say, "This person is a writer that person is a poet but I am not. I cannot write anything". Everyone should practice how to write and obviously practice makes

perfect! The troop leaders should encourage every member to write, provide guidance, brainstorm for topics, or even tell a fairy tale and ask our members to rewrite in their own words. The more writers/contributors, the richer the product.

III. SOME PUBLISHING ISSUES

The name of the newspaper:

The editors may select the name of the newspaper or let the troop leaders decide on the name of the newspaper (after some voting scheme). All the magazines or newspapers should use the same name. We then distinguish each issue by its number and its main topic.

The newspaper's name should provoke the memory about the unit so that the members will keep it as their treasures. The name should remind the troop leaders and members to nurture the spirit of the units/sub-units. We should name the newspaper in such a way that other readers should like it also. Usually the newspaper is named after the name of GĐPT, for example, Cuu-Kim-Son, Long-Hoa, Huyen-Quang. The newspaper can be named after previous GĐPT to honor the contributions made by the original leaders, e.g., Huong-Dam (GDPT Tu-Dam, Hue province), Gia-Thien (Thuan-Hoa province). The slogans can also be used to name the newspaper (Courageous/Bravery, Harmony, etc.).

The main topic should be listed under the newspaper's name. Some examples are:

"Voice of the Loc-Uyen", Boys' Teenager units (in its weekly wall-newspaper)

"Weekly Remarks of GĐPT Truc-Lam" (in Truc-Lam's wall-newspaper)

"Keep a birthday Season" (the main topic of the handmade newspaper, written by Girls' Teenager unit)

Standards:

Again, do not forget that the audiences are our young members. They are our friends and companions going in the same path discovered by Buddha. The topic is limited to subjects which educate the members moral values and. The standards are set by our leaders of GĐPT and applied strictly. The standards should be consistent, not only in our newspapers, but also in our weekly activities. Newspaper is a way to communicate within the unit or sub-unit. It is also a two-way communication between the unit's members and the leaders. Any instructions that we don't have enough time to speak to each other during our weekly activities can be addressed in this newspaper.

The wall-newspaper with skillful illustrations and good articles will be an eye-catcher. The length of the story should not exceed 500 words. In each issue, there should be one or two long stories, which have a "to be continued..." footnote. The rest of the topics or stories should be short and end in the same issue.

Pay close attention to the illustrations, especially those of Buddha. Such illustrations must demonstrate his characteristics. If such task cannot be accomplished, the newspaper can be illustrated with a symbol of a lotus, a pretty hand holding a lotus, or any peaceful images.

IV. CONCLUSION

Publishing a newspaper in GĐPT is not a simple task for the leaders. It requires dedication, carefulness, and consistency to keep it published regularly.

It's important that everyone reads, contributes, writes, and supports willingly. The survival of the newspaper depends on the supports it receives and the benefits will derive from the quality of the contributed articles.



KHÓA VII: Lược sử GĐPTVN

I. BỐI CẢNH:

Gia Đình Phật Tử Việt Nam được khai sinh trong một bối cảnh lịch sử đặc biệt:

- Về phương diện chính trị, thế chiến thứ hai sắp bùng nổ, sự tranh chấp giữa khối Trục và Đồng Minh, mà bản chất là tranh giành thuộc địa, đặt các dân tộc nhược tiểu trước một cơ hội để buộc phải vùng dậy, chọn lựa chỗ đứng của mình. Việt Nam đang bị sự đô hộ của thực dân Pháp. Phong trào kháng chiến dành độc lập cho tổ quốc bằng quân sự chấm dứt sau cuộc khởi nghĩa thất bại tại Yên Bái năm 1930.
- Về phương diện văn hóa, sự phát triển của văn minh vật chất, sự xâm lăng của các cường quốc kỹ nghệ đã làm đảo lộn giá trị nhân bản cổ truyền của các dân tộc, nhất là các dân tộc Đông phương. Văn hóa cổ truyền của dân tộc Việt bị đe dọa bứng mất gốc bởi nền văn minh vật chất của Tây phương truyền sang, được một số người vong bản, mất gốc phụ họa, đẩy Việt Nam đi vào con đường nô lệ, đồng hóa ngoại bang.
- Về phương diện Phật Giáo, do ảnh hưởng phong trào Chấn Hưng Phật Giáo Trung Hoa do Thái Hư Đại Sư đề xướng, các Hội Phật Giáo, Phật Học được thành lập khắp cả ba miền với mục tiêu xiển

dương đạo Phật nhưng đồng thời khơi dậy tinh thần duy tân dân tộc và khôi phục nền văn hóa dân tộc trước nguy cơ diệt vong của đất nước:

- Tại Nam Kỳ, năm 1931 thành lập **Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học Hội** và **Lưỡng Xuyên Phật Học Hội** (về sau đổi tên là **Hội Phật Học Nam Việt**).
- Tại Trung Kỳ, năm 1932 thành lập **An Nam Phật Học Hội**.
- Tại Bắc Kỳ, năm 1934 thành lập **Bắc Kỳ Phật Giáo Tổng Hội** (về sau đổi tên là **Hội Việt Nam Phật Giáo**, rồi **Hội Phật Giáo Bắc Kỳ**) <<*Bắc Kỳ Phật Giáo Tổng Hội – Nghị định số 4283 ngày 6 tháng 11 năm 1934 của nhà cầm quyền Pháp – NQM chú thích*>>.

Trong điều kiện và bối cảnh bế tắc chung của đất nước như nói trên, sự ra đời của các tổ chức thanh niên trong Phật Giáo (tiền thân của Gia Đình Phật Tử sau này) như là những phản ứng văn hóa nhằm bảo vệ nếp sống cổ truyền của dân tộc Việt và sự bảo tồn tinh thần Phật Giáo trước làn sóng ngoại lai xâm lấn dữ dội.

Công cuộc chấn hưng, canh tân Phật Giáo Việt Nam không chỉ về tổ chức quản trị, giới luật tu trì của Tăng sĩ mà còn có sự tham dự hộ pháp của Cư sĩ tại gia, đồng thời đưa đạo Phật đến với tuổi trẻ. Từ đấy bắt đầu xúc tiến hình thành **Ban Đồng Ấu Phật Giáo** để quy tụ thanh, thiếu, đồng niên đến chùa học Phật Pháp, tụng kinh, nghe giảng giáo lý, vui hát, rước lễ dâng hoa...

Tổ chức Đồng Ấu Phật Giáo bắt đầu hình thành tại Huế và Hà Nội, về sau phát triển tới các tỉnh. Phong trào Chấn hưng Phật Giáo Việt Nam, cũng như phôi thai hình thành Ban Đồng Ấu đang trên đà phát triển với cường độ thuận lợi đầy khả quan,

nhưng chưa được bao lâu thì bị gián đoạn trước biến cố lịch sử và chiến tranh chống Pháp bùng nổ tại Nam Kỳ (1945), Bắc và Trung Kỳ (1946).

Đến năm 1948, Tăng-già và Cư sĩ tại ba miền, cũng như quần chúng Phật Tử tiếp nối công cuộc chấn hưng và hoằng pháp. Và đã phục hồi tổ chức Đồng Ấu trước đây với danh xưng “**Gia Đình Phật Hóa Phổ**”

Đến năm 1951, cải tổ danh xưng “**Gia Đình Phật Tử**” với sự canh tân về cơ cấu tổ chức điều hành và các hình thức sinh hoạt.

Pháp Huệ Nguyễn Hữu Huỳnh, một thành viên khởi đầu Ban Đồng Ấu tại Huế và Huỳnh Trưởng hình thành tổ chức Gia Đình Phật Tử tại Nam Việt thuộc Hội Phật Học Nam Việt, trong cuốn *Thử tìm hiểu nguồn gốc Gia Đình Phật Tử Việt Nam* đã minh chứng rằng Ban Đồng Ấu là tiền thân của Gia Đình Phật Tử ngày nay.

Tháng 5 năm 1951, Đại hội Phật Giáo toàn quốc họp tại chùa Từ Đàm (Huế) để thảo luận về tương lai đạo pháp. Đại hội gồm trên 50 đại biểu Tăng-già và Cư sĩ của 6 tập đoàn Phật Giáo của ba miền gồm:

- Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt.
- Hội Việt Nam Phật Giáo Bắc Việt.
- Giáo Hội Tăng Già Trung Việt.
- Hội Phật Giáo Trung Việt.
- Giáo Hội Tăng Già Nam Việt.
- Hội Phật học Nam Việt.

Đã quyết nghị thống nhất Phật Giáo Việt Nam với danh hiệu “**Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam**” và tôn thỉnh Đại lão Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết đảm vị Hội Chủ. Đồng thời quyết nghị chấp thuận lấy bản nhạc “Phật Giáo Việt Nam” (do nhạc sĩ Lê Cao Phan, Huỳnh Trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam sáng tác) làm nhạc lễ chính thức của Phật Giáo Việt Nam.

Sau cuộc vận động bình đẳng tôn giáo, tự do tín ngưỡng của Pháp nạn 1963 thành

công. Năm 1964 Đại hội Phật Giáo toàn quốc họp tại chùa Xá Lợi, quyết nghị thành lập **Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất** bởi một hiến chương quy định giáo chế, và cơ cấu tổ chức hành chánh, quản trị của Giáo Hội.

II. THỜI KỲ SƠ KHAI (1938-1945):

1. Tại Trung kỳ

Hoàn cảnh đất nước, từ khi Nguyễn Hoàng đặt đô thành tại Phú Xuân - Huế cho đến lúc vua Gia Long lên ngôi (1802) thì Huế – Thừa Thiên trở thành kinh đô nước Việt Nam. Những tinh hoa văn hóa, lịch sử, phong tục, tín ngưỡng tôn giáo được hội tụ tại Thuận Hóa (Huế). Cùng với lòng sùng kính của các nhà đương quyền và quần chúng Phật Tử, Phật Giáo đã thiết lập được những ngôi chùa tráng lệ và được sắc phong “Quốc Tự” (chùa Quốc Ân, chùa Thuyền Tôn, chùa Thiên Mụ, Bảo Quốc, Diệu Đế), những đạo tràng thanh tịnh đào tạo Tăng giới xuất hiện nhiều bậc tôn túc tài cao, đức trọng truyền thừa chánh pháp.

Do đó, những thập niên sau này (1960) trở đi, Huế được tán dương là “cái nôi Phật Giáo”, biểu trưng qua các thời kỳ chấn hưng, canh tân và công cuộc vận động bình đẳng tôn giáo của Pháp nạn năm 1963.

Vào khoảng năm 1938 (...), tại Huế, Ban Quản Trị Hội An Nam Phật Học (gồm Lê Đình Thám, Nguyễn Khoa Toàn, Bửu Bác, Lê Thanh Cảnh, Trợ Dư, Tôn Thất Tùng) nhận thấy hội đủ điều kiện thuận lợi hình thành tổ chức “Ban Đồng Ấu Phật Giáo” tại chùa Từ Đàm (Bửu Bác trực tiếp phụ trách). Bước đầu hình thành, các Đồng Ấu được chọn trong thành phần con em tín hữu thuộc giới trí thức, dòng dõi thế tộc, làm nòng cốt tổ chức. Hướng dẫn trong việc phát triển về sau tại các địa phương gồm có:

- Các bà Công Huyền Tôn Nữ Hà và Hân (con ông Ngũ đợi Nguyễn Phúc Vĩnh Trân)
- Các bà Mân chị, Mân em và ông Lê Đình Luân (con của Bác sĩ Lê Đình Thám)
- Các ông Nguyễn Hữu Sanh, Nguyễn Hữu Huỳnh, Bửu Cang, Bửu Phê, Tôn Thất Ngoạn, Tôn Thất Túy, Tôn Thất Phú, Tráng Thông (con Kỳ Ngoại Hầu Cường Để), Lê Lừng, Lê Bối, Nguyễn Hữu Viện v.v...

Song hành với việc hình thành Ban Đồng Ấu, Ban Quản Trị thành lập **Đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục** thuộc thành phần thanh niên trí thức đã vào đời với địa vị ngoài xã hội, hoặc đang là sinh viên cao đẳng, để nghe giảng luận và nghiên cứu Phật học. Ban Quản Trị gồm có: Đinh Văn Nam (nay là Hòa Thượng Thích Minh Châu), Võ Đình Cường, Phạm Quy, Lê Bối, Ngô Điền, Đinh Văn Vinh, Nguyễn Hữu Quán, Lê Đình Luân, Lê Lừng v.v...

Tổ chức “Đồng Ấu” lúc bấy giờ, cơ cấu điều hành, hình thức sinh hoạt chưa có hệ thống quy củ và phát triển có tính cách địa phương, nên ít có dịp sinh hoạt chung để được gặp gỡ, liên hệ, hiểu biết nhau, ngoài trừ Họp Bạn (1942?) tại đồi thông Quảng Tế ở Nam Giao (dịp này có sự thăm viếng của phái đoàn Ban Quản Trị Hội An Nam Phật Học do Nguyễn Khoa Toàn hướng dẫn), lần thứ hai tại chùa Túy Vân thuộc vùng cửa biển Tư Hiền và lần thứ ba là Trại Họp Bạn tại Lăng Cô.

Nội dung tại các dịp sinh hoạt là học kinh, tụng niệm, rước lễ, dâng hoa trong các ngày tại đại lễ Phật Giáo, vui chơi, tập hát theo nhạc điệu cổ xưa (Kim tiền; Đăng đàn cung) và một số bài hát theo nhạc điệu Tây phương. Trang phục thì áo dài đen (nữ màu trắng), quần dài trắng học trò, về sau (1943?) mới bắt đầu có đồng phục áo

chemise màu đà ngắn tay, túi có nắp, quần đùi đen dây lưng thun, mũ casque trắng, hoặc nón lá (nhất là khi đi trại), nhưng chưa đồng bộ. Các dịp đại lễ, hay hành lễ các ngày vía Phật đều được mang thêm một băng vải màu vàng, từ vai tay trái qua trước ngực chạy xéo xuống tà áo bên phải với dòng chữ màu đỏ “Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật”.

Hệ thống điều hành lúc bấy giờ gồm:

- Ban Phụ Trách Đồng Ấu Phật Giáo trực thuộc Ban Quản Trị Hội An Nam Phật Học.
- Tại địa phương là Ban Đồng Ấu, do Khuôn Hội Phật Học cử một thành viên đứng tuổi, uy tín, năng động và có trình độ văn hóa liên lạc với ban phụ trách vùng (thành viên Ban Phụ Trách Đồng Ấu) để tiếp nhận các cách thức thành lập Ban Đồng Ấu Khuôn Hội.

Ban Đồng Ấu phân chia thành các Đội, Chúng. Thời này việc chiêu mộ Đoàn Sinh rất khó khăn, phần lớn là phái nam, nữ rất hiếm, ngoại trừ tại Huế và vùng phụ cận (Kim Long, Long Thọ, Vĩ Dạ, An Cựu...).

Lúc sơ khai này đã lấy hoa sen 8 cánh (không rõ tác giả thiết kế, cũng như minh định ý nghĩa) làm biểu tượng chung cho từng Đội, Chúng của Ban Đồng Ấu với màu sắc khác nhau như:

- Đội Sen Xanh, Chúng Sen Vàng...
- Đội Sen Hồng, Chúng Sen Trắng...

8 màu sắc đó là: Vàng, Trắng, Hồng, Xanh, Nâu, Lam, Cam, Đỏ.

Đây là mốc hình thành đầu tiên tiêu biểu cho truyền thống huy hiệu “Hoa Sen”, và bài “Trầm Hương Đốt” (cúng dường chư Phật do Bửu Bác sáng tác) ngày nay của Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Thời kỳ phục hồi với danh hiệu “Gia Đình Phật Hóa Phổ”, huy hiệu Hoa Sen

được chuyển thành biểu tượng truyền thống chung của tổ chức thay vì trước đây chỉ hạn hẹp trong đội, chúng... và bản nhạc “Sen Trắng” được chọn làm Đoàn ca chính thức của Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

<<Thật ra tác giả huy hiệu Hoa Sen (và cả bài ca Dây Thân Ái nữa) là Lê Lừng, một Huỳnh Trưởng đã đóng góp nhiều công sức với Cư sĩ Lê Đình Thám trong phong trào sơ khai tổ chức và phát triển Gia Đình Phật Hóa Phổ, huy hiệu hoa sen được thiết kế và sử dụng khoảng năm 1939-1940. Sau khi Gia Đình Phật Hóa Phổ chính thức sử dụng, huy hiệu này cũng được Đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục dùng nhưng thêm mấy chữ viết tắt PHDD phía trên hoa sen - Vì chưa có tài liệu giáo khoa chính thức nào của cấp Ban Hướng Dẫn Trung Ương GĐPTVN đưa thông tin này vào nên chúng tôi không dám tùy tiện ghi vào phần lịch sử – NQM chú thích>>.

Ngoài việc học kinh nghĩa, nghi thức tụng niệm, sinh hoạt linh động về trí năng, kèm theo là làm việc thiện để phân giải cho các em thấu hiểu trong hành xử lòng từ bi, vị tha... Trong những dịp đi cắm trại, ngoài những sinh hoạt thường lệ, còn có mục làm việc thiện, như truyền bá vệ sinh, quét dọn những khu ô uế, rác rưởi, khơi mương rãnh, quy tụ các em nhỏ địa phương cùng vui hát, dự lửa trại. Thời kỳ này, các hình thức phô diễn như phù hiệu, cấp hiệu hay danh xưng các cấp điều khiển chưa có đặt ra. Vị đứng đầu Ban Đồng Ấu gọi là “Anh Phụ trách”, nếu luống tuổi thì “Bác Phụ trách”, chưa có danh từ “huynh trưởng, gia trưởng”.

Năm 1945 mọi sinh hoạt đều gián đoạn vì cuộc chiến tranh chống Pháp bùng nổ.

2. Tại Bắc kỳ

Tại Bắc kỳ, Hội Phật giáo Bắc kỳ đã được thành lập (1934) với trụ sở tại chùa Quán Sứ (Hà Nội), do Cư sĩ Nguyễn Năng Quốc

làm Hội trưởng và Hòa thượng Thanh Hanh làm Thiền gia Pháp chủ.

Tháng 5 năm 1945 danh hiệu được cải đổi là Hội Việt Nam Phật giáo do Hòa thượng Tuệ Tạng (Tổ Cồn) làm Hội trưởng, trong khi Tố Liên và Trí Hải được ủy nhiệm điều hành thường trực công việc.

Từ khi thành lập, ngoài việc kết hợp sơn môn, tu đính giới luật tăng sự, thiết lập đạo tràng, Phật học đường tại các tổ đình để đào tạo tăng chúng. Đồng thời các thượng tọa cùng một số cư sĩ trong ban quản trị đã thực hiện việc quy tụ thanh, thiếu, đồng niên, con em hội viên để hình thành Ban Đồng Ấu, hàng tuần chiều thứ Năm và sáng Chủ Nhật đến chùa học kinh nghĩa, rước lễ dâng hoa các ngày đại lễ, tụng niệm, sinh hoạt vui chơi, tập hát các bài hát theo điệu nhạc truyền thống dân tộc, do Cư sĩ Thiều Chửu (tác giả cuốn *Hán-Việt tự điển*) hướng dẫn. Đó là thời kỳ sơ khai hình thành Ban Đồng Ấu Phật giáo tại Bắc kỳ.

Năm 1946 cuộc chiến tranh chống Pháp bùng nổ, Hội cũng như tổ chức Đồng Ấu gián đoạn sinh hoạt.

III. THỜI KỲ PHỤC HỒI VÀ CẢI CÁCH (1948-1953):

1. Tại Trung Việt

Năm 1948 sau những ngày tản cư và hồi cư, do khuyến khích của các giáo phẩm tăng già tại các quốc tự và các cư sĩ thành viên Ban Quản trị Hội An Nam Phật học tại Huế trong việc phục hồi tổ chức Đồng Ấu.

Từ đó đã có cuộc gặp gỡ đầu tiên (1948 – 1949?) của một số anh chị đầy đạo tâm, từng suy tư về giáo dục trẻ, đã từng tham dự từ khởi đầu hình thành tổ chức Ban Đồng Ấu cũng như Đoàn Thanh niên Phật học Đức Dục, tại biệt thự số 11 đường Nguyễn Hoàng (thời trước Rue Paul Bert). Những cuộc gặp gỡ bàn luận về sau tại Chùa Từ Đàm do Võ Đình Cường đảm trách cùng với Lê Cao Phan, Hoàng Thị Kim Cúc,

Phan Cảnh Tuân, Văn Đình Hy, Cao Chánh Hựu, v.v.

Sau thời kỳ gặp gỡ hội bàn và hoạch định các hình thức sinh hoạt, phục hồi tổ chức với đường hướng cải cách nội dung cũng như hình thức, đồng thời lấy danh hiệu là “Gia đình Phật Hóa Phổ” thay danh xưng “Đồng Ấu Phật Giáo” của thời kỳ sơ khai trước đây, dưới sự bảo trợ, cố vấn giáo lý của các thầy:

- Thích Minh Châu (nay là Hòa thượng).
- Thích Thiên Ân (viên tịch tại Hoa Kỳ).
- Thích Đức Tâm, Thích Chân Trí.
- Thích Trí Không v.v.

Từ đây đã thành lập hai đơn vị đầu tiên là Gia đình Phật Hóa Phổ Hướng Thiện do Phan Cảnh Trí làm gia trưởng và Gia đình Phật Hóa Phổ Gia Thiện do Nguyễn Văn Phiền làm gia trưởng, và tổ chức bắt đầu sự cải cách cơ cấu điều hành, chương trình tu học, các hình thức sinh hoạt như:

- Đồng phục, phù hiệu, cấp hiệu.
- Chia hai ngành nam, nữ.
- Chia đơn vị đội, chúng, đoàn, gia đình.
- Tổ chức trại huấn luyện cho đoàn viên và huynh trưởng.

Sau đó, tổ chức Gia đình Phật Hóa Phổ ngày càng phát triển sâu rộng khắp các chùa và khuôn hội tại Huế tới nông thôn, rồi Đà Nẵng, Đà Lạt, Quảng Trị, Quảng Bình, Nha Trang, Phan Thiết. Và thiết lập các trại huấn luyện ngành các cấp và huynh trưởng, bầu cử ban hướng dẫn cấp địa phương và Trung Việt.

Năm 1949, Ban hướng dẫn Gia đình Phật Hóa Phổ Thừa Thiên Huế được thành lập với thành phần:

- Trưởng ban: Lê Cao Phan

- Các thành viên: Tráng Thông, Võ Đình Cường, Phan Xuân Sanh, Lê Văn Dũng, v.v.

Các năm tiếp theo, tổ chức Gia đình Phật Hóa Phổ tại Trung Việt đã phát triển khắp các tỉnh (như nêu trên), từ thành thị đến huyện, xã với đội ngũ huynh trưởng được đào tạo qua các trại huấn luyện A Dục.

Trước sự phát triển rộng khắp ấy, đòi hỏi phải có sự chỉ đạo chung, nên Gia đình Phật Hóa Phổ đã triệu tập cuộc họp tại trụ sở Hội Phật Học Trung Việt (đường Nguyễn Hoàng) bầu Ban hướng dẫn Trung Việt Gia đình Phật Hóa Phổ (1951) gồm:

- Trưởng Ban: Võ Đình Cường
- Các thành viên: Lê Cao Phan, Lê Mộng Đào, Phan Cảnh Tuân, Nguyễn Xuân Quyền, Hoàng thị Kim Cúc, v.v.

Ngày 6 tháng 5 năm 1951 Đại hội Thống Nhất Phật Giáo 3 miền được tổ chức tại chùa Từ Đàm, Huế, lấy danh hiệu “Tổng hội Phật giáo Việt Nam”. Trong dịp này, khóa huấn luyện huynh trưởng đầu tiên do Ban hướng dẫn Gia đình Phật Hóa Phổ Thừa Thiên Huế được ủy nhiệm đảm trách tổ chức, với sự tham dự của huynh trưởng ba miền, lấy tên “Trại Kim Cang” và thành phần tham dự trại gồm:

Ban Trại trưởng: Võ Đình Cường, Lê Cao Phan, Lê Văn Dũng, Phan Cảnh Tuân, Văn Đình Hy, v.v.

Thành phần trại sinh:

- Bắc Việt: Lê Vinh, Đặng Văn Khuê, Trần Thanh Hiệp, v.v.
- Nam Việt: Nguyễn Hữu Huỳnh.
- Trung Việt: Đa số.

Đến năm 1954 Gia đình Phật tử tại Thừa Thiên Huế và số lớn các tỉnh ở Trung Việt và Cao Nguyên đã tiến triển khả quan, với cơ cấu tổ chức quy củ, các kỹ năng sinh hoạt

và tu học hoàn chỉnh, cũng như một lực lượng huynh trưởng đông, đầy đạo tâm và khả năng.

Từ đó, trở nên khuôn mẫu trong việc canh tân và phát triển, hướng đến thống nhất toàn diện tổ chức Gia đình Phật Tử Việt Nam (tại miền Nam Việt Nam) sau ngày đất nước bị chia đôi thành hai miền Nam, Bắc.

2. Tại Bắc Việt

Năm 1946 cuộc chiến tranh Đông Dương (Việt Nam gọi là Chiến tranh chống Pháp) bùng nổ, mọi hoạt động của Hội Việt Nam Phật giáo bị gián đoạn.

Năm 1947, Hội phục hồi hoạt động, Cư sĩ Bùi Thiện Cơ được bầu làm hội trưởng, Thượng tọa Thích Tố Liên làm Phó hội trưởng Ban Quản trị. Thượng tọa thành lập tại chùa Quán Sứ một nhi viện nuôi dưỡng khoảng 200 trẻ em mồ côi, và mở trường tiểu học Khuông Việt.

Do có sự quan tâm đặc biệt trong giáo dục đối với tuổi thiếu sinh, Thượng tọa kết tập các em mồ côi với học sinh Khuông Việt cùng các Đồng Ấu thành đoàn ngũ lấy danh xưng là “Gia đình Phật Hóa Phổ”, ủy nhiệm Đặng Văn Khuê xây dựng, trông nom Gia đình Phật Hóa Phổ sơ khởi này.

Vào khoảng năm 1949 – 1950 Gia đình Phật Hóa Phổ lớn mạnh, đã phân chia thành đoàn, đội, chúng và chia thành hai ngành nam nữ do các huynh trưởng phụ trách. Đồng thời thành lập đơn vị Gia đình Phật Hóa Phổ Minh Tâm là đơn vị đầu tiên tại chùa Quán Sứ dưới sự bảo trợ, cố vấn giáo lý của Đại đức Thích Thanh Kiểm (cố Hòa thượng) và Đại đức Thích Tâm Giác (cố Hòa thượng), với thành phần huynh trưởng gồm có:

- Gia trưởng: Đạo Hữu Viên Quang.
- Liên đoàn trưởng: Lê Vinh.
- Ủy viên: Trần Thanh Hiệp.
- Đoàn trưởng Thiếu nam: Đặng Văn Khuê.

- Đoàn trưởng Thiếu nữ: Tuệ Mai.
- Đoàn trưởng Đồng nam: Đỗ Văn Tuyển
- Đoàn trưởng Đồng nữ: Trần Thị Ngọc.

Tiếp đó thành lập Gia đình Liên Hoa, Minh Đạo, Từ Quang, Phả Quang và phát triển rộng lớn đến Hải Phòng, Nam Định, Bắc Ninh, Vĩnh Yên v.v.

Tháng 5 năm 1951 Đại hội Phật giáo ba miền họp tại chùa Từ Đàm, Huế, đã quyết nghị thống nhất Phật giáo với danh hiệu **Tổng hội Phật giáo Việt Nam**.

Song hành với dịp đại hội này, trại huấn luyện Kim Cang được tổ chức nhân các huynh trưởng cấp tỉnh trở lên của ba miền về dự Đại hội Thống nhất Phật giáo đã hội thảo tiến tới thống nhất hình thức tổ chức, sinh hoạt đoàn thể Phật tử (Gia đình Phật Hóa Phổ). Phái đoàn huynh trưởng Bắc Việt được cử về dự gồm có các trưởng: *Tâm Thiết* Trần Thái Hồ (Lê Vinh), *Thông Phương* Đặng Văn Khuê và *Chân Quang* Trần Thanh Hiệp.

Qua các cuộc hội thảo và trại huấn luyện Kim Cang danh xưng “Gia đình Phật Hóa Phổ” được cải đổi thành danh xưng **Gia đình Phật tử Việt Nam**. Sau đó nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển, canh tân và hướng dẫn, Hội Việt Nam Phật Giáo thành lập Ban Hướng dẫn Gia đình Phật tử Bắc Việt để điều hành các đơn vị của Gia đình Phật tử tại Bắc Việt với các thành phần như sau:

Trưởng ban: Nguyễn Văn Nhã.

Phó trưởng ban: Lê Vinh, Tuệ Mai.

Ủy viên: Trần Thanh Hiệp, Lê Văn Lãm, chị Ni v.v.

Tháng 1 năm 1953 phái đoàn đại biểu Gia đình Phật tử Bắc Việt gồm có Nguyễn Văn Nhã, Lê Văn Lãm, Chị Ni, Tuệ Mai, Diệu Minh và Ty được cử vào dự Đại hội Huynh trưởng Gia đình Phật tử toàn quốc họp tại chùa Từ Đàm, hội thảo các dự án thành lập

nội quy, chương trình tu học và sinh hoạt thống nhất.

Gia đình Phật tử tại miền Bắc ngày càng phát triển khắp đến Phúc Yên, Hải Dương, Hà Đông, Bắc Giang. Các khóa huấn luyện huỳnh trưởng lưu động được tổ chức tại mỗi tỉnh, hạt.

Năm 1953 Trại Bồ Đề I (huấn luyện đội, chúng trưởng và đoàn phó) được tổ chức tại Phúc Yên do Bùi Ngọc Bách làm trại trưởng. Trong khoảng thời gian này lại được thêm các trưởng Nguyễn Minh Hiền, Phạm Mạnh Cường từ Huế ra Hà Nội học, đã tăng cường thêm sức cho các hoạt động Gia đình Phật tử tại Bắc Việt.

Đầu năm 1954, trại họp bạn Vô Ưu được tổ chức tại chùa Voi Phục (Láng, Hà Nội), qui tụ tất cả các Gia đình Phật tử các tỉnh cùng về dự, và do trưởng Nguyễn Minh Hiền làm trại trưởng. Đây là trại họp bạn sau cùng đánh dấu sự phát triển và lớn mạnh của tổ chức Gia đình Phật tử tại Bắc Việt, và sau đó nhận lấy sự qua phân hai miền Bắc – Nam bởi Hiệp định Genève.

Dưới chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Miền Bắc, tổ chức Gia đình Phật tử hoàn toàn giải thể. Tính đến nay (2008) ngoài Bắc vẫn không có lấy một đơn vị nào cả.

3. Tại NamViệt

Hoàn cảnh Nam Việt từ 1947 trở về trước khác với Bắc và Trung Việt, về sau mặc dầu đã có xu hướng và ý định tiến đến hình thành tổ chức Gia đình Phật tử, song không đủ nhân sự chuyên trách, cũng như thông hiểu hình thức và nội dung tổ chức.

Đến năm 1951, cơ duyên thuận lợi cho công cuộc Thống nhất Phật giáo Việt Nam, sau gần 3-4 thế kỷ bị phân ly do chính sách thống trị và ngược đãi của thực dân Pháp. Đại hội Thống nhất Phật giáo ba miền được tổ chức tại chùa Từ Đàm gồm có 5 tập đoàn tăng già và cư sĩ:

- Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt.
- Hội Việt Nam Phật Giáo Bắc Việt.
- Giáo Hội Tăng Già Trung Việt.
- Hội Phật Giáo Trung Việt.
- Hội Phật Học Nam Việt.

Phái đoàn Hội Phật học Nam Việt do Đại Đức Thích Quảng Minh làm hội trưởng, trưởng phái đoàn và các thành viên gồm có:

- Đạo hữu *Chánh Trí* Mai Thọ Truyền, tổng thư ký Hội Phật học Nam Việt
- Đạo hữu *Pháp Huệ* Nguyễn Hữu Huỳnh, phó tổng thư ký Hội Phật học Nam Việt
- Đạo hữu Trần Khoan Hậu

Pháp Huệ Nguyễn Hữu Huỳnh về dự Đại hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam với tư cách thành viên phái đoàn Hội Phật học Nam Việt. Song ban trưởng trại huấn luyện Kim Cang dò biết vị đại biểu trẻ nhất phái đoàn Nam Việt có phong độ năng động, linh hoạt, hầu như đã từng trải về sinh hoạt thanh niên, và chính là một đồng hương Huế, đang là một huỳnh trưởng Hướng đạo tại Sài Gòn, nên đã tìm cách vận động, thúc đẩy tham gia trại Kim Cang, để tiến tới hình thành tổ chức Gia đình Phật tử tại Nam Việt (tại khóa tu học Anoma của Gia đình Phật tử Vĩnh Nghiêm 1993, Trưởng *Hồng Liên* Phan Cảnh Tuân, giảng viên, cho biết hồi đó Trưởng phải chạy từng bộ đồng phục lam cho Trưởng Huỳnh để dự khóa huấn luyện).

Vốn sẵn dòng máu truyền thống Phật Giáo và đã đến với Ban Đồng Ấu thuộc Hội An Nam Phật Học từ ngày đầu thành lập (1938) và vào sinh sống ở Sài Gòn hạ niên 1940, Trưởng *Pháp Huệ* chấp nhận dự trại huấn luyện.

Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo bế mạc, và Khóa huấn luyện Kim Cang kết thúc, Trưởng Huỳnh trở về Nam Việt với nỗi lòng hân hoan đầy phấn khởi: Sự thống nhất Phật Giáo và tổ chức Gia Đình Phật Tử kết

chặt “Tình Lam con Phật” nhằm canh tân và phát triển Gia Đình Phật Tử khắp ba miền.

Với cảnh trạng ấy, đã đáp ứng được nỗi đam mê, ước vọng của Trưởng Huỳnh trong việc giáo dục Thanh, Thiếu Đồng niên hướng thiện, theo tinh thần đạo Phật. Từ đó với bao kiến thức sẵn có, cùng với những tài liệu thu nhập được ở Khóa Huấn luyện Kim Cang, Trưởng Huỳnh đã dành hết thời gian và trí tuệ, quyết tâm thành lập bằng được tổ chức Gia Đình Phật Tử tại Nam Việt.

Trước khi tiến hành thành lập, Trưởng Pháp Huệ nhận thấy trong BQT Hội Phật Học có bác sĩ Nguyễn Văn Thọ, phó hội trưởng là người có đủ điều kiện về cơ sở vật chất (nhà cửa, phương tiện) và nhân lực (con cháu đông đúc) làm nhân, tác động hình thành tổ chức Gia Đình Phật Tử tại Sài Gòn để dần dần lan rộng đến các tỉnh.

Trưởng liền tìm đến tiếp xúc với bác sĩ Thọ trình bày mục đích, ý nghĩa tổ chức Gia Đình Phật Tử đối với Đạo, và giáo dục Thanh, Thiếu, Đồng niên hướng thiện theo tinh thần Đạo Phật. Đồng thời trình bày đầy đủ về hình ảnh sinh động, hòa vui cũng như chương trình tu học và sinh hoạt Gia Đình Phật Tử, được Bác Sĩ Thọ thông cảm và tâm đắc khuyến khích đôn đốc Trưởng Huỳnh: – Đạo hữu nên mau tiến hành, Ban Quản trị Hội và tôi luôn ủng hộ. Bác sĩ liền giao biệt thự số 31 Nguyễn Thông (công xá được cấp theo công vụ), và con cháu trong gia quyến (gồm 28 nhân lực) làm khởi điểm hình thành Gia Đình Phật Tử tại Sài Gòn.

Từ đây một mình Trưởng *Pháp Huệ* Nguyễn Hữu Huỳnh đảm trách mọi vai trò, vừa là người huynh trưởng hướng dẫn, vừa là một đoàn sinh. Từ tổ chức thành đội ngũ, giảng dạy Phật Pháp; tập hát; các trò chơi; các chuyên môn sinh hoạt thanh niên: gút, morse, dấu đi đường; vạch chương trình sinh hoạt định kỳ; cho đến việc chiêu mộ thêm đoàn sinh...

Trong vòng thời gian gần ba tháng, các em đoàn sinh đã tiếp thu cách thức sinh hoạt, thuộc các bài hát: “Phật Giáo Việt Nam thống nhất”, “Trầm hương đốt”, “Dây thân ái”, “Dòng Anôma”, và đã thuộc kinh cùng nghi thức hành lễ *Sám hối*. Trưởng liền tổ chức Lễ ra mắt, thành lập Gia Đình Phật Tử Chánh Tâm tại mặt tiền sân thượng tư gia bác sĩ Chánh Tâm Nguyễn Văn Thọ. Lễ ra mắt đơn vị đầu tiên này trước sự chứng giám của Chư Tăng, và Ban Quản trị Hội Phật Học gồm có:

- Thầy Đạt Từ, Thầy Quảng Liên (nay là Hòa Thượng Viện Chủ Tu Viện Quảng Đức, Thủ Đức).
- Toàn thể thành viên Ban Quản Trị Hội Phật Học Nam Việt.

Chứng kiến lễ ra mắt, Thầy Quảng Liên đã hân hoan khen ngợi và khuyến khích mau chóng cho phát triển tổ chức Gia đình Phật tử để hướng dẫn tuổi trẻ đến với Chánh Pháp. Từ đó tổ chức Gia đình Phật tử họ Chánh lần lượt hình thành tại Sài Gòn và mau chóng lan tới các tỉnh ở Nam Việt.

Vào khoảng năm 1950, Trưởng Nguyễn Văn Thục thành lập Gia Đình Phật Tử Chơn Trí Sài Gòn sinh hoạt tại chùa Sùng Đức Chợ Lớn, sau đó chuyển về chùa Pháp Quang (gần sân vận động Renaul, sau này là sân Thống Nhất) đổi danh xưng là Gia Đình Phật Tử Chánh Giác, thuộc Giáo Hội Tăng Già Nam Việt.

Năm 1953 Trưởng Tống Hồ Cầm ở Đà Lạt xuống Sài Gòn (Trưởng Huỳnh cho biết 1951, Trưởng là thành viên phái đoàn Phật Học Nam Việt về dự Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo ba miền tại chùa Từ Đàm, Huế được quen biết Trưởng Tống Hồ Cầm (phái đoàn Trung Việt) và đạo hữu Viên Quang (phái đoàn Bắc Việt), mà cả hai cùng Trưởng Huỳnh đều là thành viên Ban Thư Ký đoàn của Đại Hội, cũng như đã làm quen tại Khóa Huấn Luyện Huỳnh Trưởng đầu

tiên của Trại Kim Cang) Giáo Hội Tăng Già Nam Việt và Hội Phật Học Nam Việt nhờ Trưởng Tổng Hồ Cầm làm trung gian hợp nhất hai Gia Đình Phật Tử Chánh Tâm và Chánh Giác thành Gia Đình Phật Tử Chánh Đạo thuộc Hội Phật Học Nam Việt.

“... Năm 1950 sau cơn ly tán tập hợp lại, tái lập tổ chức Gia Đình Phật Hóa Phổ dưới sự hướng dẫn của chú Minh Châu, anh Võ Đình Cường, Tổng Hồ Cầm, Phan Cảnh Tuân, chị Hoàng Thị Kim Cúc...” “... như một đóa sen vươn cánh nở từ khắp đất thần Kinh. Ban Hướng Dẫn Thừa Thiên được thành lập. Lúc bấy giờ ở Sài Gòn anh Tổng Hồ Cầm, Nguyễn Văn Thục tổ chức Gia Đình Phật Tử trực thuộc Hội Phật Học Nam Việt, lúc này còn rất nghèo ở Chùa Phước Hòa ...” (sách Người Áo Lam, sứ mệnh Gia Đình Phật Tử của Lữ Hồ Nguyễn Minh Hiền, Ủy viên Tu thư Ban Hướng Dẫn Trung Ương nhiệm kỳ I, 1964 – 1966).

Trại Kim Cang 1951, chỉ có Đại biểu Gia đình Phật hóa phổ Trung và Bắc Việt, Nam Việt chưa có Gia đình Phật hóa phổ nên anh Nguyễn Hữu Huỳnh Đại biểu phái đoàn Hội Phật Học Nam Việt được mời dự trại Huấn Luyện Huỳnh Trưởng như một Đại Biểu Gia đình Phật hóa phổ Nam Việt dự trại Huấn Luyện như đã nói ở phần trên.

Đến năm 1958, Hội Phật Học Nam Việt thành lập Ban Hướng Dẫn Trung Ương GDPT thuộc Hội Phật Học Nam Việt, chỉ định Trưởng Tổng Hồ Cầm Trưởng Ban, Trưởng Nguyễn Văn Thục Phó Trưởng Ban. Ban Hướng Dẫn này bổ sung một số Ủy viên, Trưởng Nguyễn Hữu Huỳnh giữ chức Ủy viên Hoạt Động Thanh Niên và Xã Hội.

IV. THỜI KỲ CẢI CÁCH THEO HƯỚNG THỐNG NHẤT (1953-1964)

1. Tiến trình phát triển và xây dựng:

Qua Đại Hội tháng 05/1951, cùng với Trại Huấn Luyện Kim Cang đầu tiên là cơ duyên mở đầu tinh thần thống nhất, và

canh tân cơ cấu tổ chức điều hành, chương trình tu học và các hình thức sinh hoạt Gia Đình Phật Tử Việt Nam, thuộc Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam.

Do đó, đã dẫn đến Đại Hội Gia Đình Phật Tử toàn quốc diễn ra vào tháng 01/1953 tại Huế, gồm có 63 Đại Biểu Huỳnh trưởng chính thức của ba miền.

Kết quả Đại Hội đã thành lập Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam, và quyết nghị chấp thuận một nội quy và chương trình tu học, cùng hình thức sinh hoạt thống nhất toàn quốc.

Sau Đại Hội 1953, Gia Đình Phật Tử ba miền đã tỏ rõ sự trưởng thành và quy củ từ cơ cấu tổ chức đến điều hành, tu học, sinh hoạt, các hình thức phô diễn, đến việc đào tạo hàng ngũ Huỳnh Trưởng qua các khóa huấn luyện, làm nền tảng cho sự xây dựng và phát triển trong tương lai, nhằm tiến tới sự thống nhất toàn diện.

Qua năm 1954, Hiệp định Genève phân chia đất nước thành hai miền Nam, Bắc.

2. Gia đình Phật tử tại miền Nam Việt Nam (1955-1975 Trung và Nam Việt, từ Quảng Trị tới Cà Mau)

Đến năm 1955 Tổ chức Gia Đình Phật Tử Nam Việt đã hình thành và phát triển khả quan tại Đô Thành Sài Gòn – Gia Định và lan rộng tới các tỉnh Biên Hòa, Cần Thơ, Mỹ Tho (Định Tường), Vĩnh Long (Long Xuyên)...

Hiệp định Genève chia đất nước ta thành hai miền Nam, Bắc. Năm 1955, đồng bào miền Bắc thuộc mọi thành phần nói chung, trong đó có đồng bào Phật Giáo và Huỳnh Trưởng, Đoàn Sinh Gia Đình Phật Tử nói riêng, di cư vào định cư tại Sài Gòn Gia Định và một số Tỉnh thuộc Nam Việt và ở Trung Việt.

Từ bấy giờ Tổ chức Gia Đình Phật Tử tại Nam Việt có thêm hai hệ thống của hai Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Bắc Việt tại Miền Nam:

- Một thuộc Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt đặt trụ sở tại Chùa Giác Minh đường Phan Thanh Giản (nay Điện Biên Phủ).
- Thứ hai, thuộc Hội Việt Nam Phật Giáo Bắc Việt đặt trụ sở tại Chùa Phước Hòa đường Phan Đình Phùng (nay Nguyễn Đình Chiểu).

Trong cảnh đất nước chia cắt Bắc - Nam, tạo ra những phức tạp, xáo trộn không tiên liệu được. Bởi vậy, ở thời gian giao thời lúc đầu không tránh khỏi những ngộ nhận và trở ngại trong hoạt động. Vì sự điều hành hoạt động và quản trị khác nhau, do thống thuộc mỗi tập đoàn Phật giáo, và không được sự chỉ đạo chung, bởi một Ban Hướng Dẫn toàn quốc theo tinh thần Đại Hội 1953.

Tuy vậy, vẫn có sự quan hệ “Tình Lam, con Phật”, và hình thức tổ chức, tu học vẫn theo nội quy Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Nhằm tạo hòa khí trước những ngộ nhận, dao động của giao thời và kết liên “Tình Đạo, Tình Lam”, Trưởng Huỳnh đã liên hệ Gia Đình Phật Tử Minh Tâm thuộc Hội Việt Nam Phật giáo (Bắc Việt) cùng Trưởng Hồng Liên Phan Cảnh Tuân thành lập Đoàn Huỳnh trưởng A Dục. Mục đích của Đoàn nhằm trao đổi kinh nghiệm, bồi bổ kiến thức trong vai trò Huỳnh trưởng phụng sự Đạo Pháp, và hòa đồng hoạt động xây dựng Gia Đình Phật Tử Việt Nam, phù hợp với hoàn cảnh đương thời.

Vào cuối năm 1960 nhằm kết liên tình Lam, đoàn Huỳnh trưởng A Dục do các Trưởng Nguyễn Hữu Huỳnh Phan Cảnh Tuân hướng dẫn đã thăm Đà Lạt & giao lưu với GDPT địa phương.

Nhờ sự quan hệ thắm thiết “Tình Lam, con Phật”, dầu sự thống nhất khác nhau, song cùng một lý tưởng phụng sự Đạo Pháp và xây dựng tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Năm 1958, Hội Trưởng Hội Phật Học Nam Việt ký Quyết định Thành Lập Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử thuộc Hội Phật Học Nam Việt, chỉ định Trưởng Tổng Hồ Cầm Trưởng Ban, Trưởng Nguyễn Văn Thục Phó Trưởng Ban. Từ đây, tại Nam Việt có ba Ban Hướng Dẫn:

- Ban Hướng dẫn GDPT Hội Phật Học Nam Việt.
- Ban Hướng dẫn GDPT Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt tại miền Nam.
- Ban Hướng dẫn GDPT Hội Việt Nam Phật Giáo.

Cuối năm 1960, sau cuộc họp sơ bộ tại chùa Linh Sơn Đà Lạt, Thượng Tọa Thích Thiện Minh, Ủy Viên Thanh Niên Phật Tử Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, vào Sài Gòn họp với Đại Đức Ủy Viên Thanh Niên và một số Huỳnh Trưởng Gia Đình Phật Tử Bắc Việt tại chùa Giác Minh. Các phiên họp này nhằm mục đích tìm phương thức đi đến thống nhất sự chỉ đạo các Gia Đình Phật Tử.

Nhờ sự lãnh đạo sáng suốt, đầy tể nhị của Thượng Tọa Ủy Viên Thanh Niên Phật Tử, cùng sự kết hợp Tình Lam qua Đoàn Huỳnh trưởng A Dục bấy giờ, là một phần nhân tố duyên lành, dẫn đến Đại Hội Huỳnh Trưởng Toàn quốc họp tại Chùa Xá Lợi, từ ngày 26 tới 28-12-1961 bầu cử Ban Hướng Dẫn toàn quốc (như tinh thần Đại Hội 1953) gồm đủ thành phần Đại diện Bắc Trung Nam như:

- Trưởng Ban: Thượng Tọa Thích Thiện Hoa.
- Phó Ban ngành Nam: Tổng Hồ Cầm.
- Phó Ban ngành Nữ: Hoàng Thị Kim Cúc.
- Tổng Thư Ký: Trần Quang Thuận.
- Phó Tổng thư ký: Cao Chánh Hựu.
- Thủ quỹ kiêm Đại diện Gia Đình Phật Tử Bắc Việt: Đạo Hữu Nguyễn Đức Lợi.

Kể từ đây trở đi tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam thể hiện tinh thần đoàn kết vững chắc với một ý chí xây dựng và củng cố hàng ngũ, phát huy đức tính Bi, Trí, Dũng phụng sự Đạo Pháp.

Do đó, đã trở thành một lực lượng kiên cường với trí tuệ trong sáng, góp phần vào công cuộc đòi hỏi tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo, theo Giáo lệnh của Đức Hội Chủ Tổng Hội Phật giáo Việt Nam và của Ủy Ban Liên phái bảo vệ Phật Giáo năm 1963.

V. THỜI KỲ THỐNG NHẤT DƯỚI GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

Năm 1964, sau cuộc vận động tự do tín ngưỡng, bình đẳng Tôn Giáo của Pháp nạn năm 1963, Đại hội Phật Giáo họp tại chùa Xá Lợi, gồm sáu tập đoàn tăng già và cư sĩ Bắc Trung Nam và Giáo hội Phật giáo Nam Tông (Nguyên thủy), đồng nhất quyết nghị thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, với bản văn Hiến chương ấn định giáo chế, cơ cấu tổ chức điều hành Giáo hội gồm 2 viện: Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo (gồm có các Tổng vụ và các vụ).

Đồng thời đặt Gia Đình Phật Tử thuộc Tổng vụ Thanh niên, trực nhiệm GDPT vụ viện Hóa Đạo.

Chiếu Hiến Chương Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tháng 06/1964, Gia Đình Phật Tử đã tiến hành đại hội Huỳnh trưởng toàn quốc họp tại trường Trung học Gia Long (Sài Gòn), bầu cử Ban Hướng dẫn Trung Ương, quyết nghị nội quy, quy chế Huỳnh Trưởng và các chương trình tu học, sinh hoạt của Gia Đình Phật Tử Việt Nam thống nhất.

Từ đây, tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam từ cấp Ban Hướng Dẫn Trung Ương, xuống Ban Đại diện Gia Đình Phật Tử Miền, đến Ban Hướng Dẫn cấp Tỉnh phân định thành bảy miền:

- Vạn Hạnh (Bắc Trung phần).
- Liễu Quán (Nam Trung phần).
- Khuông Việt (Cao Nguyên Trung phần).
- Khánh Hòa (Đông Nam phần).
- Quảng Đức (Thủ Đô Sài Gòn).
- Vĩnh Nghiêm (Phật tử Bắc Việt).
- Khánh Anh (Hậu Giang Nam phần).
- Huệ Quang (Tiền Giang Nam phần) về sau được bổ sung thêm.

Cấp Miền có Ban đại diện Gia Đình Phật Tử Miền. Cấp Tỉnh có Ban Hướng dẫn Gia Đình Phật Tử Tỉnh. Ban Hướng dẫn Gia Đình Phật Tử Miền Vĩnh Nghiêm ngang cấp Ban Hướng Dẫn Tỉnh. Cấp Quận có Ban Đại diện Gia Đình Phật Tử Quận.

Sau năm 1964, Gia Đình Phật Tử Việt Nam đã cường thịnh về mọi mặt, tổ chức điều hành cùng chương trình tu học, theo đúng mục đích: Học đạo và giáo dục Thanh, Thiếu, Đồng niên theo tinh thần luân lý đạo Phật, do chư bậc tôn đức Tăng già và chư vị Cư Sĩ uyên bác – Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám – tiền bối sáng lập.

Cho nên, dù trong cảnh huống nào Gia Đình Phật Tử vẫn giữ đúng truyền thống thuần túy Đạo Phật với hạnh nguyện Tự Giác, Giác Tha để phụng sự Đạo pháp và kết liên “Tinh Lam” con Phật.

VI. THỜI KỲ SAU NĂM 1975

Sau hòa bình, những khó khăn kinh tế chồng chất và vô vàn lý do nội, ngoại tại khác đã đẩy đưa không những đồng bào các tỉnh miền Bắc, miền Trung mà cả miền Nam nữa di chuyển xáo trộn vì lý do tìm vùng đất mới định cư lập nghiệp. Nói chung, bắt đầu từ khoảng năm 1980 đặc điểm của Việt Nam rất khác trước là hầu như tỉnh nào cũng có cư dân của các tỉnh khác đến sinh sống.

Giai đoạn khẩn hoang lập nghiệp khổ nhọc ban đầu thực sự đã chiếm toàn bộ thời gian của những di dân trên vùng đất

mới. Những giây phút giành cho nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng là vô cùng hãn hữu. Thế nên khi vừa kịp yên ổn nơi trú ngụ và có một mảnh đất con con để canh tác độ nhật, tuy rằng khó khăn còn trùng trùng điệp điệp, thì ngay lập tức những người làm “nghề cầm còi” chợt tiếc nhớ quay quắt một thời sinh hoạt áo lam Gia Đình Phật Tử. Thôi thúc ấy chính là tác nhân khiến họ lao vào cuộc tìm kiếm rải rác trên vùng đất mới những anh chị em đồng sự, đồng hành...

Thế nhưng lúc bấy giờ, sinh hoạt Gia Đình Phật Tử Việt Nam vô cùng khó khăn do bị công khai cấm đoán. Các anh chị Huỳnh Trưởng số thì đi vùng “kinh tế mới”; số bị đi “cải tạo”; số khác thì “vượt biên” định cư tại nước ngoài. Nhiều văn phòng, cơ sở của các Ban Hướng Dẫn bị trưng thu, niêm phong sau ngày 30-4-1975; Hồ sơ, khí mãnh thì một phần lớn kỳ hiệu, ấn tín, quyết định công nhận chính thức đơn vị và những văn kiện lịch sử không còn do bị tiêu hủy trong cơn binh lửa khắc nghiệt trong chiến nạn...

Để duy trì được sinh hoạt của Gia Đình Phật Tử – nơi thì bằng hình thức này, nơi thì bằng hình thức khác – hầu hết Huỳnh Trưởng lãnh đạo từ cấp Trung Ương đến đơn vị – đặc biệt là Huỳnh Trưởng cấp Ban Hướng Dẫn Tỉnh/Thị – đều bị triệu tập “làm việc”; các sinh hoạt công khai bị ngăn trở, sách nhiễu, khó dễ đủ bề... Tuy vậy với tinh thần trung kiên vì tổ chức, hầu hết các địa phương đều duy trì, phục hoạt được tổ chức với một tinh thần vô úy đáng kinh ngạc. Phải nói Gia Đình Phật Tử Việt Nam là tổ chức sinh hoạt thanh niên duy nhất

trong số rất nhiều các tổ chức khác dưới chế độ củ bị xóa sổ đã thần nhiên kiên cường tồn tại dưới nhiều áp lực nặng nề cho đến lúc nhà đương cục mới phải mặc nhiên chấp nhận. Không những thế, do những anh chị Huỳnh Trưởng, Đoàn Sinh Gia Đình Phật Tử Việt Nam bốn tấu khắp Hải Ngoại mà chiếc áo màu Lam, lá cờ Sen Trắng đã hiện diện đến 4/5 Châu lục trên thế giới.

Thế nhưng phát khởi từ giai đoạn này (kể từ 1981) – giai đoạn được công nhận (hay tái công nhận?!) – những khó khăn mới tiếp tục trùng trùng vây bủa; những phương thức triệt tiêu mới bắt đầu chuyển hướng, đè nặng lên Gia Đình Phật Tử. Lần đầu tiên trong lịch sử tổ chức (kể cả trong những thời kỳ Pháp Nạn), Gia Đình Phật Tử Việt Nam bị phân hóa trầm trọng bởi đủ thứ âm mưu cả ngoại tại lẫn nội tại.

Và vì là thông tin lịch sử thế nên chúng ta hãy tạm dừng lại ở đây, ở giai đoạn cận đại. Giai đoạn hiện đại hãy chờ yếu tố thời gian công minh gạn lọc để có sự vô tư khi viết tiếp, vì ai dám khẳng định trang lịch sử bị hùng GDPT sẽ không bị xuyên tạc, bóp méo? Khó mà tiên liệu phần sau của sử liệu sẽ được viết tiếp như thế nào, nhưng phần trước – phần đã được tiền nhân và thế hệ Lam Viên chúng ta hiện tại khâm phục và thừa nhận bấy lâu nay – chắc hẳn thế hệ Đoàn Viên Gia Đình Phật Tử mai hậu kế thừa hoàn toàn có thể đọc được những dòng Lam sử tin cậy, chính xác, chính trực và chính sử...

KHÓA VIII: Tìm hiểu về nội quy của GDPTVN

I. MỞ ĐẦU

Bản Nội Quy GDPT Việt Nam tại Âu Châu mà hiện nay chúng ta áp dụng được kết tinh bởi tinh thần Từ Bi, Trí Tuệ và Dũng Mãnh của trăm ngàn Huynh trưởng và Đoàn sinh GDPT, đã được hình thành bởi mồ hôi, nước mắt, xương và máu của tất cả Đoàn viên trong nước ra đến Hải ngoại.

Nội Quy là khuôn vàng thước ngọc, là điều lệ quy luật, là cương lĩnh hoạt động của tất cả Huynh trưởng và Đoàn sinh GDPT Việt Nam tại Âu Châu. Bởi vậy chúng ta phải hiểu và sống đúng với Nội Quy để phục vụ cho mục đích, lý tưởng và sứ mệnh của tổ chức.

Ở đây chúng tôi chỉ xin được tóm tắt tinh thần và nội dung của Nội Quy một cách khái lược. **Phần tìm hiểu chi tiết xin quý anh chị nghiên cứu nguyên văn bản Nội Quy. (Xem phần phụ đính)**

II. TÓM TẮT TINH THẦN VÀ NỘI DUNG NỘI QUY:

Bản Nội Quy GDPT Việt Nam tại Âu Châu gồm có 5 chương và 19 điều đã được chung quyết

vào ngày 30.07.93 tại thành phố Amiens (Pháp Quốc) trong Đại Hội Huynh trưởng GDPT Việt Nam tại Âu Châu kỳ II và được bổ chính một điều và Nội dung trong Đại Hội Huynh trưởng GDPT Việt Nam tại Âu Châu kỳ III tại thị xã Helvoirt (Hòa Lan).

Chương Thứ Nhất: có 5 điều

Đã quy định về Danh hiệu - Mục Đích - Chân Ngôn - Khẩu hiệu và Luật.

Đây là chương căn bản vạch rõ tôn chỉ và mục đích quy định nếp sống tinh thần cho Đoàn viên mọi cấp để thực hiện lý tưởng và sứ mệnh của tổ chức, sứ mệnh của Gia Đình Phật Tử gồm có hai vai trò trong mục đích (chương I điều 2):



Đào luyện Thanh, Thiếu và Đồng niên thành Phật tử chân chánh (vai trò giáo dục thế hệ trẻ)

Góp phần xây dựng theo tinh thần Phật Giáo (vai trò thuần hương hóa xã hội)

Chương Thứ Hai: có 5 điều

Đã quy định về: Tổ chức - Nhiệm vụ liên lạc - Danh hiệu đơn vị Gia Đình địa phương - Đại Hội và Tài chánh. Chương này đã quy định rõ rệt hệ thống tổ chức từ Trung ương đến địa phương, xác định rõ ràng nhiệm vụ và quyền hạn của Đoàn viên GDPT Việt Nam tại Âu Châu.

Chương Thứ Ba: có 3 điều

Đã quy định về: Huy hiệu - Bài ca chính thức - Đồng phục. Trong chương này tinh thần và mục đích của GDPT đã được biểu hiện qua Huy hiệu (Hoa Sen trắng 8 cánh trên nền tròn xanh lá mạ viền trắng) và bài ca chính thức (Sen trắng) tính bất khả phân của tập thể GDPT đã được ấn định qua đồng phục Nam áo Lam, quần Tây dài màu xanh nước biển, Nữ áo dài Lam, quần trắng.

Chương Thứ Tư: có 5 điều

Đã quy định về: Điều kiện thành lập GDPT - Khuôn dấu, điều kiện gia nhập GDPT - Kỷ luật - Ngưng hoạt động - Giải tán. Chương này ấn định một số điều kiện thành lập, gia nhập, xây dựng và phát triển đơn vị Gia Đình Phật Tử. Quy định về hành chánh

cũng như kỷ luật của tổ chức mà tinh thần tự giác của Đoàn viên các cấp được đề cao.

Chương Thứ Năm: có một điều

Đã quy định về: Sửa đổi Nội Quy và địa điểm ngày, tháng, năm. Chương này chỉ có điều độc nhất ngắn gọn (Mọi sự sửa đổi Nội Quy phải do Đại Hội Huynh trưởng toàn Châu quyết định, đã nói lên tất cả tinh thần Dân chủ và tiến bộ của tổ chức GĐPT và

được Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất Âu Châu phê chuẩn).

III. KẾT LUẬN

Ngày nay tại Hải ngoại nói chung và tại Âu châu nói riêng GĐPT Việt Nam vẫn tiếp tục thành lập, củng cố và phát triển. Được như vậy bởi chúng ta có một bản Nội Quy truyền thống tại quê nhà và được kết hợp đồng thời với hoàn cảnh xã hội mới tại Âu châu.



KHÓA IX: Người Huỳnh Trưởng với Đạo Pháp và Dân Tộc

Người Huỳnh trưởng được nuôi dưỡng thân mạng trong lòng mẹ tổ quốc Việt Nam, bằng cơm bùi sữa ngọt của đất nước, dân tộc. Huệ mạng được trưởng dưỡng trong ánh sáng của giáo pháp Đức Phật, nên không thể quên ơn Đạo Pháp và Dân Tộc được.

I. ĐỐI VỚI ĐẠO PHÁP

Người Huỳnh trưởng phải hiểu Đạo để bảo vệ Đạo pháp.

1. Hiểu đạo:

Để thấy rõ chân tinh thần của Phật giáo, không phải chỉ nghiên cứu trên sách vở, nô lệ cho một mớ lý thuyết khô khan rồi chấp vào một số giáo điều. Phật Pháp bất ly thế gian nên đòi hỏi người Phật tử phải học và phải tu.

a. Học Đạo:

Đạo Phật là đạo của giải thoát tuệ giác siêu việt và là kết quả tu tập lâu dài của Đức Từ Phụ. Học Đạo là làm lại công việc của Bậc Đạo Sư ấy, bắt đầu từ phản tỉnh, đối chiếu và kiểm chứng với những điều ta học hỏi, nhìn các hiện tượng với cái nhìn lý trí (Chánh Kiến - Thấy đúng như thật). Có thấy một cách chân chánh, đúng đắn thì mới có đức tin vững chắc (Chánh Tín).

Phật dạy: “Tin ta mà không hiểu ta là phí báng ta”. Lời dạy đó của Đức Từ Phụ cần phải luôn ghi nhớ để làm phương châm cho việc học Đạo.

b. Tu trì:

Chư Tổ dạy: “Tu mà không học là tu mù; học mà không tu chỉ là cái đũa đựng sách”. Thật vậy, lý trí chưa phải là khí cụ tuyệt đối đạt đến chân lý, bởi lý trí, kiến thức vẫn bị vô minh che lấp vì vẫn còn ở trong đối đãi phân biệt do vậy, vẫn chịu sự chi phối của vô thường, sinh diệt. Nếu không tu thì không bao giờ phá được màn vô minh che



lấp từ vô thủy đến nay. (Ví dụ về việc toa thuốc và việc uống thuốc...)

Tu (Giới) là phần thực chứng bản thể (thấp sáng hiện hữu) để tạo nên định lực (Định) và phát huy, đưa đến Tuệ giác (Huệ). Người Huỳnh trưởng phải khéo lựa chọn cho mình một pháp môn thích hợp để tu trì.

c. Hành Đạo:

Phương pháp xiển dương Đạo pháp hữu hiệu nhất là hành đạo. Đức Phật được gọi Đấng Chánh Đẳng, Chánh Giác vì hạnh giác ngộ của Ngài -Tự Giác và Giác Tha- đều được viên mãn. Người Huỳnh trưởng khi đã phát nguyện nhận lãnh vai trò của mình thì đương nhiên đã gánh vác công việc hành đạo của một người Phật tử mà đối tượng của chúng ta là các em đoàn sinh. Người Huỳnh trưởng có đối tượng riêng với 3 thành phần tâm lý (Thanh, Thiếu, Đồng) và những sinh hoạt đặc thù của đoàn thể, như:

- Giáo dục đoàn sinh
- Hoạt động thanh niên
- Công tác xã hội từ thiện
- Đào tạo Phật tử chân chánh
- Xây dựng xã hội theo tinh thần Phật giáo.

Việc hành đạo của người Huỳnh trưởng là góp sức, chung tay với Giáo hội trong hai mục đích chính là xây dựng và bảo vệ Đạo Pháp, Dân tộc mà tuổi trẻ là thành viên quan trọng vì đó chính là “những chủ nhân tương lai của đất nước”

Hãy nhập tâm bài hát này của Huỳnh trưởng Võ Tá Hân để thấu hiểu bốn phận của người Phật tử trong nhiệm vụ bảo vệ Đạo pháp:

“Yêu Sự Thật, yêu Chân Lý, yêu Hòa Bình, yêu Tự Do nên ta mến yêu Đạo Phật, nên ta mến yêu Đạo Phật.

Yêu mọi người, yêu muôn thú, yêu giống nòi, yêu thiên nhiên, nên ta mến yêu Đạo Phật, nên ta mến yêu Đạo Phật.

Việc ác ta không làm - Việc thiện ta hằng say – Thân, khẩu, ý thanh tịnh – Là lời Chư Phật dạy”

2. Bảo vệ Đạo

a. Về sự:

Bảo vệ cơ sở chùa chiền, kinh tượng, pháp khí...Tuy đó không phải là Đạo nhưng là hình tướng của Đạo. Cái áo không làm nên thầy tu, nhưng thầy tu không thể không cần chiếc áo. Người Huỳnh trưởng cần phải lưu tâm, chớ có lơ là, hời hợt, vô cảm.

b. Về lý:

- Bảo vệ tinh thần giáo lý: Cương quyết trừ bỏ những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc cố ý hay vô ý làm mất giá trị và làm sai lạc ý nghĩa của giáo lý. (Vở cải lương Lan & Điệp; việc ăn mặn...)
- Bảo vệ đặc tính của giáo pháp: Trừ bỏ những hình thức không phải Phật giáo xâm nhập, trừ bỏ những khuynh hướng mô phỏng vô ý thức làm mất đặc tính của Phật giáo trong mọi lĩnh vực: Nghệ thuật, văn chương, nghi lễ...
- Đem Đạo pháp và cuộc đời: Cây Phật pháp có chắm bón mọi nơi, mọi thời

cho thích hợp mới xanh tươi. Phật pháp không xa lìa thế gian pháp. Người Huỳnh trưởng có đủ điều kiện để đem Đạo Phật vào cuộc đời.

- Bảo vệ Đạo pháp bằng thực hành giáo pháp: Đây chính là phương pháp bảo vệ hữu hiệu nhất. Phật dạy: “Sau khi ta diệt độ hãy lấy giới luật làm Thầy. Giới luật còn, giáo pháp ta còn”. Người Phật tử phải thực hành lời Phật dạy trong đời sống của mình. Dựa vào giáo lý để trau dồi nhân cách. Tuân giữ giới luật để thăng tiến phẩm hạnh. Người mang tiếng là Phật tử mà không có nhân cách, không thực hành đúng giáo pháp của Phật lại còn làm điều xằng bậy, xấu xa thì còn ai tin vào giáo pháp, còn ai tôn trọng Đạo Pháp nữa? (Trong Kinh nói: Phá kiến mang tội nặng hơn phá giới). Như vậy chính mình đã làm suy đồi Đạo Pháp chứ không ai khác. (Sự tử trùng sự tử nhục)

3. Đối với tổ quốc và dân tộc:

Gọi là quốc gia khi hội đủ 3 yếu tố: Lãnh thổ; Ngôn ngữ và Dân tộc. Đối với Tổ quốc, người Huỳnh trưởng cần:

- Làm tròn bốn phận công dân: Trong khả năng của mình, góp phần vào việc bảo vệ sự toàn vẹn của lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, danh dự Tổ Quốc
- Bảo vệ ngôn ngữ, tiếng nói dân tộc: Cụ Phạm Quỳnh xưa có câu nói bất hủ: “Truyện Kiều còn, tiếng nước ta còn. Tiếng nước ta còn, đất nước, dân tộc ta còn”. Phải luôn có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt “Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời...” Không được sanh tâm tôn thờ, vọng ngoại rồi phỉ báng, cười nhạo tiếng nói, ngôn ngữ dân tộc.

- Bảo vệ bản sắc văn hóa của dân tộc: Giao lưu, hội nhập với các nền văn hóa khác nhưng không bị đồng hóa. Tiếp nhận có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của người nhưng phải giữ vững bản sắc của dân tộc mình. Sự xâm lăng về văn hóa là điều đáng lo ngại hơn cả. Trước tình hình giới trẻ hiện nay, trong đó có các em đoàn sinh của chúng ta, đang bị sự tấn công như vũ bão trên các phương tiện giải trí nghe nhìn, các loại hình văn hóa ngoại lai cổ xúy cho một lối sống thác loạn, suy đồi, tôn sùng vật chất, người Huỳnh trưởng cần phải nêu cao ý thức tự tôn dân tộc. Đánh thức, khơi dậy trong các em đoàn sinh niềm tự hào về văn hóa dân tộc. Chỉ ra những tác hại của nền văn hóa độc hại ngoại lai, hướng dẫn cho các em một nhận thức đúng

đắn, một lối sống lành mạnh để tự bảo vệ.

II. KẾT LUẬN

Phật giáo là tôn giáo truyền thống của dân tộc, đã đồng hành cùng với dân tộc hơn hai ngàn năm nay, từ thuở các Vua Hùng mở nước. Phật giáo và Dân tộc đã quện chặt vào nhau, hòa lẫn với nhau như nước với sữa. Lịch sử đã chứng minh: Đạo Phật được xương minh thì quốc gia cường thịnh. Hai triều đại hiển hách của dân tộc đã xây dựng nên những trang sử vàng chói lọi Lý Trần đã là một minh chứng hùng hồn.

Người Huỳnh trưởng GDPT phụng sự Đạo Pháp là bao hàm luôn nhiệm vụ phục vụ Tổ Quốc – Dân Tộc nữa. Nhiệm vụ đối với Dân tộc có thể hoàn thành nhờ dựa trên nền tảng của Giáo pháp của Đức Bổn Sư.



KHÓA X: Nguyên Lý Căn Bản của Đạo Phật

I. I. MỞ ĐẦU

Nói đến nguyên lý căn bản của đạo Phật là nói đến một vấn đề hết sức tổng quát vì từ đó diễn dịch ra những pháp khác của đạo Phật. Tất cả những hệ thống tư tưởng của Phật Giáo, những Kinh, Luật, Luận đều căn cứ vào các nguyên lý căn bản này. Trước hết ta phải biết sơ qua nguồn gốc của Phật Pháp rồi đến nguyên lý căn bản và cuối cùng là đặc tính của Phật Pháp.

II. II. NGUỒN GỐC PHẬT PHÁP

Sau 49 ngày thiền định ở cội Bồ Đề và sau 49 năm thuyết Pháp độ sanh, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã để lại cho chúng ta một kho tàng Giáo Pháp. Những Giáo Pháp này không do đức Phật trực tiếp để lại thành hệ thống nhưng sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, các ngài A Nan, Ca Diếp và trên 500 vị Thánh Tăng là những đệ tử thân cận đã tụ họp tại thành Vương Xá để kết tập lại thành Tam Tạng Kinh Điển. Những Giáo Pháp này không phải là những kết quả của những suy luận mà là những chân lý, những hoa trái của thực chứng do đức Phật để lại.

III. III. NGUYÊN LÝ CĂN BẢN CỦA PHẬT PHÁP:

Gồm có 3 nguyên lý chính yếu:

Tất cả đều vô thường: Vô thường là thế nào? Vô thường nghĩa là không thường, không mãi mãi ở yên trong một trạng thái nhất định, luôn luôn thay hình đổi dạng, đi từ trạng thái hình thành đến biến đi rồi tan rã. Đạo Phật gọi những thay đổi này là: Thành, Trụ, Hoại, Không (hay Sanh, Trụ, Di, Diệt). Như một làn sóng khi mới nhô lên gọi là Thành (hay sanh), khi nhô cao nhất gọi là Trụ, khi hạ dần xuống thì gọi là Hoại (hay Di), khi tan rã thì gọi là Không (hay Diệt). Tất cả sự vật trong vũ trụ, từ nhỏ như hạt cát, đến lớn như trăng, sao đều phải tuân theo



bốn giai đoạn ấy cả nên gọi là Vô Thường. (Hãy cho vài ví dụ quan sát và suy nghiệm về sự Vô Thường của Thân, Tâm và Hoàn cảnh)

Tất cả đều Không Thật (Vô Ngã): Tất cả sự vật đều không có tự tính. Những vật có hình tướng đều do nhiều bộ phận hợp lại mà thành dù cho nhỏ như vi trần (hạt bụi), hễ có hình tướng thì đều có thể chia chẻ được nên gọi là Nhất Hợp Tướng. Nhất Hợp tướng như một tập giấy do nhiều tờ giấy kết hợp lại mà thành, nếu chia chẻ ra thì nó không còn là một tập giấy. Cũng như vậy, hãy quan sát cái bàn viết, nếu chia chẻ nó ra thì ta sẽ có những gì? Tấm ván, những khúc gỗ và những cây đinh. Rõ ràng cái bàn, tập giấy nó có tên gọi mà không có thực thể. Tất cả sự vật đều đối đãi với nhau mà thành. Lớn đối với nhỏ, dài đối với ngắn, sống đối với chết, có đối với không... Chứ riêng một mình thì nó không có tự tánh, mà đạo Phật gọi là Vô Ngã.

Tất cả đều Đau Khổ: Đau khổ là một chân lý. Khế Kinh có câu: “Nước mắt chúng sanh nhiều hơn nước biển”. Thật vậy cõi đời không vui, cõi đời toàn là khổ. Những niềm vui có cũng chỉ là tạm bợ, hào nhoáng, chỉ thoáng qua trong một khoảnh khắc; bản chất cuộc đời là đau khổ, sanh, già, bệnh, chết là khổ. Tham đắm và mắc kẹt trong

năm uẩn là khổ, chân lý này gọi là Khổ Đế, phần thứ nhất của pháp Tứ Diệu Đế mà đức Phật đã thuyết giảng cho 5 anh em ông Kiều Trần Như tại vườn Lộc Uyển ở thành Ba La Nại.

IV. IV. ĐẶC TÍNH CỦA PHẬT PHÁP

Mặc dầu Tam Tạng Kinh Điển đã phản ảnh chân thật những ngôn từ đáng tin cậy nhất của đức Phật, nhưng Phật Pháp không phải là những Giáo điều bất di bất dịch buộc các Tín đồ phải nghe theo. Người Phật tử đối với Phật Pháp điều quan trọng là sau khi nghe thì phải suy nghiệm để đánh giá rồi mới thực hành. Để khuyến khích việc suy nghiệm này cũng như để đánh đổ đức tin vô đoán về những sự cố chấp bởi ngôn từ, đức Phật đã dạy: “Chớ vội tin một điều gì dù điều đó được nhiều người truyền tụng, chớ vội tin một tôn giáo vì uy quyền của một giáo sĩ. Hãy suy nghĩ cẩn thận và phối hợp với kinh nghiệm bản thân mà nhận xét”. Hữu lý thay câu: “Phật Pháp không phải là Phật Pháp mới là Phật Pháp”.

V. KẾT LUẬN

Một khi đã biết được thân, tâm và cảnh đều vô thường, vạn pháp đều vô ngã và tất cả đều đau khổ thì tâm chúng ta sẽ không bị những chủng thể của vui, buồn, giận, ghét... chi phối; và chúng ta cũng sẽ không bị đau khổ bởi những màu sắc tốt, xấu, tiếng dờ hay mùi vị ngọt bùi, cay đắng hay vật thân thích vừa ý mà trái lại chúng ta sẽ có một tâm hồn thật bình thản, an nhiên, tự tại trước mọi nghịch cảnh. Giá trị của người Phật tử chúng ta là ở việc làm, làm đúng theo lời dạy của đức Phật và sự hiểu biết của mình. Học mà không hành thì xem như cái đầy đựng đồ. Có làm mới có lợi cho mình và hữu ích người. Hành đạo là tự độ và độ tha là vậy.

Người tâm không an định, không hiểu Chánh Pháp, không có lòng Tin kiên cố, ắt không thể thành được Trí Tuệ cao siêu.



KHÓA XI: Ứng dụng Phật Pháp vào sinh hoạt GDPT

I. HƯỚNG DẪN

- Mục đích Gia Đình Phật Tử là: **"Đào luyện Thanh Thiếu Đồng niên thành Phật tử chân chánh, góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần Phật giáo"**.
- Theo "tinh thần Phật giáo" thì phải dựa vào giáo lý đạo Phật (Phật pháp): Vậy giáo lý đạo Phật được ứng dụng vào sinh hoạt Gia Đình Phật Tử như thế nào? Đó là điều chúng ta cần phân tích để tìm hiểu thấu Đạo. Ngay khi thành lập Gia Đình Phật Tử, quý Thầy, quý Bác, quý Anh Chị sáng lập cũng đã suy tư rất nhiều về vấn đề này.

II. NỘI DUNG

1. CỐT LÕI CỦA GIÁO LÝ ĐẠO PHẬT (PHẬT PHÁP)

Trước hết người HTr. cần nắm vững cốt lõi của giáo lý đạo Phật. Thật ra, giáo lý đạo Phật vừa là cao siêu, vi diệu, vừa là bát ngát mênh mông (tám vạn bốn ngàn pháp môn) mà rút ra vài nét cốt lõi thì thật là khó trình bày. Vấn đề nào cũng có thể gọi là cốt lõi. Chúng ta chỉ tạm nêu ra một vài nét như sau:

1. Nhận rõ nguyên nhân của khổ đau là **VÔ MINH**, vì **VÔ MINH** che lấp chơn tâm. muốn thoát khỏi khổ đau phải phá vô minh để chơn tâm thể hiện trở về với bản tánh thanh tịnh của mình. Chính vì Vô Minh nên tạo nghiệp ác, chùng chất, đưa đẩy ta đến khổ đau.
2. Tất cả mọi khổ đau hay sung sướng của kiếp người đều do nghiệp lực của chúng ta. Tạo nghiệp thiện ta sẽ được an vui, tạo nghiệp ác ta phải chịu đau khổ. Cuộc đời chúng ta do chính chúng ta tạo lấy, không có đấng tối cao nào ban ơn, giáng họa.



3. Những chủng tử thiện ác hàng ngày đều huân tập trong A lại gia thức của chúng ta. Vậy chúng ta huân tập nhiều chủng tử thiện, bành trướng chủng tử thiện để khuynh loát chủng tử ác, từ đó con người trở nên hiền thiện. Phương pháp huân tập là phương pháp đặc biệt trong Phật giáo để tích lũy chủng tử thiện.
4. Mọi vấn đề, sự việc đều có **Tánh, Tướng, Dụng**:
 - Tánh: tức là bản chất, tự tánh.
 - Tướng: hình thức thể hiện tự tánh (có hình thức chiếm vị trí trong không gian)
 - Dụng: vận dụng cái Tướng để đi đến cái Tánh.

2. PHẬT PHÁP CẦN ĐƯỢC ĐI VÀO SINH HOẠT GDPT NHƯ THẾ NÀO

a. Về tổ chức:

GDPT là một tổ chức thanh thiếu nhi không chỉ vì để phù hợp giáo dục trên tâm sinh lý mà còn dựa vào giáo pháp của đức Như Lai. Đức Như Lai đã thấy được lứa tuổi thiếu nhi là vườn hoa ươm tốt nhất các hạt giống (chủng tử) tốt lành.

- Những ngày Thái tử Tất Đạt Đa rời pháp tu khổ hạnh để tự mình tìm ra chân lý bằng con đường thiền định, thì chính những đứa bé trong lứa

tuổi thiếu niên này đã hỗ trợ ngài. Trong đó có:

- Sujata (Tu Xà Đa) là bé gái 13 tuổi đã dâng sữa cho Ngài, khi Ngài bị ngứa xỉu vì tu khổ hạnh quá lâu ngày
- Svastica (VA THI CA) 11 tuổi cúng dường cỗ mềm cho thái tử làm nệm. Hàng ngày các em bé ở làng cạnh bìa rừng dâng thức ăn cúng dường Ngài và nghe Ngài dạy dỗ. Ngay những ngày đầu khi hành đạo, đức Phật đã ở lại đây một tuần lễ để giáo hóa cho các em, thường là những chuyện tiền thân (của bản thân Ngài) một số mẫu chuyện đạo và dạy cho các em phương pháp tĩnh giác. Từ đó Đức Phật thấy được phần lớn các em bé chăn trâu thất học cũng lãnh hội được giáo pháp của Ngài, nếu biết cách trình bày cho phù hợp với trình độ tiếp thu của chúng.

Tổ chức Gia Đình Phật Tử cũng căn cứ vào **TÁNH, TƯỚNG, DỤNG**:

TÁNH: mục đích rốt ráo của Gia Đình Phật Tử là đưa các em về với tự tánh thanh tịnh, xây dựng nền tảng Tam Bảo và phát triển 5 hạnh của người phật tử.

TƯỚNG: là huy hiệu hoa sen là chiếc áo lam (giải thích lần lượt).

DỤNG; cái “tướng” ấy nhắc nhở các em không làm điều trái ác, không uống rượu, không đánh bạc, Từ đó phát triển về hạnh lành.

b. Các bộ môn sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử:

Các em trong Gia Đình Phật Tử không chỉ học giáo lý mà còn có cả hoạt động thanh niên, văn nghệ, trò chơi ... những bộ môn đó cũng là ứng dụng ngũ minh pháp, trong Phật giáo (nghiên cứu thêm bài Ngũ minh pháp) gồm có Nội Minh, Nhân Minh,

Công Xảo Minh, Y Phương Minh, Thanh Minh. Giáo lý tức là Nội minh, Hoạt động Thanh niên (Gút, Morse, Dấu đi đường ...) tức là Công xảo minh, cứu thương tức là Y phương minh, Văn nghệ (ca hát, hội họa, báo chí...) tức là Thanh minh. Các Huỳnh trưởng còn được đào luyện phương pháp truyền đạt một bài giáo lý có hệ thống mạch lạc, lập luận vững vàng thì đó là Nhân minh. Trò chơi là phương tiện để thể hiện chủng tử. Lấy gì làm duyên giúp chủng tử thể hiện? Đó phải là trò chơi. Qua trò chơi em nào lanh lẹ, em nào rụt rè, nhút nhác, em nào can đảm, em nào thật thà, em nào dối trá thể hiện ngay và từ đó người HTtr mới biết rõ để uốn nắn, dạy dỗ các em.

3. Về cấu trúc chương trình:

Chương trình tu học của Đoàn sinh cũng như của Huỳnh trưởng đều chia làm từng bậc.

Đoàn sinh:

- Ngành oanh: Sơ Sinh, Mắt Mở, Cánh Mềm, Chân Cứng, Tung Bay.
- Ngành thiếu: Hương Thiện, Sơ Thiện, Trung Thiện, Chánh Thiện.
- Ngành thanh: Bạc Hòa, Bạc Trục.

Huỳnh trưởng:

- Chương trình trường kỳ: Kiên, Trì, Định, Lực.
- Chương trình đoản kỳ: Lộc uyển, A Dục, Huyền Trang, Vạn Hạnh. Đó là dựa vào tinh thần phẩm "Hóa thành dụ" trong kinh Pháp Hoa. Trên quảng đường dài, hành giả đã mệt mỏi. Đức phật hóa ra một số thành để hành giả dừng chân lại, nhưng sự thật chưa phải là đã đến đích, nghỉ ngơi rồi lại tiếp tục lên đường, đến hóa thành thứ hai, thứ ba, những phẩm bạc Thanh văn, Duyên giác cũng là những hóa thành. Cũng như thế, trong công cuộc tu học của người phật tử cũng phải có từng chặn đường.

4. Về phương pháp:

Phương pháp giáo dục Đoàn sinh qua các bộ môn sinh hoạt cũng chủ yếu là phương pháp Huân tập, phương pháp đặc biệt nhất trong Phật giáo (sẽ được học bài “Huân tập trong giáo dục Gia Đình Phật Tử” ở chính khóa trại)

5. Nghệ thuật vận dụng:

Giáo lý đạo Phật cần được ứng dụng vào sinh hoạt Gia Đình Phật Tử bằng mọi ngõ ngách, bằng mọi phương tiện nhưng người Huỳnh trưởng cần phải biết khéo léo vận dụng, đúng hơn cần phải có nghệ thuật vận dụng, phải vận dụng như thế nào cho nhuần nhuyễn, tự nhiên. Đã là nghệ thuật thì không có quy tắc nhất định, tùy theo kinh nghiệm của mỗi người, tùy theo khả năng và “tay nghề” của mỗi người. Tuy nhiên, chúng tôi cũng đề ra với anh chị HTr một vài điểm sau đây

a. Phật pháp:

Có lẽ cũng có một số anh chị Huỳnh trưởng ngạc nhiên cho rằng: Đã là “Phật pháp” mà còn vận dụng Phật pháp là thế nào? Vâng, chúng ta phải vận dụng phương pháp huân tập như thế nào trong mỗi bài học, vì mỗi bài giáo lý đều có nội dung khác nhau, đều có một tính chất khác nhau và tùy trình độ tiếp thu của mỗi lứa tuổi nữa. Phải làm sao cho bài giảng linh động (chứ không làm theo khuôn mẫu “từ chương”) mới khắc sâu vào ký ức của các em. Đối với Oanh vũ nên trình bày bài học dưới dạng những mẫu chuyện kết hợp với du ngoạn, tham quan.

b. Hoạt Động Thanh Niên:

Giờ học Hoạt Động Thanh Niên cần được diễn ra trong khung cảnh thiên nhiên, đưa các em vào với thực tế. Học một cái gút, chẳng hạn gút “kẻ chài” (nối dây, dành cho dây tròn, ngâm dưới nước) không chỉ có việc trình diễn hai đầu của sợi dây gút trên tay người Huỳnh trưởng mà phải thực sự có một dây gàu ngắn, không đủ cho gàu

xuống đến tới nước để mức nước, cần nối thêm một đoạn nữa. Cốt yếu là mỗi điều truyền đạt phải làm sao các em thấy rõ tinh thần từ bi và thật sự được thể hiện trong cuộc sống hàng ngày. Học một gút “kẻ chài” để giúp người khác nối được hai sợi dây một cách đảm bảo, khi ngâm trong nước gút ấy không bị bung ra. Học gút “ghế đơn” để cứu người dưới giếng và ngay cả cứu lấy mình khi bị lâm nạn. Tìm một hố sâu, một Oanh vũ ở dưới đó, các em trong đội Sen Vàng phải tìm cách bằng sợi dây gút của mình cứu em Oanh Vũ đó lên. Cho đến một dấu đi đường, một hiệu lệnh Morse cũng đều thế (đưa ra những trường hợp dùng Morse để truyền những tin tức cho bạn khi bị lâm nguy trong thời biến loạn, dùng Morse để gọi cấp cứu S.O.S...)

c. Trò chơi:

Tất cả các trò chơi đều phải được “Phật hóa”. Thí dụ: Trò chơi “mèo đuổi chuột” dùng cho Gia Đình Phật Tử thì không thích hợp, vì đi ngược với tính chất Từ bi. Nhưng cũng trò chơi đó, ta đổi lại cái tên: “mẹ theo con”. Mèo con khi biết chạy, biết nhảy, bao giờ cũng chạy nhảy cùng nhà, luôn qua ngõ ngách này, ngõ ngách khác...mèo mẹ bao giờ cũng thương con, luôn luôn để con chạy nhảy nhưng đồng thời phải canh chừng, chạy theo bắt giữ lại kéo sợ con chạy quá mệt hay bị té ngã (trong khi em làm mèo con - thay vì đuổi chuột - chạy luôn qua các ngõ ngách - vòng tròn của Đoàn sinh - thì Đoàn sinh đưa chân gạt nhẹ cho em làm mèo con té. Nếu mèo mẹ không nắm được mèo con trước khi mèo con bị gạt té thì mèo mẹ chưa đủ khả năng trông con - bị thua cuộc chơi hoặc mèo con đã trở về vị trí cũ mà mèo mẹ không nắm được thì cũng thua vậy). Trò chơi “Bắn - Hàng”, ta biến thành trò chơi “Bắn - Báo”(Khi người thợ săn sắp bắn con nai, ta báo hiệu đuổi cho nai chạy thoát).Thay vì người đang hai tay hô “hàng” thì ta lại đưa hai tay lên, thêm

một cái dặm chân và miệng hô “xịt” (tức là đuổi cho nai chạy thoát). Trò chơi “Hoa tàn” thay vì chọn hoa lan, cúc, thược... ta lại chọn tên hoa “từ bi”, hoa “giải thoát”, hoa “trí tuệ”... Ta cũng có thể cho trò chơi theo chủ đề Phật pháp, vừa học. Ví dụ: vừa học bài “luân hồi”, ta cho trò chơi “luân hồi”, vừa học bài “ vô thường “, ta cho trò chơi “hoa tàn “, vừa học bài “ từ bi “ ta cho trò chơi “ người mù dẫn người què “. Ta cũng có thể đưa ra những trò chơi ở nhà trường vào sinh hoạt Gia Đình Phật Tử nhưng phải lựa chọn và Phật hóa (Hiện nay có những trò chơi không thể đưa vào sinh hoạt Gia Đình Phật Tử được, vì không phù hợp với tinh thần Gia Đình Phật Tử hoặc không mang nội dung gì có chút nào Phật giáo. Chẳng hạn như trò chơi: “Ngắm sao”, hát: “...ngôi sao xanh kia chính là anh, ngôi sao hồng chính là chị đây ...” (một nam một nữ cầm tay nhau nhảy quanh vòng).

d. Bài Hát:

Bài hát cũng phải chỉ hát những bài hát của Gia Đình Phật Tử hoặc những bài hát Phật giáo mới phổ biến gần đây, nếu muốn đưa thêm một số bài hát vào thì phải cân nhắc thật kỹ lưỡng, chỉ chọn các bài hát có nội dung phù hợp với giáo lý như ca ngợi chữ hiếu, ca ngợi tình mẹ, ca ngợi việc chăm chỉ học hành ...(Bài hát Gia Đình Phật Tử có nhiều lắm, Huỳnh trưởng phải chịu khó sưu tầm).

e. Các bộ môn văn nghệ khác:

Chưa hết đâu, sinh hoạt Gia Đình Phật Tử còn có văn nghệ lửa trại, văn nghệ trình diễn sân khấu. Nữ công gia chánh, báo chí (Hiện giờ thì những bộ môn này còn hạn

chế). Bất cứ phân môn nào trong toàn bộ sinh hoạt Gia Đình Phật Tử cũng ứng dụng cho được giáo lý vào. Kỳ thi nữ công gia chánh trong ngày hạnh của một Gia Đình Phật Tử trước đây, ở mục “ cắm hoa “ cũng đã có những bình hoa, đĩa hoa độc đáo, mang chủ đề “ Tam Thế Phật “, “ con số 5 “ (5 hạnh, 5 giới, 5 điều luật), “ Lục Hòa “.

III. KẾT LUẬN

Qua phân tích trên, hàng HTr chúng ta đã thấy rõ được rằng. Mọi bộ môn trong sinh hoạt GDPT đều là phương tiện để đưa giáo lý đạo Phật vào tâm hồn trẻ. Người HTr chúng ta cũng đã thấy rõ đạo lý ấy từ xưa được ứng dụng như thế nào? Bây giờ là việc của chúng ta, việc của những người anh, người chị đang chăm sóc vun xới cho những tâm hồn đó. Chúng ta nhận rõ để rồi cố gắng nhiều hơn nữa trong việc trau dồi “ tay nghề “ của mình và làm cho mỗi ngày mỗi điều luyện thêm cái “nghệ thuật” vận dụng giáo lý trong tất cả những môn, trong tất cả những khung cảnh sinh hoạt. Điều này chúng ta hạnh thông tức là chúng ta đã hoàn thành một cách tốt đẹp sứ mạng giáo dục tuổi trẻ của chúng ta.



KHÓA XII: Những Huỳnh Trưởng và Đoàn Sinh GDPT đã hy sinh cho đạo pháp và dân tộc

I. DUYÊN KHỞI

Phật giáo đã một thời hưng thịnh qua các thời đại Đinh – Lê – Lý – Trần nhưng cũng có những lúc suy yếu như giữa thế kỷ thứ 18.

Phong trào chấn hưng Phật giáo do Thiền Sư Khánh Hòa, Minh Chiếu khởi xướng vào năm 1920 đã lan dần ra Trung, các Ngài Giác Tiên, Tịnh Hạnh, Tịnh khiết, Tăng Cang Phước Huệ, cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám ... nhiệt liệt hưởng ứng. Năm 1932-1933 phong trào tiến dần ra miền Bắc. Các cơ cấu hội đoàn, đoàn thể Phật giáo lần lượt hoạt động mạnh mẽ, trong đó có tổ chức Gia Đình Phật Hóa Phổ là tiền thân của Gia Đình Phật Tử ngày nay.

Gia Đình Phật Tử Việt Nam sinh ra và lớn lên giữa lúc đất nước đang bị bom cày đạn xới dân tộc Việt nam bị đe dọa diệt vong bởi những vũ khí tới tận từ bên ngoài ồ ạt đưa vào chiến trường, cuộc chiến mỗi lúc mỗi căng thẳng, khốc liệt, đất nước chia đôi hai miền.

Tại Miền Nam lên cơn pháp nạn do chế độ Ngô đình Diệm chủ chương chính sách kỳ thị tôn giáo, đã ra lệnh triệt hạ Giáo kỳ trong mùa Phật Đản năm 1963.

II. TINH THẦN DŨNG CẢM CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ:

Vì hòa bình xứ sở, vì Dân tộc và Đạo pháp, người Phật tử chúng ta phải chung lưng đấu cật và cùng chịu nỗi đau chung với mọi tầng lớp dân chúng đã kéo dài trên 30 năm.

Để làm tròn sứ mệnh thiêng liêng ấy, chúng ta đã trải qua không biết bao nhiêu thử thách, gian nguy đã bị chụp mũ đủ thứ, đã bị bắt bớ, đánh đập, tù đầy, lưu vong,



ám hại, chúng ta đã đóng góp phần mồ hôi, nước mắt, xương máu.

Trong cơn pháp nạn, không những các hàng Tăng Ni đã hơn chục vị đã hy sinh như HT Thích Quảng Đức. Thích Nguyên Hương Thích Nữ Diệu Quang mà ngay cả đến những đầu xanh tuổi thơ cũng phải quên mình vì đạo pháp.

Chính sách đàn áp Phật giáo đã thấy rõ từ đầu năm 1962, một số Tăng Ni đã bị khủng bố, một số Phật tử thuần thành bị thủ tiêu, điển hình nhất là anh Phan Duy Trinh pháp danh Tâm Khiết sinh năm 1925 tại Huế, đã bị một nhóm đảng viên cần lao của Ngô Đình Diệm lợi dụng đêm tối chặn bắt anh trên đường viếng thăm Gia Đình Phật Tử Phú Thạnh và Gia Đình Phật Tử An Hòa về khuya ở Kim Long đánh chết ngay tại chỗ đêm đó là 18/4 /AI (1955). chúng đã theo dõi anh từ lâu bởi vì anh là người phát động thành lập 3 Gia Đình Phật Tử Kim An, Phú Thạnh, An Hòa, phong trào đang lớn mạnh, được quần chúng rất cảm mến anh.

Đêm kinh hoàng tại đài phát thanh Huế.

Tuần lễ Phật Đản ở Huế năm 1963, tất cả Phật giáo đều treo cờ, thắp đèn, thiết trí hương án đón mừng ngày Đại lễ thì chính quyền Ngô đình Diệm ra lệnh triệt hạ cờ

Phật giáo làm dân chúng xôn xao và vô cùng phẫn uất.

Tối 15/4/AL (1963) Phật giáo đòi Thừa Thiên tụ tập trước đài phát thanh Huế để nghe phát thanh tại buổi lễ Phật Đản như mọi năm trước và để theo dõi kết quả cuộc hội kiến giữa các vị đại diện Phật giáo và chính quyền để giải quyết việc cấm treo cờ Phật giáo thì chính quyền đã ra lệnh Thiếu tá Đặng Sĩ đem quân đội, xe bọc thép kéo đến đàn áp vô cùng dã man, làm hàng chục người thiệt mạng, hàng chục người bị thương nặng, trong đó có tám em đoàn sinh thuộc Gia Đình Phật Tử Thừa Thiên chết ngay tại chỗ, đó là các em: Đặng Văn Công, Trần Thị Phước Trí, Nguyễn thị Yến, Huyền tôn nữ Tuyết Hoa, Lê Thị Kim Anh, Dương Văn Đạt, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Phúc, tuổi đời chỉ từ 12-20.

Để tưởng niệm chư vị VỊ PHÁP VONG THÂN Gia Đình Phật Tử Thừa Thiên cho xây dựng đài Thánh Tử Đạo ngay cạnh đài phát thanh Huế.

Vụ thảm sát tại đài phát thanh Huế đã gây xúc động lớn lao không những trong giới Phật giáo mà cả mọi tầng lớp dân chúng trong nước và cả thế giới đều lên án gắt gao.

Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo ra đời, đã được mọi tầng lớp dân chúng hưởng ứng, nhiều nước trên thế giới cũng ủng hộ. Liên tiếp nhiều cuộc biểu tình bất bạo động. Tăng ni Phật tử tuyệt thực, đình công bãi thị, trường học bãi khóa, khắp mọi nơi yêu cầu chính quyền Ngô Đình Diệm thực thi năm nguyện vọng chính đáng của Phật giáo:

1. Yêu cầu chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ cờ Phật giáo.
2. Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các hội

truyền giáo Thiên chúa đã được ghi trong đạo dụ số 10.

3. yêu cầu chấm dứt tình trạng bắt bớ, khủng bố tín đồ Phật giáo.
4. yêu cầu cho Tăng Ni Phật Tử được tự do truyền đạo và hành đạo.
5. Yêu cầu chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ chết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền tội xứng đáng.

Cuộc vận động bất bạo động đòi chính quyền bãi bỏ chính sách kỳ thị tôn giáo mỗi ngày một căng thẳng, tất cả chùa chiền đều bị phong tỏa, dây kẽm gai và lực lượng cảnh sát, quân đội ngày đêm giăng khắp các ngõ đường đến chùa, Tăng Ni Phật Tử bị đánh đập, bắt bớ khắp nơi.

QUÁCH THỊ TRANG sinh năm 1948 tại Thái Bình, Bắc Việt, sinh hoạt tại Gia Đình Phật Tử Minh Tâm Sài Gòn đã tham gia cuộc biểu tình của nhiều đoàn thể Phật giáo đã diễn ra trước chợ Bến Thành Sài Gòn ngày 25/8/1963 để yêu cầu chính quyền thả ngay tất cả các Tăng Ni Phật Tử đã bị bắt trong cuộc tấn công vào các chùa chiền khắp toàn miền Nam cùng một đêm 20/8/1963 bị cảnh sát Đô Thành Sài Gòn đàn áp vô cùng dã man, nhiều loạt đạn của cảnh sát bắn tới tấp vào đoàn biểu tình, em **QUÁCH THỊ TRANG** đã gục chết ngay tại chỗ.

Ngày nay cứ đi ngang qua chợ Bến Thành Sài Gòn nhìn tượng đài Quách Thị Trang trên bưng binh trước cổng chợ mà không khỏi ngậm ngùi thương tiếc và bái phục lòng dũng cảm đại nghĩa quên mình của người con gái tuổi 15.

Ngày 01/11/1963 quân đội Việt Nam Cộng Hòa do tướng Dương Văn Minh cầm đầu đã hưởng ứng ý nguyện của nhân dân vùng lên lật đổ chế độ bạo quyền Ngô Đình Diệm. Quốc Trưởng Dương Văn Minh mới nhậm chức chưa đầy bốn tháng thì bị tướng

Nguyễn Khánh cướp chính quyền, lại tiếp tục đàn áp Phật giáo gay gắt hơn.

ĐÀO THỊ YẾN PHI pháp danh Nguyên Thường tự Diệu Mai sinh năm 1946. Đoàn phó đoàn Nữ Oanh Vũ Gia Đình Phật Tử Chánh Quang Nha Trang đã tự thiêu trước tòa hành chánh Tỉnh Khánh Hòa lúc 14g30' ngày 24/12/AL (1965) để chống chính quyền đàn áp Phật giáo.

Đầu hè năm 1966 cao trào đấu tranh của Phật giáo đòi hỏi chính quyền Thiệu Kỳ chấm dứt ngược đãi Phật giáo đang đến thời điểm căng thẳng nhất, đã có nhiều Tăng Ni Phật Tử phải bỏ mình hoặc tự thiêu để tỏ thái độ và tinh thần đấu tranh bất bạo động cho Đạo pháp. Tại miền Trung từ Quảng Trị vào đến Quảng Ngãi nhất là Huế và Đà Nẵng, toàn thể Quân nhân Phật Tử đã hỗ trợ với Tăng Ni Phật Tử bảo vệ các chùa chiền. Tổng thống Thiệu không thể đưa quân đội từ Sài Gòn ra miền Trung bằng đường bộ, đã phải ra lệnh cho Tướng Huỳnh Văn Cao đưa thủy quân lục chiến và lính dù bằng máy bay ra uy hiếp các chùa chiền, lực lượng tranh đấu bảo vệ Phật giáo ở thành nội Huế đã cảnh báo không cho máy bay trực thăng của tướng Huỳnh Văn Cao đáp xuống sân bay mang cá, thì nhiều loạt đạn từ máy bay xối xả xuống.

NGUYỄN ĐẠI THỨC pháp danh Tâm Dũng sinh năm 1929 tại Quảng Bình. Đoàn phó thiếu nam Gia Đình Phật Tử Tịnh Bình, anh là trung úy của quân đội Việt Nam Cộng Hòa đang cùng với lực lượng quân nhân Phật tử chốt ở Mang cá đã bị đạn từ trên máy bay bắn xuống gây tử thương ngày 27/3/AL (1966).

Cũng trong thời điểm đó, tại Đà Nẵng suốt ngày đêm, tất cả lực lượng tranh đấu của Phật giáo đang quyết tâm bảo vệ các chùa chiền, nhất là Tỉnh Hội, Phổ Đà, Pháp Bảo; lực lượng chính quyền không thể đàn áp nổi, quân đội Sài Gòn phải viện binh bằng máy bay đổ bộ xuống tăng cường đàn áp

bắn phá các cứ điểm tranh đấu của Phật giáo.

LÊ THANH SÔ pháp danh là Minh Tiên sinh năm 1938 tại Quảng trị Gia Đình Phật Tử Hòa Thuận đang cùng một số Phật tử bảo vệ Tam Bảo tự thì ngày 21/5/AL (1966) một toán thủy quân lục chiến và lính dù đến uy hiếp bắn vào chùa, anh Sô đã bị tử thương.

Trên toàn cõi miền Nam, máu của Phật tử đã đổ nhiều cho Đạo pháp mặc dù chỉ tranh đấu bằng bất bạo động. Đến thời điểm căng thẳng nhất của cuộc tranh đấu đòi chính quyền hãy chấm dứt đàn áp Phật giáo, thì người con gái tuổi đời chưa tròn 16 đã: Nguyễn đem thân này làm đuốc sáng xóa tan rừng mê lũ bạo tàn.

Đó là: **NGUYỄN THỊ VÂN**, pháp danh Không Gian, sinh năm 1947 tại thành phố Huế, chúng phó thiếu nữ Gia Đình Phật Tử Thành Nội tự châm lửa thiêu thân trước sân chùa Thành Nội lúc 3g10' ngày 12/4 /AL (1966), đã để lại dưới cột cờ chiếc áo Lam với huy hiệu hoa sen mà vẫn thường mặc để sinh hoạt Đoàn và phía dưới chiếc áo có 3 bức thư:

- 1 gởi cho Tổng Thống Mỹ Nixon
- 1 gởi cho Thiệu – Kỳ.
- 1 gởi Thân phụ.

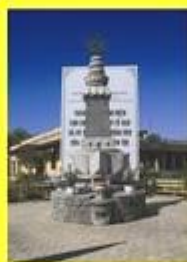
Cuộc tranh đấu bất bạo động cho 5 nguyện vọng chính đáng của Phật giáo đã được mọi tầng lớp tham gia hưởng ứng cũng đã quên mình vì đại cuộc như quý đạo hữu Nguyễn Tăng Chất, Trần Văn Du, Hoàng Thuyết và một sinh viên đại học Vạn Hạnh cũng đã:

*Hổ mình không được như Trưng triệu
Mượn cửa từ nghiêm đốt lửa hồng*

Đó là Phan Diệu Mai pháp danh Diệu Quỳnh (Nhất Chi Mai) đã thể hiện “Đại học tu thân cốt để hành

Xưa nay trên chiến địa không khỏi không có những chiến sĩ vô danh qua cơn pháp nạn, đã có những kẻ bị đánh đập, tù đầy phải mang bệnh, chết sau khi được tự do, hoặc bị thủ tiêu mất tích hoặc bỏ thây những nơi xa xôi hẻo lánh.

DI ẢNH CHƯ' ANH LINH THÁNH TỬ ĐẠO 1963 (Những Phật tử đã bị thảm sát tại Đài Phát Thanh Huế)



Đài kỷ niệm Thánh Tử Đạo
tại vườn hoa Đài Phát Thanh Huế
(khánh thành 27.2.1966).



ĐẶNG VĂN CÔNG
(1958-1963)

Đoàn Thanh Niên Cầu Thánh Phật Từ Việt Nam

Hồ sơ an ninh ngày 15 Tháng Sáu 1967

18/5/1967 - 15/6/1967: Mất tại Đài Phát Thanh Huế



DƯƠNG VĂN ĐẠT
(1958-1963)

Hồ sơ an ninh ngày 15 Tháng Sáu 1967

18/5/1967 - 15/6/1967: Mất tại Đài Phát Thanh Huế



TRẦN THỊ PHƯỚC TRĨ
(1946-1963)

Hồ sơ an ninh ngày 15 Tháng Sáu 1967

18/5/1967 - 15/6/1967: Mất tại Đài Phát Thanh Huế



Đông bào Phật tử đấu tranh biểu tình (1963)



LÊ THỊ KIM ANH
(1946-1963)

Hồ sơ an ninh ngày 15 Tháng Sáu 1967

18/5/1967 - 15/6/1967: Mất tại Đài Phát Thanh Huế



NGUYỄN THỊ YẾN
(1943-1963)

Hồ sơ an ninh ngày 15 Tháng Sáu 1967

18/5/1967 - 15/6/1967: Mất tại Đài Phát Thanh Huế



NGUYỄN THỊ NGỌC LAN
(1951-1963)

Hồ sơ an ninh ngày 15 Tháng Sáu 1967

18/5/1967 - 15/6/1967: Mất tại Đài Phát Thanh Huế



NGUYỄN THỊ PHÚC
(1948-1963)

Hồ sơ an ninh ngày 15 Tháng Sáu 1967

18/5/1967 - 15/6/1967: Mất tại Đài Phát Thanh Huế



HUỲNH THỊ TÂN NỮ TUYẾT HOA
(1931-1963)

Hồ sơ an ninh ngày 15 Tháng Sáu 1967

18/5/1967 - 15/6/1967: Mất tại Đài Phát Thanh Huế

III. TỔNG LUẬN

Nguyên vọng thiết tha nhất của cuộc sống con người là Hòa bình – Độc Lập – Tự chủ – Công bằng xã hội.

Trong một quốc độ có nhiều biến cố xảy ra đều do người cầm quyền đã làm mất nhân tâm.

Giới Phật giáo bất đắc dĩ vì quá bị chèn ép để bảo tồn Đạo pháp tất cả phải đấu tranh, lâm cơn pháp nạn người phật tử không thể làm ngơ được.

VỚI ĐẠI BI: người phật tử sẵn sàng chịu khổ trước mọi người, lấy cái đau thương của mọi người làm cái đau thương của chính mình. Cái bức xúc của mọi người cũng là cái bức xúc của chính mình, do đó người phật tử cần hành động.

VỚI ĐẠI TRÍ: Người phật tử luôn luôn cảnh giác mọi cám dỗ của Ma Vương, biết gạt bỏ tất cả những cái hư biết đoàn kết hành động và hoạt động đúng chánh nghĩa biết tiến tới, thối lui, dừng lại đúng thời đúng lúc.

VỚI ĐẠI DŨNG: người phật tử luôn luôn sẵn sàng hy sinh thân mình vì đại nghĩa, dũng cảm quên mình để bảo vệ chánh nghĩa và Đạo pháp, đem lại hòa bình, hạnh phúc an vui cho xứ sở.

Trong cuộc tranh đấu bất bạo động đòi tự do tín ngưỡng công bằng xã hội, người phật tử chúng ta đã thể hiện tinh thần Bi – Trí – Dũng, nếu đem so sánh thì những người đã hy sinh cho đạo pháp thì Gia Đình Phật Tử Việt Nam đã có tỷ lệ cao hơn các giới khác.

Nếu phải hy sinh cho chính nghĩa thì những người con của Gia Đình Phật Tử Việt Nam luôn luôn sẵn sàng đáp ứng, nhưng chúng ta cũng nên khẳng định rằng, không bao giờ để một ai lợi dụng tổ chức Gia Đình Phật Tử để mưu lợi riêng tư bước lên đài danh vọng mà cũng không làm công cụ cho một cá nhân, một tổ chức, một lực lượng nào mà không cùng một mục đích, một tôn chỉ như tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Và cũng tự hào, Gia Đình Phật Tử Việt Nam đã một phần hai thế kỷ có mặt trên đất nước này, trải qua các chính thể Pháp thuộc, Nhật thuộc, Bảo Đại, Ngô Đình Diệm ..vv.. trước và sau đảo chánh 1963 Gia Đình Phật Tử chúng ta luôn luôn tự lực, tự cường, không hướng ngoại, không dựa vào thế lực của chính quyền để phát triển, chưa hề thỏa hiệp đầu hàng trước bạo lực uy quyền hay danh lợi.

Tổ chức của Gia Đình Phật Tử là: ***“Đào luyện Thanh, Thiếu, Đồng niên thành Phật Tử chân chính, góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần Phật Giáo”*** là như vậy đấy.



KHÓA XIII: Tổ chức và điều khiển Trại

I. ĐỊNH NGHĨA

Trại là một trường Huấn luyện Thanh, Thiếu Nhi về ba phương diện Đức, Trí và Thể dục.

Những ngày ở trại, các em mới có thú vui hồn nhiên và trong sáng. Chỉ có trại mới tập cho Thanh, Thiếu nhi một đời sống tự lập, sáng kiến, cao thượng và trong sạch, huân tập được nhiều tính tốt. Trại mới nâng cao đời sống hợp quần.

II. LỢI ÍCH

1. Thể dục:

- Thân thể cường tráng, sức khỏe bền bỉ, dẻo dai.
- Chịu đựng sự khó nhọc của đường trường, sự cứng rắn của đất đai.
- Đôi bàn tay trở thành lanh lẹ khéo léo.

2. Trí dục:

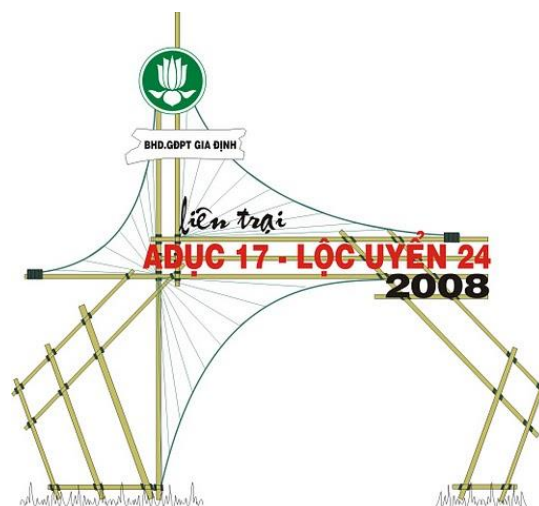
- Tận dụng khả năng của mỗi giác quan, biết tháo vác, phát huy óc sáng kiến, ứng đáp nhanh nhẹn cho nhu cầu thực tế.
- Phán đoán công việc mau lẹ, xử trí nhiều công việc đặc biệt, học hỏi nhiều điều mới lạ trong khi tiếp xúc với thiên nhiên.
- Có thể nhìn xa thấy rộng.

3. Đức dục:

Huấn luyện chí khí, tập tính kiên nhẫn.

Biết đặt quyền lợi tập thể trên quyền lợi cá nhân.

- Trau dồi trí tuệ.
- Huân tập những đức tính: Thật thà, trung thực, thẳng thắn, tháo vác.
- Thấy rõ giá trị của sự sống thiên nhiên.



- Ý thức được sự hợp quần, biết khắc phục khó khăn.
- Biểu lộ tinh thần đồng đội, đoàn kết.
- Đề cao tinh thần trách nhiệm, lòng tự tin và trọng kỷ luật.
- Loại bỏ tính ỷ lại, tính ích kỷ.
- Tập hạnh nguyện lợi tha Bồ tát.
- Tăng trưởng lòng yêu mến quê hương tổ quốc.

III. CÁC LOẠI TRẠI VÀ THỜI GIAN

1. Các loại trại:

Ngoài những loại trại Đội, Đoàn, trại du ngoạn đã được ấn định, còn có thể có:

a. Trại hàng quý:

Mỗi quý chọn một ngày trại 24 giờ. Trại có tính cách dưỡng sức và bồi dưỡng chuyên môn cho Đoàn sinh. Thường tổ chức tại một địa điểm cố định.

b. Trại bay:

Không đóng một chỗ nhất định mà di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác, nhiều nơi, nhiều ngày đêm.

c. Trại hè:

Trại nhiều ngày. Phải có chương trình tổ chức hẳn hoi, chuẩn bị chu đáo, nhằm mục đích bồi bổ sức khỏe, tinh thần cho Đoàn sinh.

d. Trại huấn luyện:

Đặc biệt để huấn luyện.

e. Trại họp bạn (ngành hay gia đình):

Đóng chung một địa điểm, có cùng một Ban Quản trại do các Đoàn hay Gia đình bầu lên.

2. Thời gian:

a. Trại 12 giờ:

Sáng đi tối về, không quá 15 cây số. Đi về đúng giờ đã quy định.

b. Trại 24 giờ:

Ở lại đêm. Địa điểm phải được xem xét kỹ lưỡng và do những Huynh trưởng có kinh nghiệm hướng dẫn.

IV. TỔ CHỨC TRẠI (RIÊNG CHO NGÀNH THIẾU)

1. Thời gian chuẩn bị:

a. Xem đất trại:

- Địa điểm trại phải rộng rãi, đủ chỗ để đóng trại. Có nơi họp chung.
- Xa thành phố, xa những nơi đô hội.
- Ở những khu rừng nhỏ, cảnh trí thanh tịnh, vườn rộng, có bóng mát, bên bờ sông, ven suối, hoặc ở những nơi danh lam thắng cảnh.
- Có những chỗ ẩn núp phòng khi trời mưa hay quá nắng.
- Chỗ có nước uống tốt.

Nên tránh:

- Gần ao hồ nước độc – Nơi nhiều cây cỏ khô – Chỗ nhiều ruồi muỗi – Gần đường xe lửa – Quá gần làng mạc – Những cây to đứng một mình (dễ bị sét đánh khi có dông) – Chỗ trống gió trống trải – Gần cây trốc gốc – Ở giữa lũng.

Xem đất trại xong phải vẽ bản đồ trại, phân chia vị trí.

b. Hành chánh:

Đoàn trưởng xin phép Liên Đoàn trưởng, rồi Gia trưởng chuyển đơn lên Ban hướng Dẫn xin phép (*phải theo đúng thể thức xin tổ chức Trại*).

c. Hợp Hội Đồng Đoàn:

- Sắp đặt công việc cho ngày trại.
- Phân công cho hợp lý, các Đội, Chúng trưởng nào làm việc gì.

d. Vạch chương trình:

Tùy theo trại mà vạch chương trình cho thích hợp. Chương trình ấy phải được lập trước, phổ biến cho các Đội, Chúng trưởng để thực hiện.

2. Lúc ở trại:

- Phải thực hiện cho kỳ được chương trình trại.
- Nắm vững được tinh thần trại.
- Chú trọng đến đời sống trại: Kỷ luật, sạch sẽ.

3. Lúc ra về và sau ngày trại:

Nguyên tắc là:

- Không để lại một vết tích gì cả (*dọn dẹp sạch sẽ*).
- Lúc đến đất trại như thế nào thì khi ra về đất trại phải được sạch sẽ hơn, hố vệ sinh, hố rác, hố bếp cho đến những rãnh lều phải được lấp cẩn thận.
- Đừng quên cám ơn các vị ân nhân như chủ đất, chính quyền và các vị hảo tâm đã giúp đỡ trong ngày trại.
- Sau ngày trại cùng với các Đội, Chúng trưởng có thể đi tham quan hỏi han sức khỏe của các em

V. CHƯƠNG TRÌNH TRẠI

Phải được sửa soạn thật chu đáo, vừa sức các em, cố gắng sắp xếp đúng để thì giờ trống làm uể oải tinh thần trại.

Sau đây là chương trình mẫu cho một trại 12 giờ:

- 06 giờ: Họp chung, kiểm điểm – Bạch Phật, lên đường.
- 08 giờ: Đến đất trại, tập trung. Dựng trại.

- 08 giờ 45: Cử hành lễ nhập Trại – câu chuyện dưới cờ.
- 09 giờ: Sinh hoạt chung – Chuyên môn, trò chơi nhỏ, hát.
- 11 giờ 45: Chuẩn bị cơm trưa – Cơm trưa. Nghỉ.
- 14 giờ: Trò chơi lớn (áp dụng các phần chuyên môn đã học)
- 16 giờ: Họp chung – Nhận xét về trò chơi lớn -Tuyên bố kết quả trò chơi lớn – Ra lệnh hạ trại.
- 16 giờ 30: Hạ trại tổng vệ sinh.
- 17 giờ: Tập trung: Nhận xét về ngày Trại – Rút ưu khuyết điểm – Tuyên bố kết quả chung về ngày Trại. Trao giải thưởng – Lời nhắn nhủ – Giây thân ái (trong thời gian này Ban Quản Trại cử 2 vị đi kiểm tra vệ sinh toàn khu vực. Huynh trưởng đại diện Ban Quản Trại đến cảm ơn chính quyền địa phương, Chư Tôn trú trì (nếu Trại ở Chùa) hoặc chủ nhân khu đất cắm trại).
- 17 giờ 45: Lên đường trở về.
-

VI. ĐỜI SỐNG Ở TRẠI

Hoạt động ở Trại phải gây được không khí vui vẻ và sống động.

- Giờ im lặng phải tuyệt đối im lặng, giờ chơi phải thật hăng, thật vui.
- Phải theo đúng kỷ luật Trại.
- Gây không khí thi đua trong trò chơi lớn (*nhưng không phải là ganh đua*).
- Phải thi hành đúng dẫn chương trình đã vạch.
- Phải hoạt động liên tục đừng để trống thì giờ, ai cũng có việc, đúng giờ đúng giấc (*trừ thời gian nghỉ – tuyệt đối mọi trại sinh phải nghỉ ngơi để lấy lại sức khỏe*).
- Tuyệt đối không nên có tinh thần uể oải, không có sự cười đùa vô ý thức.

- Vâng lời, tuyệt đối theo lệnh của Trại trưởng: Mệnh lệnh là mệnh lệnh, chơi là chơi, học là học.
- Sạch sẽ trong ăn mặc, ngôn ngữ đàng hoàng, y phục tươm tất gọn gàng.
- Phát huy đời sống tập thể, áp dụng đúng 6 phép lục hòa.

VII. KẾT LUẬN

Tổ chức một cuộc Trại, một cuộc du ngoạn là một cuộc chuẩn bị chu đáo, một sự thi hành triệt để. Hoạt động của Trại phải vui vẻ, sống động. Tự sinh hoạt Đoàn, Đội, Chúng. Nó phải có một điều gì bảo đảm cho kết quả của ngày Trại nói chung và riêng từng Đội, Chúng.

Không thể trong sự vui vẻ sống động ở Trại mà thiếu trật tự vô kỷ luật để chằng những không đạt kết quả giáo huấn mà lại biến ra việc làm của chúngta không ích lợi gì. Huynh trưởng cần phải ý thức được như vậy để chuẩn bị mọi việc cho chu đáo từ tinh thần đến hoạt động, chương trình vạch định cho thích hợp.

Organizing and coordinating A Camp

I. FOREWORD

Psychologically, adolescence is the age of happiness, eagerness, and adventure. Each age group has a separate lifestyle. By understanding that particular lifestyle, it will help the development of that age group to be up-to-date and follow the way of Buddha's teaching.

The activities program in general, and camping in particular, when used in the Buddhist Youth Group education would use lively and exciting methods to increasing the Group's stability and developing youths to become proper Buddhists. According to this philosophy, each activities program should be specifically tailored to match each age group. Youths like to be active; requiring use of their strength, endurance, and stamina as well as plenty of fresh air. From the activities program, only camping and outings can meet the needs and requirements of the active youths.

II. PURPOSE AND DEFINITION:

Camping can educate youths simultaneously in three aspects: physical, mental, and morality. Only during camping can the youths experience good natured and wholesome fun. According to Loisseau Manuel I, camping is an art of living healthy in the open air by day, resting at night in your own tent. Camping in the open allows one to be closer with nature, sleeping in tents, and cooking your own food. Only by camping can the youths learn to live life that is basic, independent, creative, noble, and pure. The activity will help in developing good habits and unity.

III. BENEFITS

1. Exercise:

- Develop physical fitness, stamina, and endurance.
- Withstand the rigor of long hikes and hard, unyielding ground.
- Using hands to develop manual dexterity and nimbleness.

2. Intellectual Mind:

- Utilize the intellectual mind to be creative, innovative, and resourceful.
- Develop delegation & organizational skills; learn new and interesting skill sets while interacting with nature.
- Will see an expanded view of many things.

3. Morals:

- Develop spirit, patience, perseverance, and selflessness.
- Develop the intellect and cognitive abilities
- Develop good habits, quick wits, and resourcefulness.
- Understand the true value of nature.
- Understand unity in "United we stand, divided we fall."
- Demonstrate teamwork and spirit of cooperation.
- Express the spiritual responsibility, mind and respect rule and regulation.
- Eliminate the reliance on others.
- Eliminate any selfishness, practice the art of righteous conduct
- Increase the love for land and country.

IV. THE DIFFERENT TYPE OF CAMPS AND SCHEDULES:

1. The type of camps:

Beside the unit, sub-unit camps, field trips that are official. There are different types of camps as follows:

a. Monthly camp:

on a monthly basis, choose an ideal day. This camp is established for fun, enjoyment and excitement, usually set at place that is permanently assigned.

b. Continuously moving camp:

this camp is like traveling from one location to another, as many days and nights, it does not necessarily mean in one place only

c. Summer camp

expected duration from 3 to 7 days. It must have a well-organized plan and a clear purpose of this camp to be fun, exciting and meaningful.

d. Training camp:

train youths for specialty leadership skills

e. Festival camp:

it is better known as the first day of spring or joining of all units, locally and regionally. This camp consists of selected committees. Besides camping, hiking and nature walk are considered other types of camp.

2. Camping time schedule:

a. 12 hours camp:

start in the morning and ends at night, leaving and returning as the time have been set, distance not to exceed 15km.

b. 24 hours camp:

overnight stay. Camp location must be assessed prior to being selected and the responsible youth leader need previous camping experience to organize.

V. CAMP'S ORGANIZATION: (FOR NGÀNH THIẾU ONLY)

1. Preparation:

a. Observe camping area:

- Survey location for suitability. The land must have adequate space enough for all campers gatherings (each tent spread between at least 50 feet)
- Away from the city area or crowded areas.
- Close by a small wooded area, calm atmosphere, shaded area, nearby a river and area with scenic routes.
- Required sheltered area in case of rain, or extreme sun.
- Purified drinking water Avoid:
- Areas of stagnated water
- Near areas infested with mosquitoes, flies, etc.
- Dry wooded area that can be flammable
- Close to by railroad tracks/factories
- Populated neighborhood
- Large standalone trees (susceptible to lighting during thunderstorm)
- Large open areas without windbreaks
- Near fallen trees or near ruins
- In the middle of valleys Map and information of campground and key locations should be drawn up after location selection.

b. Administrative work:

- Leader units obtain permission from association leader, chief of staff and then send notice to regional committee at least 15 days in advance.
- If camping on the grounds of a temple, must have permission from temple's Board of committee.

- Permission of the owner property if on personal property.

c. Council meeting:

- Inform the purpose of objective with specialization activities, research populate area or volunteers works.
- Program must be organized and distributed to the units before camp.

2. During camp:

- Carry out program as scheduled
- Understand the reason and purpose of the camp
- Attention to camp coordinator: rules and regulation, sanitary and obedience.

3. Leaving the campsite:

- Clean the campsite thoroughly
- Thank you letter
- Leave the campsite the way it was before camp. Backfill all areas dug out for sanitation, trash, and ditches
- Do not forget thanks to people who have helped us during these camping days such as: owner of property, local district, and donators
- Next day after camp is over. All group leaders should visit and inquire on health of all group members.

VI. SCHEDULE OF EVENTS:

Camping program need to prepare carefully and effectively in order to fit on right position. Do not leave much spare time to diminish the spirit of the camp.

Example: below is the sample program of 12 hours camp.

Purpose: Specialty skills

- 6:00 a.m.: Group gathering, Buddha ceremony - get ready for departure

- 8:00 a.m.: Arrival to local camping - set up tents
- 8:45 a.m.: Buddhist flag salute - story under flag
- 9:00 a.m.: Buddhist Youth activities - specialty skills, short games, singing
- 11:00 a.m.: Cooking competition
- 12:00 p.m.: Lunch - break
- 14:00 p.m.: Big game
- 15:45 p.m.: Put up tents - clean up
- 16:00 p.m.: Meet together - announcement-speech
- 16:15 p.m.: Ending

VII. CAMP COORDINATOR:

- The activities need to be fun and exciting
- Rest time must have absolute quiet; playing time must be fun and exciting
- Do not bend the rules, generating complaints
- Generate healthy competition during the games but do not let it get out of hand
- Rules and regulations are important
- Follow the program as planned
- Activity needs moving on continuously, spare time not allowed, work hard and on-time
- Do not lay-down, singing, reading, laughing while other people are working
- Listen and be attentive to chair person committee during camp
- Team work - love and help each other
- Developing group unity
- Applying the six harmonies and respect for each other.

VIII. CONCLUSION:

Organizing a camp, or a field trip needs careful preparation and flawless execution. The activities need to be fun and exciting to appropriate in unit and sub-unit. The rewards are brought back for the whole team and separate individual units.

The success of the camp is not only fun and exciting, but also depend on strict adherence to rules and guidelines. Hence, if the camp details are ill prepared, the goal will not be reached causing general

dissatisfaction, and uncertainty that is counter-productive to the growth of the organization.





KHÓA XIV: Pháp Nạn 1963, Tưởng nhớ ngài Thích Quảng Đức

I. ĐÊM TRƯỚC KHI TỰ THIÊU

Gần nửa thế kỷ trước, ngày 11-6-1963, ngọn lửa vị pháp thiêu thân của Bồ tát Thích Quảng Đức đã bùng lên. Ngọn lửa thiêng đó còn soi đường chính nghĩa cho những ai yêu chuộng công lý

Chúng tôi đã tìm gặp chính nhân vật quan trọng đã tổ chức cuộc tự thiêu và cả nhân chứng phía bên kia là mật vụ đã theo dõi Bồ tát Thích Quảng Đức, để tường minh thêm cuộc “vị pháp thiêu thân” đặc biệt này. Nhắc lại sự kiện Bồ tát Thích Quảng Đức tự thiêu, hòa thượng Thích Đức Nghiệp vẫn xúc động như là câu chuyện ngày hôm qua.

Từng đảm nhiệm chức vụ trưởng ban đối ngoại và điều hành của Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo Việt Nam, hòa thượng Thích Đức Nghiệp hiện là một trong ít nhân chứng tường tận giai đoạn lịch sử này. Đặc biệt, hòa thượng cũng chính là người trực tiếp giúp tổ chức vụ vị pháp thiêu thân thể theo tâm nguyện của Bồ tát Thích Quảng Đức.

Que diêm và biển lửa

Những năm đầu thập niên 1960, quan hệ giữa Phật giáo và chính quyền Ngô Đình Diệm đã âm ỉ căng thẳng. Đại lễ Phật đản năm 1963 trùng thời điểm khánh thành một nhà thờ lớn ở Quảng Trị. Tổng thống Diệm trên đường đi dự lễ khánh thành nhà thờ này thấy rất nhiều Phật kỳ được treo trang trọng khắp Huế.

Ngô Đình Diệm cau mày hỏi Quách Tông Đức, đồng lý văn phòng phủ tổng thống, đi theo tháp tùng và được trả lời là cờ Phật giáo treo mừng Phật đản. Không cần đợi phải họp bàn, tổng thống Diệm hạ lệnh khẩn cấp cho Quách Tông Đức với nội dung: gửi gấp công điện lệnh cho khắp nơi trên toàn quốc phải hạ cờ Phật giáo xuống, chỉ được treo trong phạm vi nhà chùa.

Mệnh lệnh này như một que diêm thả vào lò than vốn đã âm ỉ nóng bỏng trong giới Phật giáo trước các chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền anh em nhà Ngô. Hòa thượng Thích Đức Nghiệp xúc động kể: “Các cuộc đấu tranh của Phật giáo nhanh chóng liên tiếp bùng nổ. Nó khởi đầu ở Huế rồi lan rộng vào Sài Gòn và các tỉnh...”.

Đỉnh điểm căng thẳng nhất là vụ nhiều Phật tử bị giết chết và bị thương trước Đài phát thanh Huế trong đêm 8-5-1963. Trong đó ngoài các Phật tử còn có người dân và trẻ em tụ tập trước đài phát thanh nghe ngóng tình hình thời sự từ Sài Gòn. Theo hòa thượng Thích Đức Nghiệp, thiếu tá Đặng Sỹ của chính quyền Ngô Đình Diệm là một trong những kẻ đã thực hiện vụ sát hại đẫm máu này!

Trước tình thế dầu sôi lửa bỏng, Hòa thượng Tăng thống Thích Tịnh Khiết, hội chủ Tổng hội Phật giáo VN, đã triệu tập một cuộc họp khẩn cấp để ra bản tuyên ngôn năm điểm gửi đến phủ tổng thống Ngô Đình Diệm. Trong đó có các nội dung yêu cầu chính phủ phải thu hồi công điện triệt hạ Phật kỳ, cho Phật giáo được hưởng chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo khác được ghi trong đạo dụ số 10, cho tăng ni và Phật tử được tự do truyền đạo, hành đạo.

Đặc biệt, tuyên ngôn này cũng yêu cầu chính phủ chấm dứt tình trạng bắt bớ, khủng bố Phật giáo và nghiêm trị những kẻ chủ mưu sát hại Phật tử ở Huế... Một Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo Việt Nam cũng được khẩn cấp thành lập.

Sau đó, các hòa thượng Thiện Hoa, Tâm Châu, cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền đại diện ủy ban Phật giáo này được vào phủ tổng thống Ngô Đình Diệm nhưng vẫn không có kết quả. Phật giáo vẫn tiếp tục bị chính quyền đàn áp nặng nề.



Hình 1 Tăng Ni, Phật tử biểu tình chống kỳ thị tôn giáo – Ảnh tư liệu

Không thể ngồi im

Một buổi sáng, hòa thượng Thích Đức Nghiệp (lúc đó là đại đức dạy học ở Trường Vạn Hạnh) được mời đến chùa Ấn Quang dùng cơm trưa với các hòa thượng Thích Tâm Châu, Thích Thiện Minh và Thích Thiện Hoa. Hòa thượng Thích Thiện Minh nói thẳng: “Tình hình Phật giáo căng thẳng lắm rồi. Chúng ta cần phải đấu tranh tích cực. Xin mời đại đức Thích Đức Nghiệp nhận lãnh trách nhiệm trưởng ban đối ngoại và tổ chức trong nội bộ để đấu tranh bảo vệ Phật giáo”. Hòa thượng Thích Đức Nghiệp cúi đầu, chấp tay xá mô Phật.

Lúc này phong trào biểu tình của Phật giáo ngày càng nổ ra nhiều hơn. Ngày 21-5-1963, hòa thượng Thích Tịnh Khiết ra giáo lệnh Phật tử toàn quốc tổ chức lễ cầu siêu cho nạn nhân bị sát hại ở Huế. Ở Sài Gòn, các cuộc rước linh, cầu siêu đã biến thành những cuộc biểu tình quy mô lớn. Hành trình biểu tình bắt đầu từ chùa Ấn Quang và kết thúc ở chùa Xá Lợi. Đoàn người biểu tình kéo dài cả cây số với những biểu ngữ nêu rõ các yêu cầu chính đáng của Phật giáo và đặc biệt là bản tuyên ngôn năm điểm.

Buổi tối trước ngày rước linh biểu tình, đô trưởng Sài Gòn – Chợ Lớn Nguyễn Phú Hải, đồng lý văn phòng phủ tổng thống Quách Tông Đức và một vị quận trưởng tìm đến chùa Ấn Quang để ra lệnh ngưng biểu tình. Hòa thượng trị sự Thích Thiện Hòa cáo mết, không tiếp khách.

Đại đức Thích Đức Nghiệp cương quyết nói với đại diện chính quyền: “Hòa thượng bệnh không ra tiếp được. Nhưng một mình hòa thượng cũng không thể quyết định. Việc quan trọng này phải triệu tập đủ ban trị sự Phật giáo. Vậy chúng tôi xin gửi bản tuyên ngôn năm điểm của Phật giáo Việt Nam để trình ngài tổng thống”.

Ba vị đại diện chính quyền ngồi lì suốt từ 21g-0g vẫn không lay chuyển được các nhà sư nên hậm hực bỏ về. 6g sáng hôm sau, cuộc rước linh từ chùa Ấn Quang đã trở thành cuộc biểu tình rầm rộ đến 10g sáng mới kết thúc ở chùa Xá Lợi.

Ông Nguyễn Văn Thông, cảnh sát đặc biệt đặc trách theo dõi hoạt động biểu tình lúc đó nhưng lại có thiện cảm với Phật giáo, kể chi tiết: “Sau cuộc rước linh đầu tiên, Phật giáo Sài Gòn tiếp tục tổ chức nhiều hình thức biểu tình khác và thu hút được sự tham gia của dân chúng. Trong đó có cuộc tuyệt thực của Phật tử biến thành biểu tình rầm rộ ở trung tâm Sài Gòn”.

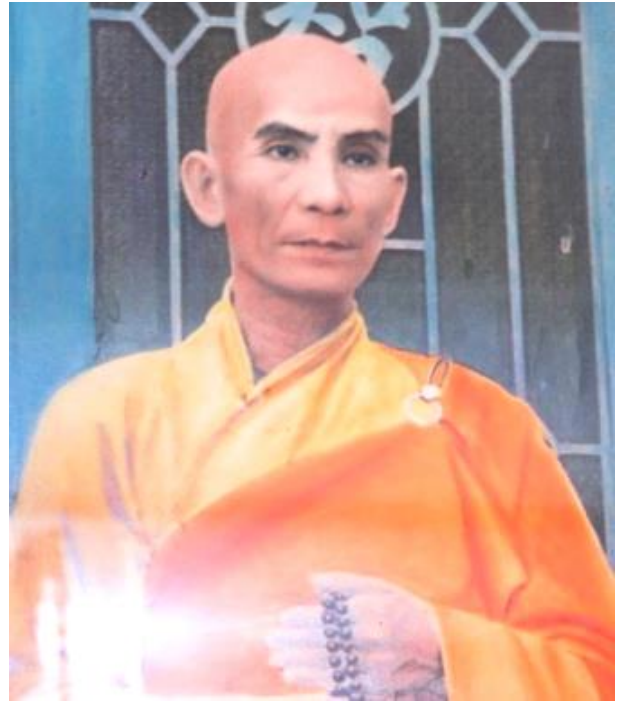
Sáng đó, các tăng ni xuất phát từ chùa Từ Nghiêm và Ấn Quang trên tám chiếc xe đồ lớn đi qua các đường phố rồi tiến thẳng đến trung tâm Sài Gòn. Hòa thượng Đức Nghiệp tổ chức mỗi xe có hai nhà sư trong ban tổ chức ngồi cạnh tài xế để dẫn đường biểu tình và ngồi sau để trấn an tăng ni. Rất nhiều dân chúng và Phật tử thành phố nhanh chóng hòa vào cuộc biểu tình...

Lực lượng cảnh sát được báo động toàn đô thành nhưng vẫn không dập được cuộc biểu tình. Cuối cùng, các tăng ni kết thúc biểu tình để về chùa Xá Lợi tiếp tục tuyệt thực. Trong số những người biểu tình bất bạo động này có Bồ tát Thích Quảng Đức. Trước thế cuộc ngả nghiêng, Phật giáo có nguy cơ tiêu vong, ngài đã âm thầm viết tâm thư nguyện được vị pháp thiêu thân...

II. MỘT HUỖN THOẠI LẶNG LẼ

Các đệ tử và những người từng được gặp Bồ tát Thích Quảng Đức đều kể rằng bồ tát có ánh mắt hiền từ, đôi khi phảng phất nét buồn trầm lắng.

Không biết bồ tát lúc còn tại thế có nhìn thấy trước vận hạn Phật giáo thăng trầm và số kiếp tu hành của mình, nhưng hành động vị pháp thiêu thân của ngài đã làm rung



Hình 2 Chân dung Bồ tát Thích Quảng Đức lúc sinh thời – Ảnh tư liệu

động trái tim con người và góp phần làm sụp đổ chính quyền độc tài nhà Ngô.

Bạc chân tu

Gần nửa thế kỷ đã trôi qua nhưng không phải ai cũng biết về cuộc đời tu hành lặng lẽ mà đầy huyền thoại của vị bồ tát đặc biệt này. Ngược thời gian năm Đinh Dậu, 1897, cậu bé Lâm Văn Tức chào đời ở thôn Hội Khánh, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

Năm lên 7 tuổi, ngài được người cậu ruột là thiền sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoằng Thâm nhận làm con nuôi và đặt tên mới là Nguyễn Văn Khiết. Sau đó, ngài được cho xuất gia tu hành với pháp danh Thị Thủy, pháp tự Hạnh Pháp và pháp hiệu là Quảng Đức. Ngoài thiền sư Hoằng Thâm, Thích Quảng Đức còn tham học với thiền sư Thiện Tường và Phước Tường.

Năm 20 tuổi, Bồ tát Thích Quảng Đức thọ giới tỳ kheo và phát nguyện tịnh tu ở một ngọn núi Ninh Hòa. Sau đó, ngài hạ sơn để đi giảng pháp và xây dựng, trùng tu 31 ngôi chùa ở miền Trung, miền Nam VN. Lúc

tu hành ở Khánh Hòa, ngài còn trẻ tuổi nhưng đã cống hiến rất nhiều cho Phật giáo địa phương.

Các văn kiện còn lưu giữ ở những ngôi chùa vùng này đã kể lại câu chuyện chính Bồ tát Thích Quảng Đức là người đã xin phép và tổ chức thực hiện xây dựng, trùng tu nhiều ngôi chùa ở khu vực. Trong đó có ngôi chùa Thiên Lộc được xây dựng trên một ngọn núi ở Ninh Hòa mà ngài từng nhập thất tịnh tu trước đó. Và cũng tại ngôi chùa này, vào khoảng năm 1935-1936, ngài đã đúc hai chiếc chuông lớn vẫn còn đến ngày nay.

Các tài liệu cũ cho thấy tính cách Bồ tát Thích Quảng Đức rất ngăn nắp. Những việc quan trọng như xin phép xây dựng, trùng tu chùa, hoạt động quyên góp của phật tử đều được bồ tát ghi chép lại rất cẩn thận. Chính những tài liệu này về sau đã giải mã hoạt động phật sự nhiều công đức trong giai đoạn đầu tu hành của ngài ở quê nhà. Đặc biệt, sau khi rời Khánh Hòa, Bồ tát Thích Quảng Đức còn đi hành đạo và học thêm mấy năm bên Campuchia.

Ngôi chùa cuối cùng mà ngài dừng chân tu hành trước khi tự thiêu là chùa Quán Thế Âm trên đường Nguyễn Huệ, Q.Phú Nhuận, Gia Định (nay là đường Thích Quảng Đức). Đây là một ngôi chùa được người dân địa phương lập từ năm 1920 để thờ Quan Thế Âm Bồ tát. Ngoài tên Quán Thế Âm tự, chùa còn được quen gọi là chùa Bạch Lô và chịu cảnh tiêu điều, lạnh lẽo hương khói trong những năm tháng nửa đầu thế kỷ 20 đầy biến động của đất nước.

Năm 1959, bước chân hoằng hóa của Bồ tát Thích Quảng Đức đã có duyên dừng chân lại ngôi chùa Quán Thế Âm. Và ngài đã bỏ ra rất nhiều tâm huyết, công sức sửa chữa lại chùa cho đến khi xảy ra sự đàn áp Phật giáo ngày càng nặng nề của chính quyền Ngô Đình Diệm. Ông Tống Hồ Cầm, lúc đó phụ trách hoạt động cư sĩ ở chùa Xá

Lợi, đã nhiều lần gặp gỡ Bồ tát Thích Quảng Đức.

“Ngài sống trầm lặng, giản dị, nhưng cũng rất tinh tế, sâu sắc. Chỉ nhìn ánh mắt, ngài có thể biết tâm trạng người đó thế nào. Những lần gặp tôi, ngài hay vỗ vai, nhẹ nhàng hỏi thăm chuyện sức khỏe và chia sẻ nỗi niềm buồn vui...”- ông Tống Hồ Cầm vẫn xúc động nhớ chuyện xưa.

Chuẩn bị “đi xa”

“Những ngày gần giữa năm 1963, tình hình mâu thuẫn giữa Phật giáo và anh em nhà Ngô Đình Diệm ngày càng gay gắt. Chính quyền dùng lực lượng cảnh sát đặc biệt, quân đội và nhiều thủ đoạn dã man nhằm dập tắt phong trào đấu tranh của Phật giáo. Trong khi giới tăng ni, phật tử lại chủ trương đấu tranh bất bạo động...” – hòa thượng Thích Đức Nghiệp, trưởng Ban đối ngoại kiêm tổ chức của Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo lúc đó, xúc động nhớ lại.

Hòa thượng Đức Nghiệp kể sau cuộc tuyệt thực ở chùa Xá Lợi, Bồ tát Thích Quảng Đức (lúc đó là hòa thượng trụ trì chùa Quán Thế Âm) đã viết thư gửi đến Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo xin được vị pháp thiêu thân. Thư viết tay trên một tờ giấy nhỏ để dễ cất giấu mang đi trong tình hình chính quyền Ngô Đình Diệm đang ra sức theo dõi và đàn áp Phật giáo. Nội dung thư ghi rằng đạo pháp đang nguy khốn mà mình tuổi già sức mọn không làm gì được, nên nguyện thiêu thân mình để cầu đạo pháp trường tồn và hòa bình cho dân chúng...

Hòa thượng Đức Nghiệp tìm cách bí mật trình lá thư đặc biệt này lên Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo VN. Ngay sau đó, các vị lãnh đạo Phật giáo cấp cao đã họp khẩn cấp để xem xét. Cuối cùng, họ kết luận rất trân trọng nguyện vọng của Bồ tát Thích Quảng Đức, nhưng xét thấy tình hình chưa thật sự cần thiết nên tạm dừng lại. Sau này

kể lại cuộc họp đặc biệt đó, hòa thượng Đức Nghiệp cho rằng: “Thật ra Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo VN lúc đó cũng lúng túng. Mọi người chưa từng thực hiện điều này”.

Trong lúc đó, các cuộc biểu tình của Phật giáo vẫn tiếp diễn. Đồng thời các cuộc đàn áp của chính quyền cũng ngày càng khốc liệt hơn. Trước ngày chùa Phật Bửu tự trên đường Cao Thắng, Sài Gòn làm lễ rước linh, cầu siêu cho các phật tử bị giết ở Huế, hòa thượng Đức Nghiệp đang ở chùa Ấn Quang thì được mời sang gấp chùa Xá Lợi để họp khẩn cấp. Hòa thượng phải đi trên ô tô kín đáo để tránh tai mắt cảnh sát.

Khi ông đến nơi đã thấy các thầy Tâm Châu, Thiện Hoa ngồi trầm tư ở phòng khách. Họ nói ngay: “Tình thế Phật giáo lâm nguy lắm rồi. Nhiều thầy ở Huế đã bị bắt. Lương thực, điện, nước ở một số chùa cũng bị cắt. Tin chính chính quyền bắn ra là các thầy phải đầu hàng hoặc sẽ bị bắt trục xuất vĩnh viễn ra nước ngoài. Nếu mình cứ rước linh, tuyệt thực để biểu tình thì không hiệu quả. Mọi người tính sao?”. Thầy Tâm Châu chợt nói: “Nhớ hôm trước thầy Thích Quảng Đức có nguyện vọng tự thiêu. Thầy Đức Nghiệp hỏi lại nếu thầy Quảng Đức vẫn đồng ý thì ngày mai thực hiện cùng cuộc rước linh ở Phật Bửu tự luôn”.

Hòa thượng Đức Nghiệp trả lời: “Con xin nhận lãnh trách nhiệm quan trọng này. Nếu không có gì trở ngại, con sẽ không gọi điện thoại để bảo đảm bí mật”. Ngay tối đó, hòa thượng Đức Nghiệp về gấp chùa Ấn Quang gặp Bồ tát Thích Quảng Đức mới tụng kinh Pháp Hoa xong. Hòa thượng Đức Nghiệp hỏi: “Thưa, hòa thượng còn giữ ý định tự thiêu như tâm thư đã gửi không?”.

Bồ tát Quảng Đức liền chấp tay trả lời: “Mô Phật! Lúc nào con cũng xin sẵn sàng tự thiêu để cúng dường tam bảo và sự trường tồn của Phật giáo”. Hòa thượng Đức Nghiệp ứa nước mắt xúc động, gọi sư tăng

bảo vệ cho Bồ tát Thích Quảng Đức và hỏi: “Thưa, hòa thượng có muốn nhấn nhủ gì nữa không?”. Bồ tát Quảng Đức trả lời: “Xin được gặp thầy Thiện Hoa để tạ ơn!”.

Hòa thượng Đức Nghiệp dặn dò: “Xin thầy đừng nói thêm gì về việc tự thiêu nhé!”. “Vâng, tôi sẽ chỉ nói lời tạm biệt để ngày mai đi xa” – Bồ tát Thích Quảng Đức chấp tay xá Phật, trả lời thanh thản. Ngoài chùa, bóng đêm vẫn dày đặc trong một thời cuộc đang hồi ngả nghiêng, loạn lạc

III. VỊ PHÁP THIÊU THÂN

Tâm sự lời cuối với Bồ tát Thích Quảng Đức và dặn dò sư tăng bảo vệ ngài ở chùa Ấn Quang, hòa thượng Thích Đức Nghiệp khẩn cấp chuẩn bị cuộc tự thiêu sáng mai.

Là trưởng ban đối ngoại kiêm tổ chức của ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo VN, ông hiểu chính quyền Ngô Đình Diệm đang ra sức dập tắt hoạt động đấu tranh của Phật giáo. Bất cứ rò rỉ thông tin nào cũng để lại hậu quả khó lường...



Hình 3 Bồ tát Thích Quảng Đức ngồi kiết già niệm Phật, chuẩn bị tự thiêu

Bức tâm thư cuối cùng

Ngay đêm đó, hòa thượng Đức Nghiệp đi khảo sát các tuyến đường rước linh từ chùa Phật Bửu tự. Kế hoạch tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức sẽ lồng vào cuộc rước linh này để đánh lừa cảnh sát và tập hợp được nhiều tăng ni, quần chúng.

Cuối cùng, ngã tư Phan Đình Phùng – Lê Văn Duyệt (Nguyễn Đình Chiểu – Cách

Mạng Tháng Tám hiện nay) được chọn làm vị trí tự thiêu.

Ngã tư này không chỉ đông người mà còn ngay trước tòa đại sứ Campuchia. Nước này tỏ rõ thái độ ủng hộ Phật giáo VN và phản kháng hành động đàn áp của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Về chùa Ấn Quang, hòa thượng Đức Nghiệp sắp đặt chi tiết cho cuộc tự thiêu. Xe rước Bồ tát Thích Quảng Đức đã có chiếc Austin của Phật tử Trần Quang Thuận gửi ở chùa Ấn Quang. Hòa thượng Đức Nghiệp gọi người lái xe đi mua thêm một can xăng để sẵn và phân công sáng mai đại đức Trí Minh sẽ ngồi bên cạnh người lái xe, đến ngã tư Phan Đình Phùng – Lê Văn Duyệt giả vờ hư máy phải dừng lại để đánh lừa cảnh sát. Còn đại đức Chân Ngữ ngồi bên cạnh Bồ tát Thích Quảng Đức ở băng ghế sau để bảo vệ ngài.

Khi xe gần đến vị trí tự thiêu, đại đức Chân Ngữ sẽ giúp rưới xăng lên người bồ tát ngay trong xe để cảnh sát không nhìn thấy. Một chiếc bật lửa cũng được trao sẵn cho Bồ tát Thích Quảng Đức giữ để tự tay ngài châm ngọn lửa tự thiêu.

Trước đó, Bồ tát Thích Quảng Đức đã soạn sẵn tâm thư với lời lẽ đầy từ bi cùng những suy nghiệm về trách nhiệm trước vận mệnh đất nước: “Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, hòa thượng trụ trì chùa Quán Thế Âm Phú Nhuận (Gia Định). Nhận thấy nước nhà đương lúc ngả nghiêng, tôi là một tu sĩ mệnh danh trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật pháp tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo...”.

Từ mờ sáng 11-6-1963, đoàn rước linh xuất phát từ Phật Bửu tự. Xe chở Bồ tát Thích Quảng Đức đi chậm chậm giữa hai dòng tăng ni. Hòa thượng Đức Nghiệp đi bộ

gần xe, dẫn dò thầy Hồng Huệ đang bước bên mình: “Nếu cảnh sát có bắt hay bắn tôi thì xin thầy hãy thay tôi đảm trách nhiệm vụ thiêng liêng này”.

Ngọn lửa chính nghĩa

Khi chiếc Austin vừa trò tới ngã tư Phan Đình Phùng – Lê Văn Duyệt, tài xế dừng lại và ra mở nắp máy xe để đánh lừa cảnh sát. Phía sau, Bồ tát Thích Quảng Đức khoan thai bước xuống xe, chấp tay xá bốn phương, rồi tĩnh tại ngồi kiết già trên đường, mặt quay về hướng tây, miệng lâm râm niệm Phật. Bồ tát lấy bật lửa trong người ra để châm lửa, nhưng có lẽ đá lửa bị ngộp xăng lúc rưới vào người nên không cháy. Hòa thượng Đức Nghiệp phải đưa cho ngài một bao diêm.

Lúc đó, một nhà sư đứng gần cũng giúp Bồ tát Thích Quảng Đức rưới xăng còn thừa trong chiếc can nhựa mang xuống từ trên xe lên người ngài.

Mọi việc diễn ra nhanh chóng để cảnh sát đặc biệt chống biểu tình không kịp phản ứng. Khi bàn tay Bồ tát Thích Quảng Đức vừa thả que diêm xuống, ngọn lửa bùng lên rừng rực như bó đuốc khổng lồ bao quanh bồ tát. Nhưng ngài vẫn tĩnh tại ngồi kiết già, tay chấp trước ngực, gương mặt không lộ chút nét đau đớn.

Tăng ni, Phật tử bao quanh ngài. Người lâm râm tụng kinh, người hô to khẩu hiệu chống chính quyền. Nhiều người, kể cả một số cảnh sát chống biểu tình đã quy xuống khóc và lạy bồ tát đang vị pháp thiêu thân...

Kể lại cuộc tự thiêu này, nhân chứng phía bên kia là ông Nguyễn Văn Thông, mật vụ đặc trách theo dõi hoạt động Phật giáo thời đó, nhớ lại: “Tin tình báo gửi về cho biết sẽ có biểu tình lớn từ chùa Ấn Quang đến công trường Lam Sơn và sẽ có nhà sư mổ bụng. Sau này tôi mới biết đó là tin giả để đánh lạc hướng chuẩn bị trấn áp của cảnh sát”.

Ông Thông kể sáng đó nhóm cảnh sát mật của mình gồm bốn người mặc thường phục đi trên một chiếc ô tô. Ông Thông phụ trách hình ảnh, một người viết báo cáo, người khác trực điện đài. Họ chuẩn bị bám theo các tăng ni đến công trường Lam Sơn (Nhà hát lớn TP ngày nay) và không biết gì về cuộc tự thiêu sắp diễn ra.

Lúc đó, ông Thông còn là cộng tác viên của hãng Ảnh xã nên ngoài chiếc máy ảnh cảnh sát trang bị, ông luôn mang thêm chiếc máy ảnh riêng.

Khi chiếc xe Austin chở Bồ tát Thích Quảng Đức từ chùa Ấn Quang dừng lại ở ngã tư Lê Văn Duyệt – Phan Đình Phùng, tài xế bước xuống giả vờ sửa xe và nhóm cảnh sát chìm vẫn tưởng thật. Thậm chí khi Bồ tát Thích Quảng Đức bước xuống xe, ngồi kiết già trên đường, ông Thông vẫn không nghĩ ngài tự thiêu. Chỉ đến lúc thân ngài bốc cháy như ngọn đuốc ông Thông mới sững sờ.

Theo phản xạ ông đưa máy ảnh lên chụp, nhưng tấm đầu tiên bị nhòe vì ông xúc động run tay. Đến tấm thứ hai ông lấy được nét. Đó cũng là tấm phim cuối cùng của chiếc máy ảnh riêng của ông. Ông liền sử dụng chiếc máy ảnh thứ hai được cảnh sát trang bị để chụp tiếp đến cảnh lửa tắt, bồ tát ngã xuống.

Theo ông Thông, có ít nhất ba người chụp được hình tự thiêu xúc động này là nhà báo Malcome Browne của Hãng thông tấn AP, một nhà sư và ông. Tuy nhiên, sau đó chỉ có hình của Malcome Browne lan truyền ra thế giới. Còn ông Thông phải nộp ảnh cho nha cảnh sát và lặng lẽ giấu đi mấy tấm khác vì lúc đó ông vẫn còn là nhân viên chính quyền nhà Ngô.

Năm nay đã 86 tuổi, ông Thông hồi tưởng chi tiết cuộc tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức: “Lửa bao trùm thân ngài nóng đến mức chiếc can để gần đó phải chảy ra,

nhưng bồ tát vẫn tĩnh tại ngồi thiền, thân nhiên đón nhận cái chết. Đặc biệt, khi lửa gần tàn, thân đã cháy đen nhưng ngài vẫn gập đầu về hướng tây mấy lần như lạy Phật rồi mới bật ngửa ra chứ không ngã sấp xuống.

Xe cứu hỏa, cảnh sát đổ đến. Các nhà sư nằm chặn trước bánh xe, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ cuộc vị pháp thiêu thân. Nhiều nhân vật chủ chốt của ngành cảnh sát chế độ Sài Gòn bấy giờ cũng có mặt nhưng chỉ đứng nhìn, không thể phản ứng được gì trước ngọn lửa chính nghĩa...”.

IV. SỰ THẬT SAU MỘT LỜI XUYỀN TẠC

Những người chứng kiến kể rằng lửa rừng rực bao kín thân ngài và bốc lên cao như một bó đuốc sống. Đất trời nổi gió, lửa bị thổi bạt nghiêng làm hiện rõ gương mặt Bồ tát Thích Quảng Đức dù đã bị hỏa thiêu sạm đen nhưng vẫn bình thản, siêu thoát...

Sài Gòn đã khóc...

Khoảng 15 phút sau ngọn lửa tàn dần. Ngài ngã bật ra, tay vẫn co trước ngực. Sau này có người kể lại đêm trước tự thiêu, bồ tát dặn dò rằng nếu tâm nguyện vị pháp thiêu thân và hòa bình cho dân tộc của ngài được Phật tổ chứng giám, ngài sẽ về cõi Phật trong tư thế nằm ngửa và nguyện để lại một trái tim xá lợi. Phải chăng tâm nguyện của ngài đã linh ứng?

Khi ngọn lửa tự thiêu tắt hẳn, hòa thượng Thích Đức Nghiệp và đồng đạo lấy cờ Phật quán thi hài Bồ tát Thích Quảng Đức. Tuy nhiên, lá cờ không thể bọc kín ngài được vì ngài ra đi trong tư thế tay chắp trước ngực, hai chân vẫn hơi co lại như đang ngồi thiền.

Lúc này, tiếng khóc của các tăng ni và dân chúng át cả tiếng ồn ào, la hét của lực lượng cảnh sát. Đám rước thi hài ngài về chùa Xá Lợi đã kéo theo một đoàn tăng ni, phật tử và dân chúng dài hàng cây số. Họ

tiền đưa một bồ tát đã cung hiến thân mình cho đạo pháp và hòa bình dân tộc.

Ông Tống Hồ Cầm vẫn nhớ như in sự kiện xúc động này: “Lúc đó tôi khóc và có cảm giác như cả Sài Gòn đã khóc tiễn đưa ngài. Không chỉ đoàn người rước thi hài mà cư dân ven đường cũng đổ ra vái lạy ngài. Rất nhiều người xúc động bật khóc, bất kể là tín đồ Phật giáo hay Thiên Chúa giáo...”.

Ông Cầm kể lúc đó ông đang làm phó ban quản trị chùa Xá Lợi nên chứng kiến cuộc tự thiêu từ đầu đến cuối.

Lúc thi hài bồ tát về đến cổng chùa Xá Lợi, cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền dù đã lớn tuổi và trải bao dâu bể thăng trầm cũng không nén nổi tiếng khóc xúc động. Cụ nằm ra đất, lăn mình theo thi hài bồ tát vào đến tận trong chùa.

Tang lễ Bồ tát Thích Quảng Đức ở chùa Xá Lợi trở thành một sự kiện trọng đại của Sài Gòn trong những ngày giữa tháng 6-1963. Tăng ni, phật tử và dân chúng ở các địa phương nghe tin đã nhanh chóng về Sài Gòn để thấp hương tiễn biệt ngài lần cuối.

Lượng người đổ về chùa Xá Lợi càng lúc càng đông khiến lực lượng cảnh sát, mật vụ chính quyền Ngô Đình Diệm phải ra sức ngăn chặn nhằm giảm thiểu ý nghĩa linh thiêng và quy mô của tang lễ. Họ vây chặt vòng ngoài, ấn định số lượng giới hạn người được vào lễ tang. Thậm chí một số đối tượng giả dạng thương binh còn đến quấy rối, đe dọa tăng ni, phật tử ...

Đổ dầu vào lửa

Trong lúc đó ở phủ tổng thống, Ngô Đình Diệm cũng có phần hoảng sợ trước hành động tự thiêu này. Ông ta phải cử một chuyến bay đặc biệt ra Huế đón đức tăng thống hòa thượng Thích Tịnh Khiết, các hòa thượng Trí Quang, Thiện Minh, Mật Nguyên, Huyền Quang vào Sài Gòn. Một ủy ban liên bộ của chính quyền cũng được

thành lập để thương thuyết với phái đoàn Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo VN.

Hòa thượng Thích Đức Nghiệp kể lúc đó ông tham gia cuộc thương thuyết trong vai trò thư ký phái đoàn Phật giáo, còn hòa thượng Thích Thiện Minh làm trưởng đoàn. Lúc ra hành lang tạm nghỉ, chính phó tổng thống Trần Ngọc Thơ đã gặp riêng hòa thượng Đức Nghiệp để nói: “Các ông đã làm chúng tôi thở ra khói”.

Tuy nhiên, cuộc gặp gỡ hai bên này cũng chỉ là bài hòa hoãn tạm thời của ông Diệm. Sự đàn áp Phật giáo vẫn tiếp diễn. Bà Trần Lệ Xuân, vợ ông Ngô Đình Nhu, tiếp tục đổ dầu vào lửa khi tuyên bố “một nhà sư đã bị nướng sống” và xuyên tạc rằng Bồ tát Thích Quảng Đức đã bị các nhà sư trẻ chích thuốc mê. Thậm chí bà ta còn nói nếu các nhà sư tự thiêu có thiếu xăng thì bà ta sẽ cho thêm xăng.

Những câu nói hàm hồ của vị phu nhân trong phủ tổng thống đã đẩy mâu thuẫn giữa Phật giáo và chính quyền Ngô Đình Diệm càng gay gắt hơn.

Trong một cuộc họp báo, có phóng viên quốc tế không kịp chứng kiến vụ tự thiêu đã hỏi hòa thượng Đức Nghiệp cho ý kiến về lời xuyên tạc trắng trợn của bà Trần Lệ Xuân. Hòa thượng điềm tĩnh trả lời: “Sự thật cuộc tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức xin các anh hãy hỏi chính đồng nghiệp là phóng viên Malcolm Browne của AP, Simon Michaud của AFP và các nhà báo có mặt trong buổi tự thiêu. Họ chính là các nhân chứng tận mắt”.

Và khi các nhà báo này đứng lên xác nhận sự thật, tất cả mọi người trong khán phòng họp báo thần thờ xúc động.

Tường thuật trên tờ New York Times, nhà báo David Halberstam, nhân chứng cuộc tự thiêu, xúc động kể: “... Ngọn lửa phát ra từ một con người. Thân thể ông cháy héo khô dần và teo nhão lại, đầu ông

đen dần và hóa than... Khi cháy, ông không hề cử động một cơ bắp nào, không hề bật ra một âm thanh nào. Sự điềm tĩnh của ông thật trái ngược với những người đang rên rỉ khóc than xung quanh”.

Sau này, hòa thượng Đức Nghiệp kể lại chính ông đã báo tin cho các nhà báo quốc tế trong đêm trước buổi sáng Bồ tát Thích Quảng Đức tự thiêu. “Để giữ bí mật cuộc tự thiêu và đề phòng chính quyền ngăn chặn, tôi không thể nói thẳng việc tự thiêu mà chỉ hé lộ sẽ có sự kiện đặc biệt liên quan đến Phật giáo Sài Gòn. Thậm chí có nhà báo còn hỏi lại tôi sự kiện này có gì thật sự đặc biệt hay chỉ giống những cuộc biểu tình ôn hòa trước đây”- hòa thượng Thích Đức Nghiệp nhớ lại chi tiết.

Ở bên ngoài, chính ông Nguyễn Văn Thông, mật vụ theo dõi hoạt động đấu tranh của Phật giáo và chứng kiến từ đầu đến cuối vụ tự thiêu, cũng công khai bác bỏ sự xuyên tạc Bồ tát Thích Quảng Đức bị chích thuốc mê.

Gần nửa thế kỷ trôi qua, ông vẫn xúc động khi nhớ lại: “Chúng tôi đã theo sát vụ tự thiêu này ngay từ đầu ở chùa Xá Lợi. Chính mắt tôi và các cảnh sát khác đều thấy ngài Thích Quảng Đức khoan thai bước xuống xe, quay mặt xá tứ phương, rồi ngồi kiết già trước khi chính tay mình châm lửa tự thiêu. Những hành động bình thản của một nhà tu hành thượng đẳng như vậy không thể là người bị thuốc mê. Còn các nhà sư khác chỉ đứng vòng quanh tụng kinh cho ngài và ngăn chặn cảnh sát. Không có bàn tay nào tác động, xâm phạm đến hành động tự thiêu của ngài”.

Đặc biệt, khi chính quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ, ông Thông đã đem những bức hình mình chụp cận cảnh Bồ tát Thích Quảng Đức tự thiêu tặng Phật giáo Sài Gòn. Một loạt ảnh đầy đủ từ lúc lửa chưa bùng lên trên thân thể Bồ tát Thích Quảng Đức đến lúc ngài ngã xuống. Đến lúc đó người

ta mới chính thức biết có một người Việt nữa đã chụp hình được sự kiện thiêng liêng này ngoài nhà báo Malcolm Browne.

Và những tấm hình đó như một chứng nhân quan trọng cho hậu thế biết sự thật cuộc vi pháp thiêu thân!

Nghe kể rằng hai lần đưa vào lò hỏa thiêu, nhưng ngọn lửa ngàn độ vẫn không thể đốt cháy trái tim xá lợi của ngài. Và trái tim bất tử này đã được bảo vệ như thế nào?

V. BÍ MẬT CỦA TRÁI TIM LINH THIÊNG



Hình 4 Trái tim bất tử của Bồ tát Thích Quảng Đức

Sau những ngày quàn tại chùa Xá Lợi, thi hài Bồ tát Thích Quảng Đức được đưa ra An Dưỡng Địa, Phú Lâm hỏa thiêu. Việc hỏa thiêu lẽ ra đã sớm hơn một ngày, nhưng có tin cảnh sát của chính quyền Ngô Đình Diệm sẽ có hành động ngăn chặn nên phải tạm hoãn.

Sự kiện linh thiêng

Theo nhân chứng Tống Hồ Cầm lúc đó là phó ban quản trị chùa Xá Lợi, sự lựa chọn An Dưỡng Địa ở Phú Lâm để hỏa thiêu thi hài Bồ tát Thích Quảng Đức là có tính toán cẩn thận. Lò hỏa thiêu nằm trên phần đất của chùa Ấn Quang được các tăng ni, Phật tử bảo vệ chặt chẽ trước sự trấn áp của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Điều huyền diệu bất ngờ đã xảy ra khi thi hài Bồ tát được hỏa thiêu hàng giờ đã cháy thành than tro nhưng vẫn còn lại quả tim đỏ hồng. Sự kiện linh thiêng kỳ lạ này được các nhà sư cấp báo về chùa Xá Lợi. Những hòa thượng lãnh đạo Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo quyết định đưa trái tim của ngài vào thiêu thêm lần nữa. Nhưng thật kỳ lạ trái tim vẫn tiếp tục nguyên vẹn và trở thành một khối rắn chắc như đá.

Các tăng ni, Phật tử bàng hoàng xúc động. Người quỳ xuống tụng kinh. Người òa khóc. Họ đặt quả tim linh thiêng của Bồ tát Thích Quảng Đức vào bình thủy tinh và cung thỉnh về chùa Xá Lợi.

Trong lúc đó ở bên ngoài có những tin đồn xuyên tạc xuất phát từ người của chính quyền Ngô Đình Diệm rằng “quả tim đã bị tráo, không thể có quả tim nào còn được sau hàng giờ cháy trong lò hỏa thiêu”. Nhiều nhân chứng, kể cả những người không phải là Phật tử và cảnh sát theo dõi cuộc tự thiêu đã bác bỏ sự bịa đặt này.

Chính ông Nguyễn Văn Thông được lực lượng mật vụ của chính quyền Ngô Đình Diệm cử bí mật theo dõi từ đầu đến cuối cuộc hỏa thiêu cũng khẳng định sự huyền diệu này. “Tôi đã tận mắt chứng kiến sự thật bắt đầu từ chùa Xá Lợi đến khi lấy quả tim ra. Khoảng 8 giờ sáng, thi hài ngài được đưa vào lò hỏa thiêu. Lửa bắt đầu bùng lên từ hai đầu quan tài và rừng rực cháy.

Đến 2 giờ chiều thì lửa tắt và người ta đã tìm thấy quả tim ngài vẫn nguyên vẹn trong đống tro tàn. Không thể có sự mở nắp lò thiêu, tráo đổi quả tim nào” – ông Thông xúc động kể chính mình là mật vụ cũng không tìm được nước mắt trước sự màu nhiệm. Ông Tống Hồ Cầm cũng kể: “Rất nhiều người đã đứng gần lò thiêu tụng kinh tiễn đưa ngài lần cuối. Sự thật về trái tim xá lợi được hàng trăm cặp mắt chứng kiến, kể cả các nhà báo trong nước lẫn quốc tế”.

Trong một cuộc họp báo, có phóng viên quốc tế hỏi hòa thượng Thích Đức Nghiệp về bí ẩn khó hiểu của trái tim không thể bị thiêu cháy này, hòa thượng trả lời: “Đó là do ngài Thích Quảng Đức phát đại thệ nguyện, nung nấu một ý chí phi thường vì đạo pháp và hòa bình cho dân tộc nên đã biến thành một năng lượng đặc biệt làm trái tim bất hoại”.

Còn ông Nguyễn Văn Thông sau này có hỏi thượng tọa Thích Pháp Hoa ở chùa Ấn Quang và được trả lời: “Ngài có nguyện nếu việc tự thiêu của ngài thành chứng đạo thì sẽ để lại trái tim. Chúng tôi tin đó là điều màu nhiệm của bậc chân tu hết lòng vì đạo pháp và chúng sinh”.

Bí mật bảo vật quốc gia

Theo hòa thượng Thích Đức Nghiệp, trái tim Bồ tát Thích Quảng Đức sau khi thỉnh về chùa Xá Lợi được cất trong tủ sắt của cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền. Đêm 20-8-1963, cảnh sát đã tràn vào đây bắt bớ các hòa thượng và lục lọi cướp trái tim, nhưng không hiểu điều huyền bí nào đã che mắt họ không thể nhìn thấy trái tim linh thiêng.

Về sau, trái tim được đưa qua chùa Việt Nam Quốc Tự để hòa thượng Thích Từ Nhơn bảo vệ. Lúc đó, trái tim đã được đặt trong một chiếc tháp đồng cao gần nửa mét mà nhìn từ ngoài vào không thể thấy bên trong. Nắp tháp được đóng kín và có chữ ký niêm phong của Đức Tăng thống Thích Tịnh Khiết.

Năm nay đã 85 tuổi và trụ trì Việt Nam Quốc Tự, hòa thượng Thích Từ Nhơn vẫn còn minh mẫn kể rằng ông đang tu dưới Sa Đéc thì được Đức Tăng thống Thích Tịnh Khiết gọi lên Sài Gòn nhận nhiệm vụ đặc biệt của Phật giáo.

Nhận bảo vệ trái tim Bồ tát, đầu tiên hòa thượng Thích Từ Nhơn cất nguyên chiếc tháp chứa trái tim Bồ tát trong tủ sắt lớn ở phòng trụ trì Việt Nam Quốc Tự. Lúc

đó khuôn viên Việt Nam Quốc Tự rất rộng, cây cối um tùm. Phòng trụ trì chỉ là một gian nhà đơn sơ. Cảnh sát và mật vụ thường xuyên tràn vào trấn áp, quấy nhiễu Phật sự nơi này.

Hòa thượng Thích Từ Nhơn xin gửi vào chi nhánh Ngân hàng Pháp ở Sài Gòn. Ngân hàng giao cho ông một két sắt dưới tầng hầm và trái tim được ông đặt vào tháp đồng rồi cất trong két đó. Ngân hàng chỉ có hai chìa khóa mở két. Ông giữ một chìa, chìa kia do trụ sở ngân hàng chính giữ ở Pháp. Chi nhánh ngân hàng ở Sài Gòn cũng không có chìa để có thể tự mở được két này.

Trước năm 1975 ông thường vào thăm trái tim Bồ tát. Nhân viên ngân hàng chỉ mở cửa tầng hầm rồi để tự ông vào mở két sắt. Không được hưởng khói dưới hầm ngân hàng, ông đành ứa nước mắt, vái lạy trái tim linh thiêng: “Hoàn cảnh đất nước loạn lạc chưa cho phép chúng con thỉnh trái tim từ bi của ngài về thờ phụng đền thờ ngài”.

Sau năm 1975, Nhà nước gìn giữ trái tim Bồ tát Thích Quảng Đức một thời gian. Đến năm 1991, trái tim được giao lại Ngân hàng Nhà nước ở TP.HCM gìn giữ trước sự chứng

kiến của đại diện chính quyền, ngân hàng và hòa thượng Thích Từ Nhơn, Thích Giác Toàn, Thích Thiện Hào. Không ai mở ra xem tình trạng trái tim, nhưng thấy chiếc tháp đồng chứa trái tim vẫn nguyên vẹn chữ ký niêm phong của Đức Tăng thống Thích Tịnh Khiết. Và theo hòa thượng Thích Từ Nhơn, từ đó đến nay không ai mở ra xem nữa.

Tâm sự về trái tim linh thiêng này, hòa thượng Thích Từ Nhơn xúc động nói: “Hi vọng khi hoàn thành tượng đài Bồ tát Thích Quảng Đức tại ngay nơi ngài đã tự thiêu ở TP.HCM, trái tim ngài sẽ được đưa về gìn giữ ở chính nơi này để Phật tử, dân chúng được chiêm ngưỡng, thờ phụng!”. Đó là trái tim thiêng liêng mà vị Bồ tát đã để lại cho hậu thế như lời nhắn nhủ rằng dù thế cuộc có thăng trầm thì đạo pháp vẫn trường tồn và sự công bằng, hòa bình cuối cùng vẫn sẽ đến với nhân dân.

QUỐC VIỆT

Source: <http://tuoitre.vn/>
<http://www.quangduc.com/BoTatQuangDuc/57mothuyenthoai.html>

Tiểu Sử Bồ Tát Thích Quảng Đức (1897-1963)

Thích Như Hoàng

Hòa thượng Thích Quảng Đức, thế danh là Lâm Văn Tuất sinh năm 1897 (Đinh Dậu) tại thôn Hội Khánh, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Thân sinh là cụ Lâm Hữu Ứng và bà Nguyễn Thị Nương.

Lên 7 tuổi, Ngài được song thân cho xuất gia học Phật. Ngài thụ giáo với Hòa thượng Thích Hoàng Thâm là cậu ruột và được Hòa thượng nhận làm con đổi tên là Nguyễn Văn Khiết.

Năm 15 tuổi, Ngài thọ giới Sa Di, năm 20 tuổi thọ giới Tỳ Kheo và Bồ Tát, được pháp danh Thị Thủy, pháp tự Hành Pháp, pháp hiệu Quảng Đức. Sau đó Ngài phát nguyện nhập thất tu ba năm trên một ngọn núi ở Ninh Hòa. Về sau Ngài có trên núi này một ngôi Chùa lấy hiệu là Thiên Lộc Tự.

Rời núi, Ngài vân du hóa đạo một mình với chiếc bình bát theo hạnh đầu đà (khất thực). Hai năm mãn nguyện, Ngài lại quay về nhập thất tại Chùa Sắc Tứ Thiên Ân ở Ninh Hòa.

Năm 1932 hội An Nam Phật Học ra đời, Đại lão Hòa thượng Chùa Hải Đức đến nơi Ngài đang nhập thất, mời Ngài nhận chức Chứng minh Đạo sư cho Chi Hội Ninh Hòa. Ba năm sau, Ngài được thỉnh cử giữ chức Kiểm Tăng cho Tỉnh hội Khánh Hòa. Trong thời gian hành đạo tại miền Trung, Ngài đã kiến tạo và trùng tu tất cả 14 ngôi Chùa. Năm 1943, rời Khánh Hòa vào Nam, Ngài hành đạo khắp các tỉnh Sài Gòn, Gia Định, Định Tường xuống đến Hà Tiên. Ngài cũng đã từng sang Nam Vang lưu trú ba năm, vừa giáo hóa các Phật tử kiều bào, vừa nghiên cứu Kinh điển Pàli và Phật giáo Nam Tông.



Lúc mới vào Nam, Ngài đã lưu trú tại Chùa Long Vĩnh (quận 3- Sài Gòn) một thời gian dài, nên dân chúng quen gọi Ngài là Hòa thượng Long Vĩnh, Ngài còn có hiệu là Thích Giác Tánh.

Suốt thời gian hóa độ chúng sinh, bất cứ nơi nào, Ngài cũng dốc lòng làm tròn nhiệm vụ của một sứ giả Như Lai, kể tục các thế hệ Tổ sư truyền giáo, chăm lo tô bồi công đức, hoằng dương chánh pháp.

Năm 1953, Ngài được thỉnh cử vào chức vụ Phó Trị Sự và Trưởng ban Nghi lễ Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, đồng thời lãnh nhiệm vụ trì Chùa Phước Hòa ở Bàn cờ, là nơi đặt trụ sở đầu tiên của Hội Phật Học Nam Việt.

Năm 1958, khi trụ sở của Hội dời về Chùa Xá Lợi, Ngài nhận thấy tuổi già sức yếu, và với bản nguyện "Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm", Ngài xin thôi mọi chức vụ để có đủ thì giờ an tâm tu niệm. Tuy nhiên, vốn có tâm từ bi, Ngài vẫn để cho gót chân vân du hành đạo ghi dấu nhiều nơi, khi thì Chùa

Quan Thế Âm ở Gia Định, lúc lại tới Chùa Long Phước, xã Ninh Quang, tỉnh Khánh Hòa, dùng mọi phương tiện thích ứng hướng dẫn hậu sinh mê mờ quay về chánh đạo.

Trong phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam vào năm 1963 đòi tự do tín ngưỡng, bình đẳng Tôn giáo, tuy tuổi đã già, Ngài vẫn tích cực tham gia. Chính sách kỳ thị Tôn giáo và đàn áp Phật tử của Ngô Đình Diệm ngày một nặng nề và khốc liệt. Máu Phật tử đã đổ ở Đài Phát Thanh Huế. Chùa chiền bị phong tỏa, Phật tử bị bắt bớ khắp nơi. Để thức tỉnh ông Ngô Đình Diệm và tập đoàn của ông đang đắm chìm trong vô minh sớm thỏa mãn 5 nguyện vọng của Phật giáo đồ, đồng thời để cho thế giới nhận thấy cuộc đấu tranh đòi hỏi tự do tín ngưỡng của Phật tử Việt Nam là chính đáng, ngày 20 tháng 4 năm Quý Mão, tức ngày 11-6-1963 Ngài đã thực hiện tâm nguyện, đã thiêu đốt nhục thân để cúng dường và bảo vệ Đạo pháp.

Từ một cuộc diễn hành của trên 800 vị Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni và Phật tử từ Chùa Phật Bửu đến Chùa Xá Lợi, khi đoàn diễn hành tiến đến ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt (nay là đường Nguyễn Đình Chiểu và Cách Mạng Tháng Tám), Ngài từ trên xe hơi bước xuống, tự tắm xăng ướm mấy lớp Cà sa, ngồi kiết già xuống mặt đường, tự châm lửa giữa hàng mấy trăm Tăng Ni đang vây quanh chấp tay cầu nguyện. Ngọn lửa bốc cao, phủ kín thân mình, Ngài vẫn an nhiên chấp tay tĩnh tọa.

Gần 15 phút sau, lửa tàn và Ngài ngã xuống, tay vẫn còn quyết ấn tam muội. Nhục thân của Ngài được đưa vào lò điện thiêu 4.000 độ, xương thịt cháy tiêu hết. Duy chỉ có trái tim của Ngài vẫn còn nguyên, được thiêu lần thứ hai vẫn không cháy.

Sự hy sinh phi phạm của Bồ Tát Thích Quảng Đức đã làm chấn động dư luận khắp hoàn cầu. Báo chí thế giới đăng tin lên trang

đầu cùng ảnh tự thiêu của Ngài. Việc Ngài tự thiêu, được đồng bào cả nước biết ngay chiều hôm đó, và đã gây xúc động sâu xa trong mọi tầng lớp, không phân biệt Tôn giáo. Sự hy sinh vì đạo của Ngài đã làm cho Ngô Đình Diệm vô cùng hoảng hốt và lo sợ, tìm mọi cách đối phó với Phật giáo cuộn cuộn như sóng thần để đi đến kết thúc là ngày 01-11-1963 chế độ độc tài, gia đình chệch của họ Ngô sụp đổ, Phật giáo Việt Nam thoát qua một pháp nạn.

Trước khi tự thiêu, Ngài có để lại một bức thư gọi là? Lời nguyện tâm huyết! Nói rõ chủ định và nguyện vọng của Ngài. Điều đáng ghi nhớ là toàn văn bức thư này đã không chứa đựng một mảy may hận thù và tuyệt vọng nào, mà trái lại còn toát lên tình thương và hy vọng.

“Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, trụ trì Chùa Quan Thế Âm, Phú Nhuận, Gia Định. Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngửa, tôi là một tu sĩ mệnh danh là Trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại đức, Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành ý nguyện sau đây:

1. Mong ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên ngôn.

2. Nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt.

3. Mong nhờ hồng ân đức Phật gia hộ cho chư Đại Đức, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi nạn khủng bố, bắt bớ, giam cầm của kẻ ác gian.

4. Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc...Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho

Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng
bác ái từ bi đối với Quốc dân và thi hành
chánh sách bình đẳng Tôn giáo để giữ vững

nước nhà muôn thuở. Tôi thiết tha kêu gọi
chư Đại đức, Tăng Ni, Phật tử nên đoàn kết
nhất trí để bảo toàn Phật pháp.

**Nam Mô Đầu Chiến Thắng Phật.
Tỳ Kheo Thích Quảng Đức Kính bạch.”**

Ngoài ra, Ngài còn để lại năm bài kệ, dặn dò Bốn đạo và đệ tử sống theo Bát chánh đạo và Lục hòa, đoàn kết và giữ vững niềm tin trong đạo pháp. Cũng như miền Trung, hai mươi năm hành đạo ở miền Nam, Ngài đã khai sơn và đại trùng tu được 17 ngôi Chùa. Cảnh Chùa cuối cùng Ngài trú trì là Chùa Quan Thế Âm, tại Gia Định, Sài Gòn. Để ghi nhớ công hạnh của Ngài, sau khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ra đời, Hội đồng Lưỡng viện Tăng Thống và Hóa Đạo trong một phiên họp trước ngày Phật Đản năm 1964, đã đồng thanh quyết nghị suy tôn Ngài pháp vị Bồ Tát. Sau ngày đất nước thống nhất. Nhà nước dùng pháp hiệu của Ngài đặt tên cho đường Nguyễn Huệ cũ chạy qua trước Chùa Quan Thế Âm là đường Thích Quảng Đức, quận Phú Nhuận. Quả tim Bồ Tát Quảng Đức là một chứng minh cụ thể cho tấm lòng của muôn người con Phật luôn yêu chuộng hòa bình tự do và bình đẳng nhưng cũng bất khuất trước nạn cường quyền và áp bức. Trái tim ấy trở thành biểu tượng tinh thần của Phật giáo Việt Nam và là trái tim của nhân loại đã và đang đấu tranh mãi cho tự do hòa bình, hạnh phúc nhân sinh.

Nguồn:

http://www.quangduc.com/file_chinh/view-detail-2401-190-7-bt_quang_duc.html



Phần phụ đính

NỘI QUY **Gia Đình Phật Tử Việt Nam**

Lời nói đầu

Phát khởi trong hoàn cảnh lịch sử và xã hội biến động, tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam đã trưởng thành trong kinh nghiệm gian khổ của dân tộc. Là một tổ chức Thanh Thiếu Đồng niên, suốt trên 25 năm qua, Gia Đình Phật Tử đã đáp ứng nhu cầu lý tưởng và hành động của một số đông đảo hàng chục vạn đoàn viên đang sinh hoạt từ thành thị tới nông thôn. Được như thế là nhờ ở một đường lối chánh đáng, một hệ thống tổ chức cương lĩnh, một cơ cấu lãnh đạo sáng suốt. Từng ấy nguyên lý hành động đã được đúc kết vào bản Nội Quy này.

Đây là một công trình cân nhắc và xương máu của toàn thể đoàn viên Gia Đình Phật Tử từ ải Nam Quan tới mũi Cà Mau mà lịch sử đánh dấu bằng những nét chính:

- Năm 1940, hình thành trong danh hiệu Gia Đình Phật Hóa Phổ.
- Năm 1951, Đại Hội Thống Nhất các Gia Đình Trung, Nam, Bắc thể hiện ngày khai sáng danh hiệu Gia Đình Phật Tử hiện tại.
- Năm 1961, Đại Hội Huỳnh Trưởng Toàn Quốc họp tại Sài Gòn, trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, đã tu chính một lần và sau ngày Pháp nạn, một Đại Hội toàn quốc đánh dấu sự trưởng thành và thống nhất Gia Đình Phật Tử Việt Nam vào tháng 6 năm 1964.

Vận mệnh và uy tín của một đoàn thể quan yếu ở tổ chức và hành động. Bản Nội Quy này đề ra một quy mô tổ chức nhất quán từ Trung Ương cho đến đơn vị Gia Đình. Dựa trên những nguyên tắc dân chủ và tiến bộ, bản Nội Quy quy định những nguyên tắc phân quyền rất khúc chiết và bình đẳng. Những nguyên tắc ấy bảo đảm cho đường lối chỉ đạo chặt chẽ, phân minh và thắt chặt tình tương thân ruột thịt của toàn thể đoàn viên Gia Đình Phật Tử. Và từ những tiêu chuẩn căn bản đó, mọi hoạt động thường xuyên của Gia Đình Phật Tử sẽ được xúc tiến mạnh mẽ. Nhờ sự điều hành của một Ban Hướng Dẫn hùng hậu và nhất trí, nhờ chương trình tu học thích hợp, Gia Đình Phật Tử đã và đang tiến mạnh trong mục đích đào tạo Thanh Thiếu Nhi Phật tử chân chính, góp phần xây dựng xã hội. Trong quá trình hoạt động, Gia Đình Phật Tử đã hiến dâng cho Đạo những vị Thánh Tử Đạo, những tín đồ trung kiên và đã góp cho đời những công dân xứng đáng khắp mọi lãnh vực.

Bản Nội Quy này đã được Tổng Vụ Thanh Niên thừa ủy nhiệm Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất duyệt y trong tinh thần chấp nhận sự trưởng thành của tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Toàn thể Đoàn viên phát nguyện: “Tích cực thực hiện Nội Quy” để cho Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển.

Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam



Chương thứ nhất

DANH HIỆU – MỤC ĐÍCH – CHÂM NGÔN – KHẨU HIỆU – LUẬT

Điều 1: DANH HIỆU: Chiếu điều thứ 16 chương 2 của Hiến Chương lập ngày 14.12.1965, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có một tổ chức giáo dục thanh niên lấy danh hiệu là Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Tổ chức này nằm trong Tổng Vụ Thanh Niên (Gia Đình Phật Tử Vụ) của Viện Hóa Đạo.

Điều 2: MỤC ĐÍCH:

- Đào luyện THANH, THIẾU, ĐỒNG niên thành Phật tử chân chính.
- Góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần Phật giáo.

Điều 3: CHÂM NGÔN: BI – TRÍ – DŨNG

Điều 4: KHẨU HIỆU: TINH – TẤN.

Điều 5: LUẬT:

A. Luật của Thanh, Thiếu niên:

1. Phật tử quy y Phật, Pháp, Tăng và giữ giới đã phát nguyện.
2. Phật tử mở rộng lòng thương, tôn trọng sự sống.
3. Phật tử trau dồi trí tuệ, tôn trọng sự thật.
4. Phật tử trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm.
5. Phật tử sống hỷ xả để dũng tiến trên đường đạo.

B. Luật của Đồng niên (Oanh Vũ):

1. Em tưởng nhớ Phật.
2. Em kính mến cha mẹ và thuận thảo với anh chị em.
3. Em thương người và vật.

Chương thứ hai

TỔ CHỨC – NHIỆM VỤ – LIÊN LẠC – ĐẠI HỘI – TÀI CHÁNH

Điều 6: TỔ CHỨC:

A. Cấp Trung Ương: Cấp lãnh đạo cao nhất của Gia Đình Phật Tử Việt Nam là Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

- Trưởng Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam do Đại Hội Gia Đình Phật Tử toàn quốc bầu lên.

- Vị Trưởng Ban là một Huỳnh Trưởng Gia Đình Phật Tử, và đương nhiên là Vụ Trưởng Gia Đình Phật Tử Vụ trong Tổng Vụ Thanh Niên của Viện Hóa Đạo.

Thành phần Ban Chấp Hành:

- 1 Trưởng Ban.
- 2 Phó Trưởng Ban (1 phụ trách Ngành Nam, một phụ trách Ngành Nữ)
- 1 Tổng Thư Ký
- 2 Phó Tổng Thư Ký
- 1 Thủ Quỹ
- 1 Ủy Viên Nội Vụ.

Các Ủy viên:

- Ủy Viên Nghiên Huấn
- Ủy Viên Tổ Kiểm
- Ủy Viên Hoạt Động Thanh Niên và Xã Hội
- Ủy viên Văn Nghệ
- Ủy Viên Doanh Tế
- Ủy Viên Tu Thư
- Ủy Viên Nam Phật Tử
- Ủy Viên Nữ Phật Tử
- Ủy Viên Thiếu Nam
- Ủy Viên Thiếu Nữ
- Ủy Viên Nam Oanh Vũ
- Ủy Viên Nữ Oanh Vũ

Các Ủy Viên có thể đề nghị Ban Hướng Dẫn Trung Ương mời một phụ tá (phụ tá không mang phù hiệu và không có quyền biểu quyết).

Và 8 đại diện Ban Hướng Dẫn Trung Ương tại 8 Miền:

- Vạn Hạnh (Bắc Trung Nguyên Trung Phần)
- Liễu Quán (Nam Trung Nguyên Trung Phần)
- Khuông Việt (Cao Nguyên Trung Phần)
- Khánh Hòa (Miền Đông Nam Phần)
- Huệ Quang (Tiền Giang Nam Phần)
- Khánh Anh (Hậu Giang Nam Phần)
- Vĩnh Nghiêm (Phật Tử Vĩnh Nghiêm)
- Quảng Đức (Thủ đô Sài Gòn)

Bên cạnh Ban Hướng Dẫn Trung Ương có một Ban Cố Vấn Giáo Lý.

Ban Thường Vụ:

- 1 Trưởng Ban
- 2 Phó Trưởng Ban
- 1 Tổng Thư Ký
- 2 Phó Tổng Thư Ký
- 1 Ủy Viên Nội Vụ
- 1 Thủ Quỹ

Ban Viên bị khuyết:

Trường hợp một chức vụ trong Ban Hướng Dẫn Trung Ương (BHDTƯ) bị khuyết:

- Nếu là Trưởng Ban thì BHDTƯ đề cử 1 trong 2 vị Phó Trưởng Ban và Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên duyệt y.
- Nếu là các vị khác thì BHDTƯ đề cử và thông qua Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên.
- Trường hợp BHDTƯ bị khuyết quá 1/3 tổng số ban viên thì cần triệu tập một Đại hội toàn quốc thu hẹp để bổ sung và thông qua Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên.

B. Cấp Miền: Thành phần:

- 1 Đại Diện (nằm trong thành phần Ban Hướng Dẫn Trung Ương do Đại Hội GDPT toàn quốc bầu lên).
- 1 Thư Ký (do vị Đại Diện lựa chọn với sự chấp thuận của BHDTƯ)
- 1 Thủ Quỹ

Miền Vĩnh Nghiêm:

Các GDPT Vĩnh Nghiêm có một BHD duy nhất tương đương cấp Tỉnh. Trưởng ban Hướng Dẫn GDPT Vĩnh Nghiêm đương nhiên là đại diện BHDTƯ tại Miền Vĩnh Nghiêm.

Miền Quảng Đức:

Thủ đô Sài Gòn có một Ban Hướng Dẫn thủ đô Sài Gòn tương đương cấp Tỉnh. Trưởng BHD GDPT Thủ đô đương nhiên là đại diện BHDTU' tại Miền Quảng Đức.

C. Cấp Tỉnh hay Thị xã:

Mỗi tỉnh hay thị xã biệt lập (như Đà Nẵng, Cam Ranh . . .) có từ năm (05) GDPT trở lên, có một BHD GDPT do Đại hội Huynh trưởng GDPT Tỉnh hay Thị xã bầu lên.

Trưởng Ban Hướng Dẫn Tỉnh hay Thị xã là Huynh trưởng GDPT đương nhiên là Trưởng ban GDPT trong Thanh Niên Vụ của Tỉnh Giáo Hội.

Thành phần Ban Hướng Dẫn:

- 1 Trưởng Ban.
- 2 Phó Trưởng Ban (1 Ngành Nam, 1 Ngành Nữ)
- 1 Tổng Thư Ký
- 1 Phó Tổng Thư Ký
- 1 Thủ Quỹ.

Các Ủy viên khác đều giống như BHDTU'. Các ban viên có thể đề nghị BHD Tỉnh hay Thị xã mời một phụ tá cho mình (phụ tá không mang phù hiệu và không có quyền biểu quyết).

Bên cạnh BHD Tỉnh hay Thị xã có một Ban Cố Vấn Giáo Lý và một Ban Bảo Trợ.

Ban Viên bị khuyết:

Trường hợp một chức vụ trong BHD Tỉnh hay Thị xã bị khuyết thì BHD Tỉnh hay Thị xã đề cử và đệ trình BHDTU' duyệt y.

Trong trường hợp số ban viên BHD Tỉnh hay Thị xã bị khuyết quá 1/3 tổng số ban viên thì cần phải triệu tập một Đại hội huynh trưởng thu hẹp để bổ sung và đệ trình BHDTU' duyệt y.

Đại Diện Quận:

Tại mỗi quận, BHD có thể có một đại diện hay một ban đại diện BHD Tỉnh hay Thị xã với điều kiện có bảy (07) gia đình trở lên.

Thành phần Ban Đại Diện Quận:

- 1 Đại Diện (nằm trong thành phần BHD Tỉnh hay Thị xã do Đại hội Huynh trưởng Tỉnh hay Thị xã bầu lên).

- 1 Thư Ký (do Đại Diện lựa chọn
- 1 Ban Viên Tổ Kiểm với sự chấp thuận của
- 1 Thủ Quỹ của BHD Tỉnh hay Thị xã)

D. Cấp Gia Đình:

a) Mỗi xã (tại các quận), phường (tại đô thị), Chi hay Khuôn giáo hội Phật Giáo Việt Nam có thể thành lập một hay nhiều GDPT, song không nhất định khu vực.

b) Mỗi Gia Đình sinh hoạt riêng biệt Nam và Nữ, trừ trường hợp Gia Đình dưới 4 đoàn.

c) Mỗi Gia Đình phải có tối thiểu là 2 Đoàn và tối đa là 6 Đoàn.

d) Mỗi Đoàn có tối thiểu là 2 Đội, Chúng, Đàn và số Đoàn viên từ 12 đến 32 em.

e) Mỗi Đội (Thanh, Thiếu Niên), Chúng (Thanh, Thiếu Nữ) hay Đàn (Oanh Vũ) có từ 6 đến 8 em.

f) Oanh Vũ: Nam và Nữ từ 07 đến 12 tuổi.

Thiếu Niên: Nam và Nữ từ 13 đến 17 tuổi.

Thanh Niên: Nam và Nữ Phật tử từ 18 tuổi trở lên.

Thành phần:

Một Ban Huynh Trưởng Gia Đình:

- 1 Gia trưởng
- 2 Liên Đoàn Trưởng (1 phụ trách Ngành Nam, 1 phụ trách Ngành Nữ)
- 1 Thư ký
- 1 Thủ Quỹ
- Các Đoàn Trưởng, Đoàn Phó hai Ngành.

Trừ Gia Trưởng, các Ban viên khác đều do Ban Huynh Trưởng Gia Đình bầu lên.

Ban Huynh Trưởng Gia Đình không phải bầu lại mỗi năm hay hạn kỳ. Nếu cần thì cải tổ hay bổ sung mà thôi.

Bên cạnh Ban Huynh Trưởng Gia Đình có 1 Ban Bảo Trợ.

Mỗi Đoàn có:

- 1 Đoàn Trưởng
- 1 hay 2 Đoàn Phó để điều động sinh hoạt Đoàn.

Mỗi Đội, Chúng hay Đàn:

- 1 Đội, Chúng hay Đàn Trưởng trông coi.
- 1 Đội, Chúng hay Đàn Phó trông coi.

Điều 7: NHIỆM VỤ VÀ LIÊN LẠC

A. Cấp Trung Ương:

1. Trưởng Ban Hướng Dẫn Trung Ương GDPT điều động toàn ban, điều khiển và kiểm soát các Ban Hướng Dẫn Tỉnh.

2. Thực hiện đúng Nội Quy của Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

3. Tổ chức Trường hay các lớp Huấn Luyện Huynh Trưởng các Trại toàn quốc.

4. Báo cáo sinh hoạt mỗi tam cá nguyệt cho Tổng Vụ Thanh Niên và Viện Hóa Đạo.

5. Đặc quyền ban hành các thông tư liên hệ đến việc ấn định thành lập và điều hành các Ban Chấp Hành hay Đại Diện GDPT Tỉnh hay Thị xã ở các Tỉnh hay Thị xã chưa đủ điều kiện thành lập Ban Hướng Dẫn.

B. Cấp Miền:

1. Đại Diện Miền thay mặt cho Ban Hướng Dẫn Trung Ương GDPT Việt Nam để đôn đốc, kiểm soát và báo cáo tình hình hoạt động của GDPT Tỉnh hay Thị xã thuộc Miền của mình, vào tuần lễ cuối mỗi tam cá nguyệt lên Ban Hướng Dẫn Trung Ương.

2. Liên lạc với đại diện Miền Giáo Hội Phật giáo Việt Nam để thông hiểu tình hình Phật sự chung cho Miền và giải quyết những vấn đề liên quan đến GDPT.

3. Đại diện cho BHDTƯ trong các lễ lược do các GDPT trong Tỉnh, Thị xã hay liên Tỉnh, Thị xã tổ chức.

4. Đôn đốc các trại liên Tỉnh, Thị xã trong Miền.

C. Cấp Tỉnh hay Thị xã:

1. Trưởng Ban Hướng Dẫn Tỉnh hay Thị xã có phận sự điều động toàn ban, thi hành chỉ thị của Trung Ương, điều khiển và kiểm soát các GDPT trong Tỉnh hay Thị xã.

2. Thành lập các GDPT mới trong Tỉnh hay Thị xã.

3. Tổ chức các Trại Huấn Luyện Huỳnh Trưởng Sơ cấp, Cấp I, Cấp II và Đội, Chúng Trưởng hay Trại Liên Gia Đình trong Tỉnh hay Thị xã.

4. Là ban viên trong Ban đại diện Giáo hội Phật giáo cấp Tỉnh hay Thị xã.

5. Báo cáo sinh hoạt hàng tháng lên Ban Đại Diện Phật Giáo cấp Tỉnh hay Thị xã, Ban Đại Diện GDPT Miền và Ban Hướng Dẫn Trung Ương GDPT Việt Nam.

D. Cấp Gia Đình:

1. Gia Trưởng:

a. Vị này là một Cư sĩ từ 30 tuổi trở lên, có uy tín trong Ban Đại Diện Giáo Hội ở cấp Xã, Phường, Chi hay Khuôn và hiểu biết về GDPT, do Ban Huỳnh Trưởng mời và được sự đồng ý của Ban Hướng Dẫn Tỉnh hay Thị xã.

b. Nếu Liên Đoàn Trưởng từ 30 tuổi trở lên có đủ tư cách và uy tín với Ban Đại Diện Giáo Hội cấp Xã, Phường, Chi hay Khuôn, có thể kiêm chức Gia Trưởng.

c. Thâu nhận Đoàn sinh mới vào Gia Đình.

d. Thay mặt Ban Huỳnh Trưởng về các công việc đối ngoại liên quan đến Gia Đình Phật Tử. Thi hành Nội Quy và cùng với Ban Huỳnh Trưởng chịu trách nhiệm trước Ban Hướng Dẫn Tỉnh hay Thị xã.

2. Liên Đoàn Trưởng:

a. Điều động Ban Huỳnh trưởng.

b. Thi hành chỉ thị của Ban Hướng Dẫn Tỉnh.

c. Tổ chức các lớp Huấn Luyện Đội, Chúng Trưởng trong Gia Đình để chuẩn bị dự các lớp huấn luyện của Ban Hướng Dẫn Tỉnh hay Thị xã.

d. Tổ chức các cuộc Lễ, Trại, Triển lãm, Văn nghệ và Công tác xã hội thuộc phạm vi Gia Đình có sự đồng ý của Ban Hướng Dẫn Tỉnh hay Thị xã.

e. Báo cáo sinh hoạt hàng tháng cho Ban Hướng Dẫn Tỉnh hay Thị xã.

3. Đoàn Trưởng:

a. Thi hành quyết nghị của Ban huynh Trưởng, điều động và điều khiển Đoàn của mình với sự trợ tá của Đoàn Phó.

b. Hoạch định chương trình tu học và hoạt động hàng tháng, hàng tuần cho Đoàn.

c. Tổ chức Trại và du ngoạn của Đoàn (có sự chấp thuận của Liên Đoàn Trưởng).

d. Chịu trách nhiệm với Liên Đoàn Trưởng.

4. Đội Trưởng, Chúng Trưởng, Đàn Trưởng:

a. Thi hành quyết định của Đoàn Trưởng, điều khiển Đội, Chúng, Đàn của mình với sự trợ tá của Đội, Chúng, Đàn Phó.

b. Soạn thảo chương trình sinh hoạt hàng tuần của Đội, Chúng, Đàn (dựa theo chương trình của Đoàn).

c. Chịu trách nhiệm với Đoàn Trưởng.

Điều 8: DANH HIỆU GIA ĐÌNH

Danh hiệu Gia Đình Phật Tử phải được Ban Hướng Dẫn Tỉnh hay Thị xã chấp thuận.

Điều 9: ĐẠI HỘI

A. Cấp Trung Ương:

Cứ hai (2) năm một lần có Đại Hội Gia Đình Phật Tử toàn quốc để bầu lại Ban Hướng Dẫn Trung Ương. Ngày Đại Hội phải được tổ chức chậm nhất là một (01) tháng trước Đại hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

B. Cấp Tỉnh hay Thị xã:

1. Hàng năm có Đại hội thường niên để kiểm điểm sinh hoạt các Gia Đình Phật Tử trong năm qua, dự thảo chương trình hoạt động chung cho các Gia Đình trong năm tới.

Cứ hai (02) năm bầu Ban Hướng Dẫn mới để chuẩn bị tham dự Đại Hội Gia Đình Phật Tử toàn quốc.

2. Đại Hội GDPT Tỉnh hay Thị xã phải được tổ chức chậm nhất là một (01) tháng trước Đại hội GDPT toàn quốc.

C. Cấp Gia Đình:

1. Mỗi tháng Ban Huynh trưởng của Gia Đình họp một lần để kiểm điểm công việc của Gia Đình trong tháng và hoạch định chương trình hoạt động cho tháng tới.

2. Mỗi tam cá nguyệt (thay buổi họp hàng tháng), Ban Huynh Trưởng họp một lần để kiểm điểm công việc và hoạch định chương trình sinh hoạt cho tam cá nguyệt tới.

3. Mỗi năm (thay buổi họp hàng tháng và tam cá nguyệt) có một buổi họp thường niên của Ban Huynh Trưởng Gia Đình. Buổi họp này có thể tổ chức vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Gia Đình.

Điều 10: TÀI CHÁNH

A. Gây Quỹ:

Quỹ của Gia Đình gồm những khoản sau đây:

- Tiền ủng hộ của các nhà hảo tâm.
- Tiền trợ cấp của các Ban Đại Diện liên hệ theo hệ thống ngang của Giáo Hội.
- Tiền trợ phí của Đoàn viên.
- Tiền do Ban Bảo Trợ Gia Đình Phật Tử ủng hộ.
- Tiền thu được do tổ chức các cuộc vui và các phương tiện hợp pháp khác để gây quỹ.

B. Phân bổ:

1. Gia Đình mỗi năm phải phụ nạp cho Ban Hướng Dẫn Tỉnh 400 đồng. Số tiền này có thể gửi làm hai kỳ.
2. Ban Hướng Dẫn Tỉnh mỗi năm phải phụ nạp cho Ban Hướng Dẫn Trung Ương 1.000 đồng, trước tháng sáu mỗi năm.
3. Miền: Chi phí của Ban Đại Diện Miền do Ban Hướng Dẫn Trung Ương đài thọ.

Chương thứ ba

HUY HIỆU – BÀI CA CHÍNH THỨC – ĐỒNG PHỤC

Điều 11: HUY HIỆU

Huy hiệu chính thức của Gia Đình Phật Tử là Hoa Sen Trắng, tám (08) cánh, trên nền tròn xanh lá mạ, viền trắng.

Điều 12:

A. Bài Ca Chính Thức:

Bài Hoa Sen Trắng là bài ca chính thức của Gia Đình Phật Tử.

B. Cấp Hiệu và Huy Hiệu:

Các Cấp hiệu và Huy hiệu cùng một thể thức do Ban Hướng Dẫn Trung Ương ấn định và phát hành.

C. Chào:

Ấn Cát Tường chỉ áp dụng khi mặc đồng phục GDPT (bàn tay mặt ngửa về phía trước, đưa ngang vai, cánh ngoài thẳng dọc với ngón cái giữ lấy ngón đeo nhẫn).

Điều 13: ĐỒNG PHỤC

A. Nam Phật Tử và Thiếu Nam: Sơ-mi lam tay cụt, hai túi và cầu vai. Quần sọt xanh nước biển, hai túi sau. Nón lá hay mũ Phật tử (tùy theo địa phương nhưng cốt đồng nhất cho mỗi Đoàn).

B. Nữ Phật Tử và Thiếu Nữ: Áo dài lam, quần trắng (khi đi trại nên có Trại phục)

C. Nam Oanh Vũ: Sơ-mi lam tay cụt, có cầu vai. Quần sọt màu xanh nước biển, hai túi sau, có dây treo. Mũ bê rê hay mũ rộng vành màu xanh nước biển chóp tròn (tùy theo địa phương nhưng cốt đồng nhất cho mỗi Đoàn).

D. Nữ Oanh Vũ: Sơ-mi lam tay cụt phồng. Váy màu xanh nước biển. Mũ hay nón (tùy theo địa phương, nhưng cốt cho đồng nhất trong một Đoàn).

Đồng phục và Huy hiệu trên chỉ được dùng trong những ngày lễ của Hội của Gia Đình, trong những buổi cắm trại và buổi họp.

Chương thứ tư

ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

KHUÔN DẤU – GIẢI TÁN – GIA NHẬP GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Điều 14: ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

- Khác với hệ thống tổ chức của Tổng Vụ Cư sĩ, Gia Đình Phật Tử tại các thôn, ấp, xã, khóm, phường, quận có thể tùy nghi thành lập không phân biệt khu vực.
- Đoàn quán đặt nơi nào thì liên lạc theo hệ thống ngang với Ban Đại Diện Giáo Hội sở tại.
- Mỗi Gia Đình Phật Tử phải có ít nhất là hai (2) Huynh Trưởng đã dự lớp Huấn luyện mới được thành lập.

A. Trong trường hợp đã có một Ban Hướng Dẫn Tỉnh thì:

- a. Phải có giấy ủy nhiệm của Ban Hướng Dẫn Tỉnh.
- b. Sau sáu (06) tháng hoạt động điều hòa mới được Ban Hướng Dẫn Tỉnh chính thức thừa nhận.

B. Trong trường hợp chưa có Ban Hướng Dẫn Tỉnh:

- a. Phải có giấy ủy nhiệm của Ban Hướng Dẫn Trung Ương.
- b. Phải trình giấy ủy nhiệm này cho Ban Đại Diện Giáo Hội sở tại.
- c. Gia Đình Phật Tử đã thành lập đúng theo Điều 6 mục D về cấp Gia Đình, Ban Huynh trưởng phải báo cáo cho Ban Đại Diện Giáo Hội sở tại và Ban Hướng Dẫn Trung Ương biết. Sau sáu (6) tháng sinh hoạt điều hòa, mới được Ban Hướng Dẫn Trung Ương chính thức thừa nhận.

Điều 15: KHUÔN DẤU

Chỉ có năm (05) cấp có khuôn dấu mà thôi:

TRUNG ƯƠNG – MIỀN – TỈNH – QUẬN VÀ GIA ĐÌNH.

Kiểu và khuôn khổ cho mỗi cấp do Ban Hướng Dẫn Trung Ương định.

Điều 16: ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP

1. Muốn gia nhập Gia Đình, phải có đơn của Phụ huynh xin Gia Trưởng (có mẫu in sẵn ở Gia Đình). Nếu là một Nam Phật Tử hay Nữ Phật Tử (tuổi từ 18 trở lên) thì đơn xin gia nhập phải có 2 Đoàn viên giới thiệu.

2. Sau Ba (03) tháng sinh hoạt liên tục, nếu được Đoàn Trưởng xác nhận đủ điều kiện, Đoàn sinh mới được làm lễ phát nguyện và được Ban Huynh Trưởng công nhận là Đoàn Sinh chính thức của Gia Đình.

Điều 17: KỶ LUẬT

A. Huynh Trưởng:

Huynh Trưởng phạm kỷ luật sẽ chiếu Quy Chế Huynh Trưởng thi hành.

B. Đoàn Sinh:

- Không đi họp luôn ba (03) buổi liên tiếp và không có giấy phép.

- Làm tổn thương đến thanh danh Gia Đình Phật Tử thì không còn mang danh nghĩa Đoàn sinh nữa.

1. Quyết định cho nghỉ hoạt động tạm thời hay vĩnh viễn là do Gia Trưởng với sự chấp thuận của hai phần ba Huỳnh Trưởng trong Ban Huỳnh Trưởng.

2. Riêng danh sách các Đoàn sinh đã bị cho nghỉ vĩnh viễn, phải được thông báo cho Ban Hướng Dẫn Tỉnh để chỉ thị cho các Gia Đình Phật Tử trong Tỉnh không được thu nhận.

3. Đoàn sinh đã mất danh nghĩa thì không được quyền đòi hỏi một điều kiện bồi thường nào cả.

Điều 18: NGƯNG HOẠT ĐỘNG – GIẢI TÁN

1. Ngưng Hoạt Động:

a. Mọi sự ngưng hoạt động của một Gia Đình Phật Tử trong Tỉnh phải được hai phần ba (2/3) số Huỳnh Trưởng biểu quyết với sự thoả thuận của Ban Hướng Dẫn Tỉnh.

b. Mọi sự ngưng hoạt động của Ban Hướng Dẫn Tỉnh phải được hai phần ba (2/3) số Huỳnh trưởng Tỉnh biểu quyết với sự chấp thuận của Ban Hướng Dẫn Trung Ương.

c. Mọi sự ngưng hoạt động của Ban Hướng Dẫn Trung Ương phải do Đại Hội Huỳnh Trưởng toàn quốc quyết định với sự phê chuẩn của Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

2. Giải Tán:

a. Những Gia Đình Phật Tử không sinh hoạt đúng Nội Quy của Gia Đình Phật Tử Việt Nam thì sẽ do Ban Hướng Dẫn Tỉnh quyết định cho tạm ngưng hoạt động hay giải tán sau khi điều tra và lập báo cáo gửi về Ban Hướng Dẫn Trung Ương.

b. Muốn giải tán Ban Hướng Dẫn Tỉnh chỉ có Ban Hướng Dẫn Trung Ương mới có quyền giải tán mà thôi.

Ban Đại Diện Giáo Hội cấp Tỉnh có quyền đề nghị giải tán Ban Hướng Dẫn Tỉnh với những lý do xác đáng kèm theo tài liệu đầy đủ và quyền quyết định tối hậu vẫn do ban Hướng Dẫn Trung Ương.

c. Những Gia Đình hay Ban Hướng Dẫn bị giải tán, các vật dụng và tài chánh đều phải giao lại cho cấp trên của mình theo hệ thống dọc.

Chương thứ năm

SỬA ĐỔI NỘI QUY

Điều 19: SỬA ĐỔI NỘI QUY

Mọi sự sửa đổi Nội Quy này phải do Đại Hội Huỳnh Trưởng toàn quốc quyết định và được Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất phê chuẩn.

Làm tại Sài Gòn, ngày 21 tháng 5 Phật lịch 2508 (30.06.1964)

Tu chính tại Sài Gòn, ngày 25 tháng 6 Phật lịch 2511 (01.08.1967)

Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam

Quy Chế Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam

- Đại hội Huynh Trưởng GDPT 1955 tại Đà Lạt
 - Tu chỉnh: Đại hội Huynh Trưởng 1964 tại Sài Gòn
 - Tu chỉnh: Đại hội Huynh Trưởng 1967 tại Sài Gòn
 - Tu chỉnh: Đại hội Huynh Trưởng 1973 tại Đà Nẵng
-

Chương mở đầu

Sứ Mệnh Huynh Trưởng

- Nghĩ rằng trong một đoàn thể, các cán bộ điều khiển đóng vai trò nòng cốt và liên quan ảnh hưởng đến sự thịnh suy của tổ chức.
 - Nghĩ rằng trong sứ mệnh giáo dục Thanh Thiếu Nhi, Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử tự khoát vào mình tính chất đặc thù mà khả năng đạo đức không thể tách rời, trí thức và kinh nghiệm phải được thực hiện nương nhau.
 - Nghĩ rằng với quá khứ trên 30 năm tiến triển, Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam đã chịu đựng một cách xứng đáng để giữ vững và phát huy tổ chức.
- Quy Chế Huynh Trưởng này được thiết lập để thăng tiến Tổ Chức (chương I), để san định bốn phận, trách nhiệm và quyền hạn Huynh Trưởng (chương II) để thống nhất tư tưởng, ý chí hành động Huynh Trưởng (chương III) và để liên kết Huynh Trưởng lại thành một khối (chương IV).
-

Chương thứ nhất

Mục I: Cấp Bạc

Điều 1: Tất cả Huynh Trưởng (1) Gia Đình Phật Tử Việt Nam, tùy theo thời gian thâm niên, khả năng và đạo đức đều được xếp vào các cấp Huynh Trưởng theo thứ tự cấp bậc:

TẬP – TÍN – TẤN – DŨNG.

Mục II: Cấp Tập

Điều 2: Thẻ thức gia nhập hàng Huynh Trưởng: (2)

- Đoàn viên Gia Đình Phật Tử có cấp Trung Thiện trở lên (3).
- Nam Nữ Phật Tử (4) sinh hoạt trong Đoàn trên một năm và trên 19 tuổi.
- Nam Nữ Thanh niên từ 20 tuổi trở lên, được Gia Đình Phật Tử mời (5) hay hai Huynh Trưởng (7) giới thiệu, và phải trúng cách Trại Huấn Luyện Huynh Trưởng A Dục (6).

Điều 3: Tu học: Chương Trình Tu Học Huynh Trưởng Bạc A (8) và Bạc B (9), trúng cách Trại A Dục.

Điều 4: Thời gian: ba năm Huynh Trưởng kể từ ngày gia nhập (10).

Điều 5: Thẻ thức xếp cấp: Ban Huynh Trưởng Cấp Gia Đình đề nghị lên Ủy Ban Quản Trị Huynh Trưởng Cấp Tỉnh (11) và Ban Hướng Dẫn Tỉnh ra quyết định liệt vào hàng Huynh Trưởng Cấp Tập, và tổ chức Lễ Thọ Cấp.

Mục III: Cấp Tín

Điều 6: Điều kiện: Phải là Huynh Trưởng Cấp Tập (12).

Điều 7: Tu Học: Chương trình Tu Học Huynh Trưởng Bạc C (13), trúng cách Trại Huyền Trang (14).

Điều 8: Thời gian: Sau ba năm sinh hoạt cấp Tập (15).

Điều 9: Thẻ thức xếp cấp: Ban Hướng Dẫn Tỉnh đề nghị lên Ban Hướng Dẫn Trung Ương xét (16).

- Ban Hướng Dẫn Trung Ương ra quyết định công nhận vào hàng Huynh Trưởng cấp Tín.

- Ban Hướng Dẫn Tỉnh tổ chức Lễ Thọ Cấp bậc.

Mục IV: Cấp Tấn

Điều 10: Điều kiện: Phải là Huynh Trưởng sinh hoạt 5 năm cấp Tín (17).

Điều 11: Tu học: Chương trình Tu Học Huynh Trưởng Bạc D, trúng cách Trại Huấn Luyện Vạn Hạnh (18).

Điều 12: Thời gian: 5 năm sinh hoạt cấp Tín, có tối thiểu 35 tuổi đời và 15 năm làm Huynh Trưởng (19).

Điều 13: Thẻ thức xếp cấp: Một Hội Đồng Huynh Trưởng trên cấp tại Cấp Tỉnh xét hồ sơ, bình nghị gửi lên Ban Hướng Dẫn Trung Ương (20).

- Một Hội Đồng Huynh Trưởng trên cấp tại Cấp Trung Ương xét hồ sơ, bình nghị đề nghị của Ban Hướng Dẫn Trung Ương chuyển qua (21).

- Ban Hướng Dẫn Trung Ương ra quyết định công nhận vào hàng Huynh Trưởng cấp Tấn.

- Ban Hướng Dẫn Trung Ương tổ chức Lễ Thọ Cấp bậc (22).

Mục V: Cấp Dũng

Điều 14: Điều kiện: Phải là Huynh Trưởng sinh hoạt 10 năm Cấp Tấn (23).

Điều 15: Tu học: Trình bày luận án do Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (24) chấp thuận, hoặc là một dự án được một Hội Đồng Đặc Biệt chấp thuận (Hội Đồng này do Ban Hướng Dẫn Trung Ương mời).

Điều 16: Thẻ thức xếp cấp: Hội Đồng Huynh Trưởng Cấp Dũng xét (25) và Ban Hướng Dẫn Trung Ương ra quyết định liệt vào hàng Huynh Trưởng Cấp Dũng.

Chương thứ hai

Bổn phận – Nhiệm vụ – Quyền hạn.

Mục VI: Cấp Tập

Điều 17: Nhiệm vụ – Bổn phận:

- Tham gia vào Ban Huynh Trưởng của một Gia Đình Phật Tử.
- Làm Đoàn Trưởng (có thể làm Liên Đoàn Trưởng đặc cách).
- Làm Trại Trưởng Trại Huấn Luyện Đội, Chúng Trưởng (Anoma: Đội Trưởng và Phó; Ni Liên: Chúng Trưởng và Phó) cho Thiếu Nam và Thiếu Nữ.
- Làm Huấn Luyện Viên Lộc Uyển.
- Ban Viên Ban Quản Trại Lộc Uyển và A Dục.
- Có trách nhiệm về sự thịnh suy của một Đoàn và liên đới trách nhiệm với Ban Huynh Trưởng về sự thịnh suy của một Gia Đình.

Điều 18: Quyền hạn – Quyền lợi:

- Có quyền biểu quyết công việc trong một Gia Đình Phật Tử.
- Được đại diện Gia Đình để biểu quyết trong các cuộc họp do Ban Hướng Dẫn Tỉnh triệu tập.
- Được mời làm phụ tá Ban Viên Ban Hướng Dẫn Tỉnh, Thị Xã.
- Có quyền giới thiệu người vào Gia Đình để làm Huynh Trưởng tập sự.
- Nếu đủ khả năng và điều kiện, được ưu tiên tuyển dụng vào các cơ quan sinh tài của Giáo Hội.

Mục VII: Cấp Tín

Điều 19: Nhiệm vụ – Bổn phận:

- Làm Liên Đoàn Trưởng hay Ban Viên Ban Hướng Dẫn Tỉnh.
- Làm Trại Trưởng Trại Huấn Luyện Lộc Uyển.
- Làm Huấn Luyện Viên Trại Huấn Luyện A Dục.
- Có trách nhiệm về sự thịnh suy của một Gia Đình Phật Tử, liên đới trách nhiệm với Ban Hướng Dẫn Tỉnh, Thị Xã về sự thịnh suy của Gia Đình Phật Tử trong một Tỉnh, Thị Xã.

Điều 20: Quyền hạn – Quyền lợi:

- Có tất cả quyền hạn của cấp Tập.
- Được đại diện Gia Đình Phật Tử Tỉnh để biểu quyết trong các cuộc họp do Ban Hướng Dẫn Trung Ương triệu tập.
- Ứng cử làm Ban Viên Ban Hướng Dẫn Tỉnh trừ chức vụ Trưởng Ban Hướng Dẫn. Quyền đề cử là quyền của Đại Hội Huynh Trưởng Tỉnh (Đại Hội Huynh Trưởng có thể đề cử giữ chức vụ Trưởng Ban Hướng Dẫn Tỉnh).

Mục VIII: Cấp Tấn

Điều 21: Nhiệm vụ – Bồn phận:

- Làm Trưởng Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Tỉnh, hay Ban Viên Ban Hướng Dẫn Trung Ương.
- Làm Trại Trưởng Trại Huấn Luyện Lộc Uyển, A Dục và Huyền Trang.
- Làm Huấn Luyện Viên Trại Vạn Hạnh.
- Có trách nhiệm về sự thịnh suy của Gia Đình Phật Tử Tỉnh, và liên đới trách nhiệm với Ban Hướng Dẫn Trung Ương về sự thịnh suy của Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Điều 22: Quyền hạn – Quyền lợi:

- Có tất cả quyền hạn của Huỳnh Trưởng Cấp Tấn.
- Ứng cử làm Ban Viên Ban Hướng Dẫn Trung Ương, trừ chức vụ Trưởng Ban, Đại Hội Huỳnh Trưởng có thể đề cử và bầu giữ chức vụ này.
- Được tuyển chọn tham gia các phái đoàn đại diện Gia Đình Phật Tử Việt Nam trong các cuộc Hội Nghị Quốc Tế.

Mục IX: Cấp Dũng

Điều 23: Nhiệm vụ – Bồn phận:

- Làm Trưởng Ban Hướng Dẫn Trung Ương.
- Làm Trại Trưởng Trại Huấn Luyện Vạn Hạnh.
- Có trách nhiệm về sự thịnh suy của Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Điều 24: Quyền hạn:

- Có tất cả quyền hạn của cấp Tấn.
- Đại diện Gia Đình Phật Tử Việt Nam trong các cuộc Hội Nghị Quốc Tế.

Chương thứ ba

Huấn luyện

Mục X: Tổng quát

Điều 25: Mục đích:

Để thống nhất tư tưởng, ý chí và hành động, tất cả Huỳnh Trưởng đều phải trải qua các Trại Huấn Luyện sau đây:

- Trại Huấn Luyện Huỳnh Trưởng Sơ Cấp: lấy danh hiệu Lộc Uyển.
- Trại Huấn Luyện Huỳnh Trưởng Cấp I: lấy danh hiệu A Dục.
- Trại Huấn Luyện Huỳnh Trưởng Cấp II: lấy danh hiệu Huyền Trang.
- Trại Huấn Luyện Huỳnh Trưởng Cấp III: lấy danh hiệu Vạn Hạnh.

Bốn tên Trại trên đây chỉ dành riêng cho các khóa huấn luyện Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam (26).

Và chương trình tu học của Huynh Trưởng đều nhằm vào việc đào luyện Huynh Trưởng:

- Có căn bản giáo lý
- Có kiến thức phổ quát
- Có khả năng sáng tạo

Điều 26: Phụ trách:

- Ban Hướng Dẫn Tỉnh phụ trách các Trại Lộc Uyển, A Dục và Huyền Trang.
- Ban Hướng Dẫn Trung Ương phụ trách Trại Vạn Hạnh.

Mục XI: Trại Lộc Uyển

Điều 27: Mục đích:

- Hiểu đại cương tổ chức các Đoàn,
- Đào tạo Đoàn Phó thực thụ.

Điều 28: Thời gian: Mười ngày, có thể chia làm hai đợt.

Điều 29: Điều kiện trại sinh:

- Tối thiểu 18 tuổi (Đoàn sinh Thiếu).
- Tối thiểu 19 tuổi (Nam Nữ Phật Tử).
- Tối thiểu 20 tuổi (Nam Nữ Thanh Niên).
- Đoàn sinh Ngành Thiếu (18 tuổi) phải có chứng chỉ Trại Anoma, Ni Liên (Ban Hướng Dẫn Tỉnh cấp) hay giấy chứng nhận của Ban Hướng Dẫn Tỉnh.
- Trước khi đi trại, phải Trúng cách Chương trình Tu học Huynh trưởng Bạc A (27), Bạc “Kiên”.

Điều 30: Nội dung Huấn luyện: phù hợp với mục đích, gồm có 3 phần:

- Phần tự học,
- Phần giáo huấn,
- Phần thực tập (xem Chương trình Tu học và Huấn luyện Huynh trưởng qua các cấp của Ban Hướng Dẫn Trung Ương ấn hành).

Điều 31: Điều kiện trúng cách:

- Dự học đủ suốt 2 đợt trại,
- Trúng cách cuộc khảo sát.

Thời gian cấp chứng chỉ: Sáu (6) tháng sau khi trúng cách toàn khóa.

Điều 32: Nội lệ Trại Lộc Uyển:

- Khẩu hiệu: Tiến.
- Kỷ luật: Đúng giờ, lạnh lẽ, tư cách đứng đắn.
- Trại ca và phù hiệu: Thống nhất, do Ban Hướng Dẫn Trung Ương ấn định.

Mục XII: Trại A Dục

Điều 33: Mục đích:

- Hiểu biết thấu đáo về Ngành,
- Đào tạo Đoàn Trưởng.

Điều 34: Thời gian: Bảy ngày đêm liên tục.

Điều 35: Điều kiện trại sinh:

- Phải có ít nhất 22 tuổi,
- Sau khi trúng cách Trại Lộc Uyển hai năm,
- Có Chứng Chỉ Tu Học Huỳnh Trưởng Bạc B, Bạc “Trì”.

Điều 36: Nội dung huấn luyện: phù hợp với mục đích, gồm có:

- Phần tự học
- Phần giảng huấn
- Phần thực tập (điều khiển)
- Phần thuyết trình (phần tự học)

(xem Chương trình Tu học và Huấn luyện Huỳnh trưởng các Cấp).

Điều 37: Điều kiện trúng cách:

- Dự học suốt thời gian trại.
- Trúng cách cuộc khảo sát.
- Thời gian cấp chứng chỉ: Một (01) năm sau khi trúng cách.

Điều 38: Nội lệ Trại A Dục:

- Khẩu hiệu: Tín
- Kỷ luật: Khắc khổ, lục hòa.
- Trại ca và phù hiệu: Thống nhất, do Ban Hướng Dẫn Trung Ương ấn định.

Mục XIII: Trại Huyền Trang

Điều 39: Mục đích:

- Thấu đáo tổ chức Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và Gia Đình Phật Tử Việt Nam.
- Đào tạo Liên Đoàn Trưởng.

Điều 40: Thời gian: Năm (05) ngày đêm liên tục, sau một khóa hàm thụ.

Điều 41: Điều kiện trại sinh:

- Phải có ít nhất 25 tuổi,
- Sau khi trúng cách A Dục ba (03) năm,
- Phải là Huynh Trưởng Cấp Tập và có Chứng Chỉ Tu Học Huynh Trưởng Bạc C, Bạc “Định”.

Điều 42: Nội dung huấn luyện: phù hợp với mục đích, gồm có:

- Phần tự học (khóa hàm thụ),
- Phần giảng huấn,
- Phần thực tập (điều khiển),
- Phần thuyết trình

(xem Chương Trình Tu Học và Huấn Luyện Huynh Trưởng các Cấp).

Điều 43: Điều kiện trúng cách:

- Dự đủ khóa hàm thụ,
- Dự học suốt thời gian trại,
- Trúng cách cuộc khảo sát,

(Dự bổ túc “Hội Thảo” 2 ngày sau khi trúng cách 2 năm do Ban Hướng Dẫn Tỉnh tổ chức).

- Thời gian cấp chứng chỉ: 18 tháng sau khi trúng cách.

Điều 44: Nội lệ trại Huyền Trang:

- Khẩu hiệu: Vững.
- Kỷ luật: Tự giác.
- Trại ca và phù hiệu: Do Ban Hướng Dẫn Trung Ương ấn định.

Mục XIV: Trại Vạn Hạnh

Điều 45: Mục đích:

- Hiểu biết tổ chức Phật Giáo và các đoàn thể Thanh Niên Thế Giới.
- Đào tạo Ban Viên Ban Hướng Dẫn Tỉnh.

Điều 46: Thời gian: Năm ngày đêm liên tục sau một khóa hàm thụ.

Điều 47: Điều kiện trại sinh:

- Phải ít nhất là 30 tuổi
- Sau khi trúng cách Trại Huyền Trang năm (05) năm.
- Phải là Huynh Trưởng cấp Tín và có chứng chỉ tu học Huynh Trưởng Bạc D, Bạc “Lực”.
- Cứ sau ba (03) năm, tham dự một khóa “Hội Thảo” một lần, do Ban Hướng Dẫn Trung Ương tổ chức).

Điều 48: Nội dung huấn luyện:

- Phần giảng huấn
- Nặng phần thuyết trình và hội thảo.

Điều 49: Điều kiện trúng cách:

- Dự đầy đủ khóa hàm thụ,
- Dự học suốt thời gian Trại.

Thời gian cấp chứng chỉ: Cấp giấy chứng nhận dự trại.

Điều 50: Nội lệ Trại Vạn Hạnh:

- Khẩu hiệu: Dũng.
- Kỷ luật: Tự giác.
- Trại ca và phù hiệu: Do Ban Hướng Dẫn Trung Ương ấn định.

Chương thứ tư

Quản Trị Huỳnh Trưởng

Mục XV: Ủy Ban Quản Trị Huỳnh Trưởng

Điều 51: Ủy Ban Quản Trị Huỳnh Trưởng có nhiệm vụ kiểm soát tất cả mọi sinh hoạt liên quan đến Huỳnh Trưởng GĐPT/VN, hầu phát huy khả năng của toàn thể Huỳnh Trưởng để phục vụ cho Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Vấn đề quản trị bao gồm các phương diện hành chánh, giao tế, tương trợ và kỷ luật được đề cập ở các điểm sau đây:

Điều 52: Hành chánh:

- a. Quản thủ và nhật tu hồ sơ Huỳnh Trưởng các cấp (28),
- b. Xét hồ sơ và tổ chức Hội Đồng Xếp Cấp Huỳnh Trưởng,
- c. Cấp thẻ Huỳnh Trưởng (29),
- d. Theo dõi sự di chuyển, cư trú của Huỳnh Trưởng.

Điều 53: Giao tế tương trợ (giao cho Ủy Ban Tương Tế) (30):

- Nghiên cứu và tổ chức việc tương tế Huỳnh Trưởng,
- Tổ chức tìm kiếm công việc sinh sống, an dưỡng cho Huỳnh Trưởng.

Điều 54: Kỷ luật:

- Tổ chức Hội Đồng Kỷ Luật
- Theo dõi sự thi hành các quyết định của Hội Đồng Kỷ Luật.

Mục XVI: Ủy Ban Quản Trị Trung Ương

Điều 55: Thành phần:

- 01 Chủ Tịch
- 02 Phó Chủ Tịch (1 Nam, 1 Nữ)
- 01 Thư Ký
- 05 Ban Viên.

Điều 56: Điều kiện:

- Chủ Tịch: Phải là Trưởng Ban Hướng Dẫn Trung Ương,
- 2 (hai) vị Phó Chủ Tịch: Phải là Huỳnh Trưởng cao niên, thâm niên trong Gia Đình, cấp Tấn trở lên.
- Thư Ký: Phải là Huỳnh Trưởng cấp Tấn trở lên và do Chủ Tịch Trung Ương chỉ định (nếu có thể là Ủy Viên Nội Vụ kiêm nhiệm).
- 5 (năm) Ban Viên: Do Chủ Tịch Trung Ương chỉ định trong số Huỳnh Trưởng có cấp Tín trở lên.

Điều 57: Nhiệm kỳ: Song song với nhiệm kỳ Ban Hướng Dẫn Trung Ương.

Điều 58: Điều hành:

- a) Ủy Ban có một văn phòng thường trực bên cạnh Ban Hướng Dẫn Trung Ương.
- b) Ủy Ban có những cuộc họp định kỳ hằng tháng và những cuộc họp bất thường để giải quyết công việc.
- c) Hoàn thành hồ sơ xếp cấp Huỳnh Trưởng trước Lễ Thành Đạo mỗi năm.
- d) Phổ biến tin tức liên quan đến vấn đề quản trị Huỳnh Trưởng.
- e) Phúc trình hoạt động trước Đại Hội Huỳnh Trưởng toàn quốc.

Mục XVII: Ủy Ban Quản Trị Huỳnh Trưởng Cấp Tỉnh

Điều 59: Thành phần: Y như thành phần Ủy Ban Quản Trị Trung Ương.

- Thư Ký: một Huỳnh Trưởng cấp Tín trở lên (có thể là Ủy Viên Nội Vụ Ban Hướng Dẫn Tỉnh kiêm nhiệm).
- Số Ban Viên: có thể rút bớt vì nhu cầu.
- 2 vị Phó Chủ Tịch: trong trường hợp Tỉnh không có đủ Huỳnh Trưởng cấp Tấn, mới phải bầu Huỳnh Trưởng cấp Tín.

Điều 60: Điều hành:

- a) Phải có nhân viên thường trực phụ trách công việc điều hành.
- b) Có những cuộc họp định kỳ hằng tháng và những cuộc họp bất thường để giải quyết công việc.
- c) Thi hành chỉ thị của Ủy Ban Quản Trị Huỳnh Trưởng Trung Ương.
- d) Phổ biến những tin tức liên quan đến vấn đề Quản Trị Huỳnh Trưởng.

e) Phúc trình lên Ủy Ban Quản Trị Trung Ương mỗi tam cá nguyệt.

f) Hoàn thành hồ sơ xếp cấp Huỳnh Trưởng cấp Tập, để chuyển qua Ban Hướng Dẫn Tỉnh, trước Thành Đạo mỗi năm.

g) Hoàn thành hồ sơ xếp cấp Huỳnh Trưởng từ cấp Tín trở lên để chuyển qua Ban Hướng Dẫn Tỉnh, trước tháng 10 mỗi năm.

Điều 61: Nhiệm kỳ: song song với nhiệm kỳ của Ban Hướng Dẫn Tỉnh.

Mục XVIII: Hội Đồng Kỷ Luật Huỳnh Trưởng

Điều 62: Mục đích của Hội Đồng Kỷ Luật: Xác định tính cách vi phạm kỷ luật của Huỳnh Trưởng và áp dụng các biện pháp thích ứng để đưa Huỳnh Trưởng vào nếp sống kỷ cương của Gia Đình Phật Tử.

Biện pháp thi hành kỷ luật:

- Phê bình, sám hối.
- Cảnh cáo.
- Cảnh cáo có ghi vào sách tịch Huỳnh Trưởng.
- Tạm ngưng hoạt động.
- Miễn nghị xét, xếp cấp Huỳnh Trưởng.
- Khai trừ khỏi Gia Đình Phật Tử Việt Nam.
- Đưa ra pháp luật.

Điều 63: Hội Đồng Kỷ Luật:

a) Ban Huỳnh Trưởng Gia Đình được phê bình, giải quyết những lỗi nhẹ của Huỳnh Trưởng phạm lỗi.

b) Nếu Ban Huỳnh Trưởng Gia Đình không giải quyết được, Ban Hướng Dẫn sẽ triệu tập Hội Đồng Kỷ Luật cấp Tỉnh gồm có Ủy Ban Quản Trị Cấp Tỉnh, và một Huỳnh Trưởng cao niên đồng cấp với Huỳnh Trưởng phạm lỗi.

c) Nếu Huỳnh Trưởng phạm lỗi nặng, Hội Đồng Kỷ Luật cấp Tỉnh xét không giải quyết được thì phải lập hồ sơ chuyển lên Ban Quản Trị Trung Ương. Nếu cần, hồ sơ được chuyển qua Ban Hướng Dẫn Trung Ương để Ban Hướng Dẫn Trung Ương triệu tập một hội đồng kỷ luật tối cao xét xử và phán quyết tối hậu.

Sài Gòn, ngày 20 tháng 02 năm 1974

Ban Hướng Dẫn Trung Ương